

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay du lịch là xem là ngành kinh tế không khói quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Du lịch trở nên phổ biến và là nhu cầu không thể thiếu của con người khi đời sống tinh thần của họ ngày càng phong phú. Là một ngành dịch vụ, hoạt động du lịch nhằm thỏa mãn những nhu cầu vui chơi giải trí, tìm hiểu thiên nhiên xã hội, các nét đẹp về văn hóa,... Môi trường được xem là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch, qua đó có tác động trực tiếp đến khả năng thu hút khách, đến sự tồn tại và phát triển của hoạt động du lịch. Ngược lại, ở chừng mực nhất định, hoạt động du lịch tái tạo môi trường mới hay góp phần làm tăng sức hấp dẫn của cảnh quan, cải thiện môi trường như việc xây dựng các công viên giải trí, các công viên cây xanh, hồ nước nhân tạo,...

Hoạt động phát triển du lịch đồng nghĩa với việc gia tăng lượng khách du lịch tới các điểm du lịch, tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ và gia tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên,... từ đó dẫn đến sự gia tăng áp lực của phát triển du lịch đến môi trường. Tại nhiều khu vực, do tốc độ phát triển của hoạt động du lịch có thể vượt ngoài khả năng đáp ứng của tài nguyên và môi trường gây ô nhiễm cục bộ và nguy cơ suy thoái lâu dài. Trong bối cảnh có sự suy thoái chung về môi trường và cạn kiệt về tài nguyên trên phạm vi cả nước, những ô nhiễm, suy thoái cục bộ ngày càng góp phần làm giảm sức hấp dẫn của các sản phẩm du lịch.

Như vậy, hoạt động du lịch và môi trường có tác động qua lại, tương hỗ lẫn nhau và nếu khai thác, phát triển du lịch không hợp lý có thể sẽ là nguyên nhân làm suy giảm giá trị của các nguồn tài nguyên, suy giảm chất lượng môi trường và cũng có nghĩa là làm suy giảm hiệu quả của chính hoạt động du lịch. Vì vậy, bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch có ý nghĩa quyết định đối với phát triển du lịch bền vững.

Việc đào tạo, nâng cao trình độ, hiểu biết về môi trường cho học sinh, sinh viên trong các trường đào tạo về du lịch nhằm để có thể khai thác môi trường có hiệu quả, đồng thời bảo vệ và hạn chế các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đến môi trường. Để thực hiện được nhiệm vụ trên, việc đưa nội dung môi trường vào chương trình đào tạo du lịch là cần thiết và là một giải pháp căn bản mang tính lâu dài, góp phần tích cực đối với phát triển du lịch bền vững.

Môn học Môi trường du lịch ra đời và được đưa vào giảng dạy cho chuyên ngành Quản trị khách sạn, nhà hàng là một nhu cầu thiết yếu, gắn kết lý luận và thực tiễn phát triển của ngành du lịch hiện nay.

Giáo trình **Môi trường du lịch** được chia thành 4 chương:

Chương 1: Khái quát về môi trường du lịch

Chương 2: Môi trường và phát triển du lịch bền vững

Chương 3: Quản lý và bảo vệ môi trường

Môn học Môi trường du lịch là một môn học mới trong chương trình khung đào tạo du lịch ở bậc cao đẳng đang được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quan tâm về việc biên soạn giáo trình giảng dạy.

Tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu trong và ngoài nước để mạnh dạn biên soạn giáo trình Môi trường du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của các trường đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các độc giả, các nhà khoa học, các chuyên gia trong ngành du lịch...để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH 1

1.1 Môi trường	1
1.1.1 Khái niệm.....	1
1.1.1.1 Bảo vệ môi trường	3
1.2 Môi trường du lịch.....	3
1.3 Nội dung và vai trò của các thành phần môi trường đến du lịch.....	4
1.3.1 Môi trường du lịch tự nhiên	4
1.3.1.1 Môi trường địa chất	4
1.3.1.2 Môi trường nước.....	6
1.3.1.3 Môi trường không khí.....	6
1.3.1.4 Môi trường sinh học	7
1.3.1.5 Các tai biến, sự cố môi trường	8
1.3.2 Môi trường du lịch nhân văn.....	8
1.3.3 Môi trường kinh tế - xã hội.....	9
1.3.3.1 Yếu tố thể chế chính sách	9
1.3.3.2 Trình độ phát triển khoa học công nghệ.....	9
1.3.3.3. Mức độ phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật.....	10
1.3.3.4 Yếu tố tổ chức quản lý xã hội	10
1.3.3.5 Mức sống dân cư	10
1.3.3.6 Yếu tố trật tự an toàn xã hội.....	10
1.4 Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường	11
1.4.1 Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường tự nhiên	11
1.4.1.1 Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường không khí.....	11
1.4.1.2 Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường nước	12
1.4.1.3 Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường đất.....	13
1.4.1.4 Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường sinh vật	14
1.4.2 Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường nhân văn và kinh tế xã hội	15
1.4.2.1 Tác động tích cực	15
1.4.2.2 Tác động tiêu cực	18
1.5. Tác động của môi trường đến hoạt động du lịch	19
1.5.1 Tác động của môi trường tự nhiên đến hoạt động du lịch	19
1.5.2 Tác động của môi trường nhân văn đến hoạt động du lịch	21
CHƯƠNG 2: DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	24
2.1 Khái niệm.....	24
2.1.1 Phát triển bền vững.....	24
2.1.2 Phát triển du lịch bền vững	25
2.2 Vai trò của môi trường với phát triển du lịch bền vững	27

2.3 Những nguyên tắc phát triển du lịch bền vững	28
2.3.1 Sử dụng nguồn lực một cách bền vững	28
2.3.2 Giảm sự tiêu thụ quá mức và giảm chất thải	28
2.3.3 Duy trì tính đa dạng	29
2.3.4 Hợp nhất du lịch vào quá trình quy hoạch	30
2.3.5 Hỗ trợ kinh tế địa phương.....	31
2.3.6 Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch	31
2.3.7 Lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng có liên quan.....	32
2.3.8 Đào tạo nhân viên.....	32
2.3.9 Tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm	33
2.3.10 Tiến hành nghiên cứu	33
2.4 Phát triển các loại hình du lịch bền vững	34
2.4.1 Du lịch sinh thái	34
2.4.1.1 Khái niệm.....	34
2.4.1.2 Đặc điểm của du lịch sinh thái.....	36
2.4.1.3 Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động du lịch sinh thái.....	37
2.4.1.4 Các yếu tố cần thiết để phát triển du lịch sinh thái.....	38
2.4.2 Du lịch văn hóa.....	39
2.4.2.1 Khái niệm.....	39
2.4.2.2 Đặc điểm của du lịch văn hóa	40
2.4.2.3 Những nguyên tắc trong phát triển du lịch văn hóa.....	41
2.4.2.4 Các điều kiện để phát triển du lịch văn hóa.....	42
2.4.3 Du lịch homestay	43
2.4.3.1 Khái niệm.....	43
2.4.3.2 Đặc điểm của du lịch homestay.....	44
CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	46
3.1 Quản lý nhà nước trong môi trường du lịch	46
3.1.1 Vai trò của quản lý nhà nước trong môi trường du lịch.....	46
3.1.2 Các hoạt động quản lý nhà nước trong môi trường du lịch.....	47
3.1.2.1 Xây dựng hệ thống chỉ tiêu môi trường	47
3.1.2.2 Các chính sách, chiến lược	48
3.1.2.3 Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	48
3.1.2.4 Công tác giám sát và kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu và điểm du lịch	48
3.1.2.5 Công tác thanh tra về môi trường du lịch	49
3.1.3 Các biện pháp quản lý môi trường trong ngành du lịch.....	49
3.1.3.1 Công cụ kinh tế.....	49

3.1.3.2 Công cụ thể chế, chính sách.....	51
3.1.3.3 Tham gia của cộng đồng.....	52
3.1.3.4 Hợp tác quốc tế.....	53
3.2 Bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh khách sạn	53
3.2.1 Vai trò của công tác bảo vệ môi trường trong kinh doanh khách sạn	53
3.2.1.1 Bảo vệ môi trường trong khách sạn đóng góp đáng kể vào việc bảo vệ môi trường du lịch nói chung	54
3.2.1.2 Bảo vệ môi trường là một trong những điều kiện kinh doanh đối với cơ sở lưu trú du lịch.....	54
3.2.1.3 Bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu của khách du lịch	54
3.2.1.4 Bảo vệ môi trường tạo hình ảnh tốt để thu hút khách du lịch	54
3.2.1.5 Bảo vệ môi trường có tác động tích cực đến hành vi tiêu dùng của khách	55
3.2.2 Những tác động về môi trường của khách sạn	55
3.2.2.1 Tiêu thụ năng lượng.....	55
3.2.2.2 Tiêu thụ nước	56
3.2.2.3 Rác thải	56
3.2.2.4 Khí thải.....	57
3.2.3 Phương pháp đánh giá tác động về môi trường của khách sạn	57
3.2.3.1 Xác định giá trị ngưỡng	57
3.2.3.2 Xây dựng phiếu điều tra.....	58
3.2.3.3 Kiểm tra và đánh giá.....	58
3.2.4 Các nguyên tắc bảo vệ môi trường trong khách sạn	58
3.2.4.1 Quản lý môi trường trên cơ sở pháp lý.....	58
3.2.4.2 Quản lý môi trường trên cơ sở tự nguyện.....	58
3.2.4.3 Quản lý môi trường từ cấp cơ sở	59
3.2.4.4 Quản lý môi trường theo nguyên tắc 3R	59
3.2.5 Các biện pháp bảo vệ môi trường trong khách sạn.....	59
3.2.5.1 Quản lý năng lượng	59
3.2.5.2 Quản lý nước	63
3.2.5.3 Quản lý chất thải.....	65
3.3 Bảo vệ môi trường trong kinh doanh lữ hành.....	67
3.3.1 Những vấn đề cần chú ý về môi trường khi xây dựng chương trình du lịch	67
3.3.2 Những vấn đề về môi trường cần chú ý khi hướng dẫn du lịch	67
Phụ lục 1: Bản cam kết bảo vệ môi trường	68
Phụ lục 2: Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư	74
Phụ lục 3: Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH

Mục tiêu: Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày khái niệm môi trường và môi trường du lịch.
- Giải thích nội dung các thành phần môi trường du lịch.
- Phân tích tác động của du lịch đến môi trường.
- Phân tích tác động của môi trường đến hoạt động du lịch.

1.1. MÔI TRƯỜNG

1.1.1. Khái niệm

Môi trường, với tiếng Anh là Environment và tiếng Pháp là Environnement đều có nghĩa là “cái bao quanh”, là “hoàn cảnh”. Như vậy, theo nghĩa rộng thì: Môi trường là tổng hợp các điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới một vật thể và hiện tượng và cũng chịu tác động ngược lại của vật thể đó. Môi trường chung bao gồm môi trường tự nhiên, dù bị con người tác động ở các mức độ khác nhau nhưng vẫn phát triển theo các quy luật đặc thù riêng, và môi trường nhân tạo được tạo bởi lao động và ý thức của con người từ nguồn vật liệu tự nhiên nhưng khác nhiều hoặc khác hẳn các vật thể tương tự trong thiên nhiên.

Môi trường sống của con người là tổng hợp các điều kiện vật lý, hóa học, sinh học và xã hội bao quanh và có ảnh hưởng tới sự sống và sự phát triển của từng cá thể và của cộng đồng. Tùy theo mục đích và nội dung nghiên cứu, môi trường sống của con người còn được phân thành môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và môi trường nhân tạo.

Như vậy, môi trường sống của con người có thể được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên và các nhân tố về chất lượng của môi trường. Trường hợp hiểu theo nghĩa hẹp thì môi trường (không kể đến tài nguyên) chỉ bao gồm các nhân tố về chất lượng môi trường đối với sự tồn tại và phát triển của con người như không khí, nước, âm thanh, ánh sáng, cảnh quan, thẩm mỹ, quan hệ chính trị - xã hội,...

Đối với một vật thể, một sự kiện, một hoạt động phát triển thì khái niệm môi trường cần được hiểu bao gồm các nhân tố về tự nhiên, kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của vật thể, sự kiện hoặc hoạt động đó.

Xã hội loài người bằng hoạt động sản xuất đã và đang làm thay đổi môi trường xung quanh, trực tiếp hoặc gián tiếp tác động lên tất cả các thành tố môi trường. Các tác động này vào thời đại cách mạng khoa học – kỹ thuật đã gia tăng mạnh mẽ và kết quả của nó có thể đạt đến tầm cỡ quy mô như các quá trình tự nhiên của hành tinh.

Theo Điều 3, Chương 1 của Luật bảo vệ môi trường được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2014 quy định: “*Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật*”.

Phạm vi của môi trường có thể lớn, nhỏ khác nhau tùy thuộc vào quy mô và vấn đề đề cập. Có những vấn đề môi trường toàn cầu như vấn đề lỗ thủng tầng ôzôn mà nguyên nhân là các chất khí thải công nghiệp và sinh hoạt do con người tạo ra, và hậu quả là làm ảnh hưởng đến hoạt động sống trên hành tinh; hoặc hiện tượng El Nino là hiện tượng tự nhiên có ảnh hưởng đến khí hậu toàn cầu. Có những vấn đề môi trường trong phạm vi của nhiều nước như vấn đề chất lượng nước và sử dụng nguồn nước sông Mêkông liên quan đến sáu nước: Việt Nam, Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc,... Hay nhỏ hơn là vấn đề môi trường trong một nước hoặc một khu vực như môi trường khu du lịch Hạ Long – Cát Bà, môi trường nước sông Thị Vải,... là những vấn đề môi trường hạn chế về phạm vi và nguyên nhân tác động.

Trong phạm vi một quốc gia hay rộng hơn trên toàn thế giới luôn song song tồn tại hai hệ thống: hệ thống kinh tế và hệ thống môi trường.

- Hệ thống kinh tế được cấu thành bởi các thành phần sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng và tích lũy, tạo nên dòng nguyên liệu, năng lượng, hàng hóa, chất phế thải, lưu thông giữa các phần tử cấu thành hệ.

- Hệ thống môi trường được cấu thành bởi môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa – xã hội. Môi trường tự nhiên bao gồm các yếu tố tự nhiên tồn tại khách quan ngoài ý muốn của con người hoặc ít nhiều chịu sự tác động của con người như không khí, đất đai, nguồn nước, ánh sáng mặt trời, động thực vật,... Môi trường xã hội là đồng thể các mối quan hệ trong xã hội thông qua các hình thái tổ chức, các thể chế kinh tế - xã hội.

Nơi giao nhau giữa hai hệ tạo thành môi trường nhân tạo. Như vậy, môi trường nhân tạo được xem như kết quả tích lũy một hoạt động tích cực hoặc hoạt động tiêu cực của con người trong quá trình phát triển.

Môi trường tự nhiên cung cấp tài nguyên cho hệ kinh tế, đồng thời tiếp nhận chất thải từ hệ kinh tế. Chất thải này có thể ở lại hẳn trong môi trường tự nhiên, hoặc qua chế biến rồi trở lại hệ kinh tế. Hoạt động mà chất phế thải từ đó không thể sử dụng lại được vào hệ kinh tế được xem là hoạt động tổn hại đến môi trường.

Các hoạt động phát triển luôn có hai mặt: tích cực và tiêu cực. Bản thân thiên nhiên cũng có hai mặt: thiên nhiên là nguồn tài nguyên và phúc lợi đối với con người, nhưng đồng thời cũng là nguồn thiên tai, thảm họa đối với cuộc sống và phát triển xã hội của con người. Như vậy, bất kỳ sự phát triển nào của xã hội loài người cũng gắn liền với môi trường hiểu theo nghĩa rộng.

1.1.2. Bảo vệ môi trường

“Bảo vệ môi trường là hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường, ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ đa dạng sinh học” (*Điều 3 – Luật bảo vệ môi trường Việt Nam*).

Bảo vệ môi trường cũng có nghĩa là bảo vệ cho môi trường bền vững, môi trường không bị ô nhiễm, không bị suy thoái, không gây tai biến, đáp ứng được những nhu cầu về tài nguyên và môi trường của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu ấy cho mai sau. Bảo vệ môi trường bền vững không phải là bảo vệ cái bền vững chết cứng mà bảo vệ cái bền vững động của sự phát triển đồng cùng với sự hiểu biết luôn được nâng cao; càng phát triển thì môi trường càng được bảo đảm sự bền vững của một cân bằng sinh thái động. Dù môi trường có bị thay đổi do sự phát triển nhưng sự thay đổi ấy là một quá trình luôn được bền vững.

1.2. MÔI TRƯỜNG DU LỊCH

“Môi trường du lịch bao gồm tổng thể các nhân tố về tự nhiên, kinh tế - xã hội và nhân văn mà trong đó hoạt động du lịch tồn tại và phát triển”.

Hoạt động du lịch luôn có mối quan hệ mật thiết với môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và nhân văn, du lịch khai thác những giá trị, đặc tính của môi trường mà nó tồn tại để phát triển, qua đó thay đổi những đặc tính của môi trường này.

Hoạt động du lịch luôn gắn liền với việc khai thác các tiềm năng của tài nguyên môi trường tự nhiên như vẻ đẹp của quang cảnh biển, hồ, sông, núi, các hang động, sa mạc,... và các giá trị văn hóa của môi trường nhân văn như đền chùa, am miếu, nhà thờ, thánh thất, tháp, lăng tẩm, cung điện,... Các giá trị văn hóa phi vật thể như không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, nhã nhạc cung đình Huế, các loại hình văn hóa dân gian (ca trù, hát quan họ, hát chèo, v.v...) nói chung là các giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc. Bên cạnh việc khai thác tài nguyên để hoạt động thì có các quy hoạch, các dự án, các công trình xây dựng nên những môi trường du lịch nhân tạo trên cơ sở tích hợp các yếu tố của tự nhiên, giá trị văn hóa... để tạo nên sự phong phú, đa dạng của các loại hình du lịch là những công viên, khu du lịch, khu vui chơi giải trí phức hợp,...

Bất cứ hoạt động nào của du lịch cũng có tác động hai chiều đến môi trường của nó. Cho nên trong hoạt động du lịch cần có những quy hoạch hợp lý, chính sách và dự án tối ưu nhất nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

1.3. NỘI DUNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẾN DU LỊCH

Môi trường du lịch bao gồm ba thành phần chính:

- Môi trường du lịch tự nhiên
- Môi trường du lịch nhân văn
- Môi trường kinh tế - xã hội.

1.3.1. Môi trường du lịch tự nhiên

Môi trường du lịch tự nhiên là một bộ phận cấu thành nên môi trường du lịch nói chung, bao gồm tập hợp các đối tượng tự nhiên sống (hữu cơ) và không sống (vô cơ). Trong đó có những đối tượng tự nhiên chưa bị con người tác động và có những đối tượng tự nhiên đã bị con người tác động, cải tạo ở những mức độ khác nhau song vẫn bảo tồn được một phần hoặc toàn bộ các đặc tính tự phục hồi và phát triển. Môi trường du lịch tự nhiên là toàn bộ không gian, lãnh thổ bao gồm các nhân tố thiên nhiên như đất, nước, không khí, hệ động vật trên cạn và dưới nước,... và các công trình kiến trúc cảnh quan thiên nhiên – nơi tiến hành các hoạt động du lịch.

Môi trường du lịch tự nhiên được cấu thành bởi một loạt các môi trường tự nhiên bộ phận trong một hệ thống chung. Các môi trường bộ phận này tồn tại và phát triển theo các quy luật của mình song có liên quan tác động mật thiết với nhau bằng vô số các quan hệ nhiều chiều trong tương quan nhân quả và giải quyết các mâu thuẫn về phát triển. Tuy nhiên vẫn đảm bảo sự thống nhất nội tại giữa các môi trường bộ phận trong một môi trường chung.

Môi trường tự nhiên có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển và đa dạng hóa các hoạt động du lịch, tạo tiền đề cho sự phát triển các khu du lịch. Ví dụ như các khu du lịch nổi tiếng như Phong Nha – Kẻ Bàng, vịnh Hạ Long, Sapa, Đà Lạt,... là những điểm du lịch dựa trên cơ sở là môi trường tự nhiên với những cảnh quan thiên nhiên đặc sắc.

1.3.1.1. Môi trường địa chất

Địa hình của một khu vực là sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài, là một thành phần quan trọng của tự nhiên và là nơi diễn ra mọi hoạt động của con người. Đối với các hoạt động du lịch, đặc điểm hình thái của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên phon ảnh và sự đa dạng cảnh quan ở khu vực đó. Địa hình của một khu du lịch càng đa dạng, tương phản và độc đáo thì càng có sức hấp dẫn đối với du khách.

Thực tế cho thấy khách du lịch rất ưa thích những nơi có nhiều đồi núi, là những nơi vừa có sự kết hợp của nhiều dạng địa hình thể hiện được vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của thiên nhiên, vừa có khí hậu mát mẻ, không khí trong lành. Do sự

phân cắt của địa hình nên địa hình đồi núi thường có tác động mạnh đến tâm lý khách du lịch dã ngoại, rất thích hợp với các loại hình cắm trại, tham quan. Địa hình vùng đồi thường cũng là nơi chứa nhiều di tích khảo cổ và tài nguyên văn hóa, lịch sử độc đáo tạo khả năng phát triển các loại hình du lịch và tham quan theo chuyên đề. Trong khi đó, địa hình núi lại rất thuận lợi cho việc tổ chức các loại hình thể thao mùa đông như trượt tuyết, các môn thể thao mùa hè như leo núi. Trên thế giới, các vùng núi cao có vẻ đẹp ấn tượng và hùng vĩ như dãy núi Anpơ ở Châu Âu, Himalaya ở châu Á, Andes ở Nam Mỹ, Atlas ở châu Phi,... là những địa điểm có địa hình hiểm trở nhưng thu hút nhiều du khách. Nhờ có giá trị thẩm mỹ cao gắn liền với văn hóa và tôn giáo mà nhiều vùng núi cũng đã trở thành một giá trị biểu tượng đặc sắc gắn liền với địa điểm du lịch.

Ở nước ta, các vùng núi và cao nguyên có phong cảnh đẹp đã được phát triển và khai thác phục vụ cho mục đích du lịch như cao nguyên Lâm Viên (Lâm Đồng), Sa Pa (Lào Cai), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Ba Vì (Hà Tây). Đặc biệt nhất là Đà Lạt và Sa Pa ở độ cao trên 1500 m được mệnh danh là những “thành phố trong sương mù” với nhiều sắc thái vùng ôn đới đã được xây dựng thành điểm tham quan, du lịch và nghỉ mát.

Trong các loại địa hình, kiểu địa hình karst (đá vôi) có giá trị đặc biệt với du lịch. Kiểu địa hình karst được tạo thành do sự lưu thông của nước mặt hay nước ngầm trong các đá dễ hòa tan (đá vôi, đolômit, đá phấn, thạch cao,...). Một trong các kiểu địa hình karst hấp dẫn nhất đối với khách du lịch chính là karst hang động. Các hang động ở nước ta thường nằm ở chân núi và cả ở lưng chừng núi với vẻ đẹp lung linh, tráng lệ và rất kì ảo, có sức hấp dẫn đặc biệt với khách du lịch. Bên cạnh những vẻ đẹp tự nhiên do tạo hóa sinh ra, các hang động còn chứa đựng những di tích khảo cổ học, những di tích lịch sử - văn hóa rất đặc sắc của dân tộc nên càng có giá trị để phát triển du lịch.



Động Phong Nha – Quảng Bình

Ngoài những kiểu địa hình kể trên, các kiểu địa hình ven bờ như đại dương, biển, sông,... cũng là những tài nguyên tự nhiên có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch. Các kiểu địa hình ven bờ càng có giá trị đối với du lịch nếu có các bãi cát và có thể xây dựng thành những bãi tắm. Địa hình ven bờ có thể được tận dụng phục vụ cho du lịch với nhiều mục đích khác nhau, từ tham quan du lịch theo chuyên đề khoa học, nghỉ ngơi, an dưỡng cho đến tắm biển, thể thao dưới nước,... Điều này giải thích vì sao hiện nay trên phạm vi toàn thế giới, tỷ lệ khách du lịch hàng năm đổ về các bãi biển không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, không phải tất cả các loại bờ

biển đều được du khách ưa thích. Loại bờ biển có nguồn gốc từ sự ăn mòn của đá núi lửa thường tạo ra bãi cát nóng và mặt nước u tối không được ưa thích bằng những bãi biển có nguồn gốc từ đá vôi hay san hô, là những nơi có cát trắng mịn và mặt nước trong xanh, thoáng đãng.

1.3.1.2. Môi trường nước

Tài nguyên nước bao gồm nguồn nước mưa, nước mặt và nước dưới đất. Đối với du lịch thì nguồn nước mặt có ý nghĩa rất lớn, bao gồm đại dương, biển, sông, hồ, ao, suối, thác nước, suối phun,... Cảnh quan của nước giàu tính biến hóa và là nơi mà du khách thích lui tới.

Các hồ nước ngọt rất hấp dẫn du khách đối với hoạt động thể thao và giải trí ngoài trời như đi thuyền, câu cá,... Suối và thác nước cũng rất thu hút sự quan tâm của khách du lịch trong việc lựa chọn điểm du lịch. Đặc biệt các thác nước thường tạo ra nhiều sự thích thú về mặt nghệ thuật và cảm xúc cho du khách. Nhiều khi thác nước hình thành nên một trung tâm du lịch chính và nhờ đó hàng loạt khu du lịch vệ tinh khác được thiết lập xung quanh, ví dụ như thác Niagra ở biên giới của Mỹ và Canada, thác Victoria ở biên giới giữa Zimbabwe và Zambia,... Nước ta có nhiều hồ với nguồn gốc khác nhau. Một trong những hồ tự nhiên lớn nhất Việt Nam có giá trị du lịch là hồ Ba Bể.

Tuyết được xem như là một nhân tố tiêu cực cản trở khách du lịch đến một địa điểm du lịch nào đó. Tuy nhiên, tuyết cũng là một động lực tích cực trong điều kiện điểm du lịch có dốc núi, lượng tuyết đủ dày và chắc để khách du lịch có thể tiến hành các hoạt động thể thao trên tuyết. Nhiều khu du lịch đã phải tạo ra tuyết nhân tạo để thu hút du khách hoặc phải xây dựng những điểm du lịch ở trên núi cao để có thể kéo dài thời gian có tuyết. Những khu du lịch trượt tuyết nổi tiếng trên thế giới có thể kể là khu Whistler và Banff ở Canada, Grenoble ở Pháp,...

Trong các vai trò của tài nguyên nước đối với du lịch, cần phải nhấn mạnh đến tài nguyên nước khoáng. Nước khoáng là nước thiên nhiên, chủ yếu nằm ở dưới đất. Nước khoáng có chứa một số thành phần vật chất và tính chất đặc biệt như các nguyên tố hóa học, các khí, các nguyên tố phóng xạ, nhiệt độ cao,... có sức khỏe rất tốt đối với sức khỏe con người. Tắm nước khoáng nóng là một loại hình du lịch phổ biến đã có từ rất lâu. Các nguồn nước khoáng là tiền đề không thể thiếu được đối với du lịch an dưỡng và chữa bệnh.

1.3.1.3. Môi trường không khí

Môi trường không khí là bộ phận của môi trường tự nhiên tồn tại dưới dạng thể khí. Trong môi trường du lịch, môi trường không khí có ảnh hưởng lớn đến việc hoạch định các khu du lịch nghỉ dưỡng, đến tổ chức mùa vụ khai thác du lịch,... Các yếu tố của môi trường không khí có vai trò khá lớn trong việc xem xét,

quyết định hướng quy hoạch khu du lịch, bố trí không gian và phác đồ kiến trúc quần thể du lịch. Đánh giá chất lượng môi trường cho hoạt động du lịch qua nghiên cứu mức độ ô nhiễm của không khí, mức độ thuận lợi và thích hợp của thời tiết và khí hậu đối với việc tổ chức hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe của du khách.

Thời tiết và khí hậu là hai nhân tố quan trọng kiểm soát về mặt môi trường tự nhiên. Từ thuở xa xưa, du khách đã bị cuốn hút đến những điểm du lịch có khí hậu và thời tiết đặc trưng, dễ chịu. Trong hoạt động du lịch, con người thường tìm đến những nơi có thời tiết mát và khô hơn để tránh đi cái nóng khó chịu và ẩm thấp ở một số khu đô thị lớn. Ngược lại vào mùa đông, một lượng lớn du khách lại đổ xô về những vùng du lịch có thời tiết ấm hơn để tránh cái giá rét quê nhà. Chính cái ấm đầy ắp ánh mặt trời cùng với những bãi biển trong xanh đầy cát trắng giờ đây lại trở thành những nhân tố quan trọng thu hút khách du lịch, tạo nên một trào lưu du lịch 3S vào những năm cuối thế kỉ XX. Tuy nhiên, cũng có khuynh hướng ngoại lệ trong du lịch từ những nơi có khí hậu ấm áp hơn đến những vùng lạnh lẽo để tham gia các môn thể thao mùa đông như trượt tuyết, trượt xe trên tuyết,...

1.3.1.4. Môi trường sinh học

Môi trường sinh học được xem là bộ phận sống (hữu cơ) của môi trường tự nhiên. Môi trường sinh học là cơ sở duy trì và phát triển cuộc sống trên hành tinh, điều hòa cân bằng nước, làm sạch bầu khí quyển, cung cấp lương thực thực phẩm cho xã hội, do đó môi trường sinh học có vai trò rất lớn trong việc thiết lập và bảo vệ cân bằng sinh thái của tự nhiên. Những biến đổi của môi trường sinh học cả về lượng và chất có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và hoạt động sản xuất phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có hoạt động du lịch.

Một trong những yếu tố quan trọng của môi trường sinh học là đa dạng sinh học. Đa dạng sinh học là mức độ phong phú của sự sống, là toàn bộ tài nguyên thiên nhiên do tất cả các dạng sống trên trái đất tạo nên. Trong môi trường sinh học thì động vật và thực vật hoang dã có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động giải trí và du lịch của con người. Đồng thời, đa dạng sinh học còn tạo sự hấp dẫn trong hoạt động du lịch. Thực tế cho thấy rằng ở khu vực nào càng có tính đa dạng sinh học cao thì càng có sức thu hút du khách đến tham quan, du lịch, nghiên cứu.

Trong phát triển du lịch, các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên có ý nghĩa rất lớn vì ở đó có sự tập trung đa dạng sinh học cao với nhiều loài động thực vật đặc hữu, quý hiếm. Một trong những mục tiêu xây dựng hệ thống vườn quốc gia là bảo vệ các khu vực cảnh quan tự nhiên, phục vụ mục đích khoa học, giáo dục và du lịch sinh thái. Tuy nhiên, những điểm du lịch ở các khu bảo tồn cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ độc hại từ các loại côn trùng độc, rắn độc, cá sấu,... có

thể nguy hiểm đến tính mạng của du khách. Vì vậy mà các khu du lịch này cần có những thiết bị, dụng cụ bảo vệ du khách khỏi những nguy hiểm đó.

1.3.1.5. Các tai biến, sự cố môi trường

Tai biến môi trường là những biến đổi bất thường của thiên nhiên được xem là kết quả quá trình của hoạt động tự nhiên hoặc hậu quả gián tiếp tác động của con người lên tự nhiên như giông bão, lũ quét, nước dâng do bão và gió mùa, trượt đá, lở đất, núi lửa phun,...

Sự cố môi trường là những rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động của con người gây suy thoái môi trường nghiêm trọng như cháy rừng, rò rỉ hóa chất, tràn dầu trên sông hay trên biển, nổ lò phản ứng hạt nhân,...

Bất kỳ loại tai biến hay sự cố môi trường nào cũng có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho du lịch nếu chúng làm thay đổi các điều kiện tự nhiên, xã hội và làm xáo trộn các hoạt động du lịch. Các tai biến, sự cố môi trường sẽ làm giảm chất lượng môi trường du lịch, ảnh hưởng đến tính mạng du khách, tác động xấu đến tâm lý du khách làm cho họ cảm thấy bất an khi lưu lại điểm du lịch đó. Vì vậy, cùng với những biện pháp và nỗ lực chung để hạn chế các tai biến, sự cố môi trường như sự sẵn sàng trong tình trạng đối phó với thiên tai thì cũng cần có những nghiên cứu, đánh giá và quan trắc mang tính khoa học cao nhằm thành lập các bản đồ, sơ đồ phân vùng tai biến, sự cố môi trường nhằm đảm bảo an toàn cho các hoạt động phát triển du lịch. Ngoài ra, cần phải xây dựng các hệ thống cảnh báo, dự báo sớm các chỉ thị về tai biến, sự cố môi trường làm cho du khách thực sự an tâm.

1.3.2. Môi trường du lịch nhân văn

Môi trường du lịch nhân văn là một bộ phận của môi trường du lịch liên quan trực tiếp đến con người và cộng đồng, bao gồm các yếu tố về dân cư, dân tộc. Gắn liền với các yếu tố dân cư, dân tộc là truyền thống, quan hệ cộng đồng, các yếu tố về văn hóa, lịch sử,... Khi chúng ta đứng trên quan điểm môi trường thì đó là những yếu tố tích cực của môi trường du lịch bởi vì đây không chỉ là đối tượng của du lịch mà còn là yếu tố tạo sự hấp dẫn của môi trường du lịch bởi tính đa dạng của những giá trị nhân văn truyền thống của các cộng đồng dân tộc khác nhau. Bên cạnh đó, sự phát triển các yếu tố văn hóa, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên nhân văn (di tích lịch sử, di tích thế giới, lễ hội, ẩm thực, văn hóa dân tộc,...) ở các điểm du lịch cũng chính là những phương tiện hữu hiệu nhằm nâng cao các giá trị nhân văn, tăng điều kiện thuận lợi để thu hút du khách.

Bên cạnh đó, trình độ văn minh dân trí có thể xem là yếu tố có ảnh hưởng đến chất lượng môi trường bởi vì giữa các khu du lịch và cộng đồng dân cư luôn có mối quan hệ giao tiếp gắn bó. Một môi trường du lịch được xem là thuận lợi khi trình độ văn minh và nhận thức cộng đồng địa phương nơi diễn ra hoạt động du

lịch đạt tới mức mà du khách cảm thấy thoải mái và được tôn trọng. Bên cạnh đó cần phải quan tâm đến trình độ cán bộ nghiệp vụ vì đây cũng là một yếu tố vô cùng quan trọng trong việc phát triển hoạt động du lịch. Chúng ta cũng không thể xem thường yếu tố chất lượng cuộc sống dân cư bởi vì đây là yếu tố ảnh hưởng tới cách sống, giao tiếp, nhận thức và văn minh cộng đồng và chính vì vậy cũng ảnh hưởng tới môi trường du lịch.

1.3.3. Môi trường kinh tế - xã hội

Môi trường kinh tế - xã hội là toàn bộ hoàn cảnh, hoạt động kinh tế, xã hội của một quốc gia, khu vực hay trên toàn thế giới. Khi xem xét môi trường kinh tế xã hội thì cần xem xét rõ các yếu tố như thể chế chính sách, trình độ phát triển khoa học công nghệ, mức độ phát triển cơ sở hạ tầng, môi trường đô thị và công nghiệp, mức sống của người dân, an toàn trật tự xã hội, tổ chức xã hội và quản lý môi trường.

1.3.3.1. Yếu tố thể chế chính sách

Đó là tất cả những chủ trương, chính sách có tính chiến lược về phát triển du lịch, phát triển nguồn tài nguyên, phát triển nguồn nhân lực,... đến các văn bản pháp luật như luật đầu tư, luật tài nguyên, luật du lịch và các văn bản, quy định mang tính pháp lý đối với việc quản lý hoạt động du lịch và các hoạt động kinh tế xã hội có liên quan. Yếu tố này thường ít được xem trọng trong hệ thống chức năng của du lịch. Thực tế cho thấy rằng hệ thống chính trị, các văn bản pháp luật như luật đầu tư, luật tài nguyên, luật bảo vệ môi trường, hệ thống tài chính và các chủ trương, chính sách phát triển du lịch dài hạn có ảnh hưởng rất lớn đối với khả năng cạnh tranh của điểm du lịch đó trên trường quốc tế.

Chính những yếu tố pháp luật, thể chế chính sách thích hợp sẽ tạo nên hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển du lịch, đồng thời hướng sự phát triển du lịch phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước, phù hợp với những đặc điểm và điều kiện cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Chính những chiến lược và chính sách phù hợp còn tạo điều kiện cho du lịch phát triển, thậm chí trong điều kiện khó khăn nhất.

1.3.3.2. Trình độ phát triển khoa học công nghệ

Khoa học công nghệ là yếu tố xuất hiện trễ nhưng có mức độ ảnh hưởng ngày càng lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ du lịch. Đây là yếu tố quan trọng góp phần tạo môi trường thuận lợi cho phát triển du lịch như tạo điều kiện phát triển sản phẩm du lịch hiện đại và hấp dẫn, ứng dụng vào kinh doanh du lịch, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên phục vụ tốt cho du lịch và hạn chế tác động tiêu cực tới môi trường xã hội cũng như môi trường nói chung. Đồng thời quảng bá

hình ảnh đất nước cũng như nghiên cứu cơ bản về du lịch để có hướng phát triển phù hợp hơn.

1.3.3.3. Mức độ phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật

Mặc dù được xây dựng chủ yếu để phục vụ cho dân cư địa phương nhưng yếu tố này lại chiếm một vị trí rất quan trọng trong việc phát triển của môi trường kinh tế xã hội cũng như môi trường du lịch. Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật bao gồm toàn bộ các phương tiện, cơ sở lưu trú, vận tải, thông tin, thương mại,... sẽ tạo điều kiện tiếp cận khai thác tài nguyên du lịch, phục vụ nhu cầu đi lại, tham quan du lịch, giao lưu, trao đổi thông tin,... cũng như những nhu cầu thiết yếu của du khách. Ngoài ra chúng ta cũng cần phải quan tâm đến sự đa dạng của các cơ sở và hoạt động du lịch cũng như các vấn đề liên quan như tổ chức quản lý, quy hoạch, nét thẩm mỹ trong các cơ sở và hoạt động du lịch cũng cần phát huy tối đa nhằm tôn tạo các giá trị, vẻ đẹp của các khu di tích, điểm du lịch, các di sản văn hóa truyền thống và các danh lam thắng cảnh của đất nước.

1.3.3.4. Yếu tố tổ chức quản lý xã hội

Yếu tố này có ý nghĩa như một động lực cho sự phát triển bền vững nếu quản lý tốt thì sẽ thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển và ngược lại nó sẽ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Ở Việt Nam, việc tổ chức quản lý trong du lịch vẫn còn nhiều hạn chế vì vậy mà việc phát triển du lịch ở đây còn nhiều bất cập, khó khăn cũng như những hậu quả xấu đến môi trường. Cũng chính vì vậy mà cần phải hoàn thiện bộ máy quản lý, tổ chức du lịch thật tốt để phát triển du lịch bền vững trong tương lai.

1.3.3.5. Mức sống dân cư

Mức sống dân cư có ảnh hưởng lớn đến môi trường du lịch vì thực tế cho thấy đất nước nào, khu vực nào người dân có mức sống cao thì nhu cầu du lịch tăng và đồng thời tạo môi trường tốt cho việc phát triển du lịch.

1.3.3.6. Yếu tố trật tự an toàn xã hội

Một xã hội văn minh phải thể hiện ở trình độ đảm bảo an toàn, trật tự xã hội cho công dân cũng như mọi mặt hoạt động của xã hội nói chung. Nó góp phần tạo nên hiệu quả hoạt động du lịch vì chẳng những là điều kiện đảm bảo cho hoạt động du lịch diễn ra mà còn có tác động đến tâm lý du khách khi đến du lịch tại quốc gia, địa phương đó. Trên thực tế cho thấy những bất ổn như ở những nước xảy ra xung đột sắc tộc, chiến tranh, ở các khu vực thường xảy ra bạo lực (khủng bố, bắt cóc),... và các tệ nạn xã hội (trộm cắp, ma túy, mại dâm,...) thì số lượng du khách giảm đi rõ rệt.

1.4. TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG DU LỊCH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

1.4.1. Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường tự nhiên

1.4.1.1. Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường không khí

Môi trường không khí luôn có phản ánh trực tiếp đối với các hoạt động du lịch. Những tác động của hoạt động du lịch tới môi trường không khí tập trung vào những vấn đề sau:

- Góp phần ổn định điều kiện vi khí hậu trong vùng: Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của du khách, trong khuôn viên các khu du lịch đã bố trí một số vườn hoa, công viên, rừng cảnh quan, hồ nước,... có tác dụng tích cực vào việc điều hòa không khí, góp phần cải thiện khí hậu và làm giảm bớt ô nhiễm không khí tại khu vực.

- Ô nhiễm không khí từ các phương tiện giao thông vận tải, từ các dịch vụ du lịch: Nhu cầu đi lại của khách du lịch ngày một tăng cho nên các loại phương tiện đưa vào vận chuyển khách ngày càng đa dạng về số lượng và đa dạng hình thức như các loại ô tô vận chuyển khách, đưa thuyền, dù bay,... Nhiều loại phương tiện không đảm bảo chất lượng môi trường vẫn được sử dụng đã thải các khí CO₂, khí Nitơ, Hydro ra môi trường. Hệ thống điều hòa làm lạnh trong khách sạn, tủ lạnh bảo quản thực phẩm tại các nhà hàng thì lượng khí CFC thải ra cũng góp phần gây ô nhiễm bầu không khí. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng và vận hành thì bụi, khí thải của các động cơ cũng sẽ gây ô nhiễm không khí cục bộ.

- Gia tăng tiếng ồn: Vào mùa du lịch, tiếng ồn từ hoạt động của số lượng lớn khách du lịch, các dịch vụ đi kèm như các động cơ phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của khách, các loại phương tiện vận chuyển khách, việc tranh giành khách gây tiếng ồn vượt mức quy định tiêu chuẩn.

- Ô nhiễm không khí từ khách du lịch: Nhu cầu đi tham quan du lịch của khách không ngừng tăng lên, đặc biệt tại một số điểm du lịch hấp dẫn như lễ hội, bãi biển thì số lượng du khách tăng gây áp lực lên sức chứa tại các điểm du lịch dẫn đến hiện tượng thiếu không khí trong lành. Việc tăng số lượng khách cũng có nghĩa là tăng lượng khí thải ra môi trường, giảm mật độ không khí trên đầu người tạo nên sự ngột ngạt trong các điểm, khu du lịch. Ngoài ra, một số du khách mắc bệnh lây truyền qua đường hô hấp sẽ làm nhiễm khuẩn không khí trong nội khu vực đó.

- Ô nhiễm không khí từ chất thải sinh hoạt của hoạt động du lịch: Rác thải tại các khu du lịch không được thu gom và xử lý triệt để thường xuyên mà chủ yếu là xử lý cục bộ nên dễ gây mùi xú uế trong không khí. Bên cạnh đó, việc sử dụng ngày càng tăng các chất đốt rắn để đáp ứng nhu cầu về năng lượng của các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch gây nên những ô nhiễm không nhỏ bởi các loại khí độc hại thoát ra.

1.4.1.2. Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường nước

- Góp phần đảm bảo chất lượng nước trong và ngoài khu vực, giảm sức ép gây ô nhiễm nguồn nước: Du lịch phát triển kéo theo các dự án về cấp thoát nước trong từng khu du lịch như xây dựng nhà máy nước sạch, lắp đặt hệ thống chảy riêng nước thải rất có ý nghĩa làm sạch môi trường nước giúp người dân địa phương có nước sạch để sinh hoạt. Đặc biệt trong mỗi khu du lịch đều tổ chức hệ thống ao hồ có sự liên hệ với nhau nên rất có tác dụng đến việc khắc phục nạn úng thủy trong khu vực.

Tuy vậy, hoạt động du lịch cũng gây tác động tiêu cực không nhỏ tới môi trường nước được minh chứng cụ thể dưới đây:

- Ô nhiễm nước mặt từ quá trình xây dựng các khu du lịch: Việc thải rác bừa bãi từ quá trình xây dựng (các vật liệu xây dựng), rác thải sinh hoạt của dân cư địa phương, lao động nhập cư và khách du lịch, các cơ sở dịch vụ du lịch làm nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi các chất cặn hữu cơ, các chất thải vô cơ độc hại và các loại sinh vật gây bệnh.

- Ảnh hưởng đến diện tích lưu vực của các nguồn nước: Thông thường tại một khu vực đầu nguồn nước, do có nhiều tiềm năng tự nhiên và nhân văn là khu vực phát triển các hoạt động du lịch. Việc san lấp, nạo vét và giải phóng mặt bằng để phát triển các cơ sở hạ tầng làm cho địa hình thay đổi, tầng thổ nhưỡng thay đổi dẫn đến tầng tiêu nước cũng thay đổi. Tất cả những tác động đó trong giai đoạn trước mắt thì làm cho chất lượng nguồn nước bị kém đi (do tăng các thành phần hòa tan, lắng cặn trong nước) nhưng về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và lưu lượng dòng chảy, sự cân đối lưu lượng giữa hai mùa nước (do tăng quá trình xói mòn và bồi tụ, tăng độ lắng đọng phù sa, làm biến dạng vùng ven bờ do các yếu tố cấu thành bị thay đổi).

- Ô nhiễm môi trường nước từ các chất thải sinh hoạt của nhân viên và khách du lịch: Nước thải tại các khu du lịch chủ yếu được xử lý cục bộ rồi theo sông, suối đổ ra biển, làm tăng hàm lượng các chất hóa học có hại trong nước, lượng rác thải, bao bì nilong, vỏ chai nhựa,... do khách không có ý thức đã thải trực tiếp xuống nguồn nước hoặc đất nhưng bị gió thổi xuống các mặt hồ gây hiện tượng ô nhiễm tích tụ. Tại các điểm du lịch có sử dụng phương tiện vận chuyển đường sông, nhất là các phương tiện có gắn động cơ như xuồng máy, tàu du lịch, phà,... thì nguồn nước không chỉ bị ô nhiễm do chất thải của du khách và nhân viên phục vụ mà còn bị ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển khách (váng dầu, xăng, tiếng ồn của động cơ,...). Đặc biệt khi các phương tiện này gặp sự cố tràn dầu sẽ gây ảnh hưởng rất lớn, khó khắc phục đối với môi trường trong khu vực. Bên cạnh đó, hệ thống lọc xử lý nước thải ra hệ thống cống sông ngòi chưa được

quan tâm nhất là tại một số cơ sở giặt là sẽ gây ô nhiễm nặng nề đến môi trường nước.

- Ảnh hưởng đến lưu lượng nước ngầm: Để đảm bảo lượng nước cần thiết phục vụ du khách và dân cư tại các khu du lịch sẽ phải xây dựng nhà máy nước có công suất lớn, việc khai thác bừa bãi, liên tục như vậy trong thời gian dài dẫn đến cạn dần lưu lượng nước ngầm trong nội khu du lịch. Việc nạo vét, san lấp đất để giải phóng mặt bằng trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch làm tăng đáng kể độ trầm lắng trong nước do quá trình hòa tan cơ học. Hậu quả lâu dài sẽ dẫn đến quá trình trầm lắng làm thay đổi tầng thổ nhưỡng dẫn đến các hiện tượng sụt lún, bồi đắp tại lưu vực các nguồn nước. Một nhân tố gây ra ô nhiễm nguồn nước ngầm là nước thải và rác thải không được xử lý gây mất vệ sinh môi trường tạo nên các ô nhiễm tại tầng nước mặt, tầng đất mặt từ đó ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước ngầm.

- Ô nhiễm mặt nước biển từ các hoạt động du lịch biển: Hoạt động của khách du lịch trên biển như vui chơi giải trí, tắm biển, thể thao,... làm thải ra các loại chất thải. Các chất thải này thường không được thu gom xử lý, các phế tích, phù du biển, rác từ xác thủy sinh và các động vật tồn đọng dưới đáy biển. Nước có thể bị nhiễm bẩn do lây truyền từ khách du lịch mang bệnh tại các khu vực đang có hoạt động tắm suối thác, tắm nước nóng, tắm biển.

1.4.1.3. Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường đất

- Tăng hiệu quả sử dụng đất: Việc xây dựng khách sạn, các dịch vụ du lịch rất cần đến quỹ đất do vậy sẽ góp phần tận dụng được những quỹ đất còn bỏ hoang và phần đất không sử dụng. Thêm vào đó, xung quanh khu du lịch có thể khai thác một số diện tích đất để trồng trọt cung cấp hoa quả, rau xanh,... đáp ứng nhu cầu cho khách du lịch, qua đó có thể cải tạo môi trường đất.

Hoạt động kinh doanh du lịch ảnh hưởng đến môi trường đất dưới ba vấn đề chính:

- Ảnh hưởng tới cơ cấu sử dụng đất: Thông thường một khách sạn xây dựng cần một diện tích đất rất lớn để xây dựng, khu du lịch, khuôn viên cây xanh,... Để kinh doanh hiệu quả, thu hút được nhiều khách, các nhà đầu tư kinh doanh khách sạn khi bỏ vốn đầu tư họ thường chọn những vị trí đất rất thuận lợi cho việc xây dựng khách sạn như gần các trục đường giao thông thuận lợi cho việc đi lại của khách, nơi đông dân cư, trung tâm các thành phố, gần nguồn tài nguyên du lịch. Nếu như không có quy hoạch cụ thể thì việc xây dựng khách sạn đồng nghĩa với việc phát triển đô thị và hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho xã hội, cho khách du lịch gây lãng phí đến quỹ đất dành cho phát triển các mục tiêu khác, đặc biệt làm giảm quỹ đất dành cho nông nghiệp và dân sinh.

- Thay đổi cấu trúc địa chất của khu vực: Vấn đề thẩm thấu môi trường đất do chất thải từ khách du lịch và các nhà hàng, khách sạn ra trực tiếp đến môi trường, thẩm thấu làm ảnh hưởng đến các thành phần kết cấu đất. Tại các đô thị, việc xây dựng các khách sạn cao tầng, các khu vui chơi giải trí có quy mô lớn cộng với các hoạt động của các phương tiện vận chuyển khách bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không cũng gây ảnh hưởng xấu đến địa chấn của khu vực.

- Ô nhiễm đất từ các hoạt động du lịch: Các hoạt động quá mức của du khách tác động xấu tới môi trường đất của khu du lịch do dẫm đạp, căng lều đốt lửa trại, đốt đá,... tại những nơi có hoạt động dã ngoại, cắm trại thông thường chất thải không được thu gom xử lý sẽ phát tán gây ô nhiễm đất, giảm khả năng thấm nước mưa của đất.

1.4.1.4. Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường sinh vật

Phát triển du lịch gắn liền với phân chia địa giới các vùng góp phần hạn chế hoạt động dân sinh tại các vùng, đặc biệt các vùng nhạy cảm như các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia,... có tác dụng hạn chế việc khai thác tài nguyên bừa bãi tại khu du lịch. Bên cạnh đó trong khuôn viên các khu du lịch có bố trí các vườn cây, khu nuôi chim thú làm tăng tính đa dạng sinh học của vùng.

Tuy nhiên, do vấn đề nhu cầu về thực phẩm cung cấp cho khách du lịch ngày càng tăng lên đặc biệt là các món ăn đặc sản phục vụ khách du lịch tại các vùng biển, núi,... dẫn đến việc khai thác quá mức các loại động thực vật quý hiếm sẽ gây tổn hại đến đa dạng sinh học của vùng. Các hoạt động du lịch như Camping, thể thao, săn bắt, câu cá, bơi lội càng được tổ chức nhiều hơn tại các Vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên với mật độ khách du lịch cao và cường độ hoạt động giao thông lớn sẽ làm mất đi sự yên tĩnh, ảnh hưởng đến lãnh thổ của các loài động vật hoang dã, làm mất đi nơi sống và các điều kiện để duy trì sự sống của các hệ sinh thái trong vùng, tạo ra hàng rào vật chất trên con đường di cư của một số động vật làm cho chu kỳ sinh đẻ tự nhiên của chúng bị rối loạn. Bên cạnh đó việc thả neo, thu nhặt san hô gây ảnh hưởng không tốt tới các rạn san hô, hoạt động vui chơi giải trí trên mặt nước sẽ tác động đến các hệ thủy sinh, hoạt động tại các khu rừng cấm và rừng nguyên sinh làm cho nhiều loài động vật, thực vật quý hiếm bị mất dần.

Các yếu tố gây ô nhiễm như rác thải, nước thải, các khí thải gây mùi,... đều có ảnh hưởng trực tiếp đến các hệ sinh thái, đặc biệt là các hệ thủy sinh chủ yếu gây ra hiện tượng thiếu ôxy, các ô nhiễm đó cũng tác động tới hệ động vật trên cạn như thu hút các loài động vật ăn xác chết, rác thải trong các khu bảo tồn động vật dẫn đến lây truyền bệnh tật. Ngoài ra rác thải còn gây ra những tác hại đến sức khỏe của động vật và nhân viên khu bảo tồn động vật hoang dã, rác thải không

được thu gom xử lý sẽ phát tán vào trong đất làm tăng hàm lượng các chất hóa học có hại cho đất gián tiếp ảnh hưởng tới các loài thực vật sống trên mảnh đất đó.

1.4.2. Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường nhân văn và kinh tế - xã hội

1.4.2.1. Tác động tích cực

- Du lịch góp phần nâng cao lòng tự hào dân tộc, nâng cao tính tự trọng, tự tôn dân tộc.

- Thúc đẩy việc gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hóa của các dân tộc Việt Nam nói chung và của từng dân tộc anh em. Góp phần bảo vệ tính đa dạng văn hóa. Nâng cao ý thức bảo tồn đặc sắc văn hóa của các dân tộc, nhất là đối với các dân tộc thiểu số, khắc phục tính tự ty dân tộc, khi bà con thấy khách du lịch nước ngoài tôn trọng và chiêm ngưỡng các đặc trưng văn hóa của dân tộc mình.

- Du lịch góp phần đắc lực trong việc bảo tồn, nâng cao giá trị khôi phục các di sản kiến trúc, di sản nghệ thuật vật thể và phi vật thể, di sản văn hóa, đồ thủ công mỹ nghệ, các lễ hội, các trang phục, những phong tục, lối sống truyền thống.

- Du lịch tạo ra các khả năng hỗ trợ bảo tồn các di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ đang có nguy cơ bị chuyển hóa thành phế tích, nguy cơ bị hủy hoại, nhất là trong điều kiện mưa nắng thất thường của điều kiện khí hậu nhiệt đới, khi nền kinh tế của đất nước ta còn nghèo, không có đủ vốn và các điều kiện cần thiết khác để trùng tu, bảo vệ một lúc mọi di tích lịch sử và văn hóa.

- Du lịch đóng góp kinh phí trực tiếp hay gián tiếp thông qua yêu sách nhà nước vào việc phát triển các bảo tàng nhà hát, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống, trong đó có những hoạt động văn hóa độc đáo như văn hóa ẩm thực, văn hóa uống trà, văn hóa chơi hoa, cây cảnh,...

- Du lịch thúc đẩy quá trình giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, tạo điều kiện trao đổi văn hóa giữa khách du lịch và các nền văn hóa địa phương thông qua các chương trình du lịch văn hóa, lễ hội, du lịch khoa học, du lịch sinh thái. Ngoài ra, du lịch còn góp phần tạo sự tiếp xúc và trao đổi văn hóa giữa khách du lịch và các cộng đồng địa phương, làm phong phú thêm các khía cạnh văn hóa cho cả hai phía, tăng thêm sự hiểu biết và hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, nhân văn,...

Du lịch góp phần tăng GDP cho nền kinh tế quốc dân và tạo nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho quốc gia và vùng.

Du lịch góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành ngoại thương. Xuất khẩu bằng con đường du lịch đa số được gọi là xuất khẩu tại chỗ như các mặt hàng ăn uống, rau quả, hàng lưu niệm. Việc xuất khẩu bằng du lịch quốc tế có lợi lớn về nhiều mặt, tạo được doanh thu và lợi nhuận lớn hơn nhiều nếu cùng những hàng hóa đó đem xuất khẩu theo đường ngoại thương. Hàng hóa du lịch được xuất với

giá bán lẻ có giá bán cao hơn giá xuất theo con đường ngoại thương là giá bán buôn. Tiết kiệm được chi phí đóng gói, bảo quản và chi phí vận chuyển quốc tế.

Du lịch tạo cơ hội giải quyết việc làm. Hoạt động du lịch phát triển nhanh chóng đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm. Người ta tính rằng với 1 tỷ USD tiêu xài của du khách có thể tạo ra 33.000 việc làm ở các quốc gia có nền kinh tế phát triển, trong đó ở các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển số công việc được tạo ra nhiều hơn là 50.000 công việc. Nhân dụng và thu nhập là hai đại lượng có sự liên quan mật thiết, giữa chúng có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp. Nhân dụng trực tiếp là những công việc được tạo ra từ chi tiêu của du khách. Ví dụ như: hướng dẫn viên du lịch, lễ tân, nhân viên bàn - bar, buồng,... Nhân dụng gián tiếp là những công việc được tạo ra từ những việc làm do ảnh hưởng của chi tiêu du khách. Ví dụ như: người lái xe taxi, quán ăn của dân cư địa phương, tiệm giặt ủi,... Đến năm 2013, ước tính đã có trên 1,7 triệu lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch, trong đó 550 nghìn lao động trực tiếp và 1,2 triệu lao động gián tiếp. Loại hình hoạt động của du khách ảnh hưởng đến loại hình và số việc làm được tạo ra. Ví dụ: cơ sở lưu trú thường cần nhiều nhân công hơn những công nghệ du lịch khác và thường chiếm 70% tổng số nhân công của ngành du lịch. Hầu hết các công việc làm trong ngành du lịch cần ít kỹ năng. Số lượng chức vụ quản lý tương đối ít và thường được những người bên ngoài địa phương đảm nhận.

Du lịch thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ, tăng cường vị trí và khả năng phát triển du lịch dựa trên cơ sở phối hợp với các ngành có liên quan. Nhiều doanh nghiệp có quy mô nhỏ và do gia đình làm chủ như dịch vụ taxi, cửa hàng bán đồ lưu niệm hay một nhà hàng nhỏ. Ngành du lịch có thể liên kết với các doanh nghiệp địa phương phụ thuộc vào các yếu tố sau: Loại hình hàng hóa và các nhà sản xuất mà nhu cầu du lịch được liên kết; khả năng của các nhà sản xuất địa phương đáp ứng nhu cầu; lịch sử phát triển du lịch của vùng. Ngày càng có nhiều du khách muốn tìm hiểu văn hóa đích thực của vùng du lịch. Nếu chúng ta có thể kích thích họ mua hàng lưu niệm sản xuất tại địa phương và ở khách sạn được trang bị bằng nhiều vật liệu của địa phương thì du lịch là chiếc cầu nối và đóng góp đáng kể vào nền kinh tế. Khi du lịch phát triển, sự tiêu dùng của du khách sẽ làm cho sự phân phối tiền tệ và cơ hội tìm việc làm đồng đều hơn. Hội đồng du lịch và lữ hành quốc tế ước tính rằng du lịch tạo ra nguồn thu không chính thức có thể bằng 100% nguồn thu chính thức ở các địa phương, tạo nên hiệu quả kinh tế liên đới trong du lịch. Tiêu dùng của khách du lịch sẽ tạo nên thu nhập của các doanh nghiệp du lịch.

Du lịch làm thay đổi cấu trúc kinh tế của vùng. Ở các vùng có du lịch phát triển thì xuất hiện xu hướng nông dân rời bỏ ruộng đồng để kiếm công việc tốt hơn trong ngành du lịch, còn ngược lại ở các vùng du lịch kém phát triển thì chỉ có hai hoạt động để phát triển kinh tế là canh nông – du lịch. Khi du lịch phát triển, sự

tranh giành đất đai giữa hai ngành xảy ra. Giá đất tăng cao do thay đổi mục đích sử dụng. Ví dụ: du lịch phát triển thì đòi hỏi cần có nhiều cơ sở hạ tầng để phục vụ du lịch, các chủ đầu tư sẽ đua nhau mua đất xây dựng các nhà nghỉ, khách sạn, khu vui chơi giải trí, khu resort, thậm chí họ còn mua đất để trồng một vườn cây ăn trái sau đó mở một khu du lịch để cho du khách tham quan,... Thay đổi cơ cấu và trình độ lao động, góp phần cân bằng cán cân thanh toán quốc tế, sự gia tăng xuất khẩu du lịch sẽ đồng thời làm gia tăng tổng sản phẩm quốc dân của đất nước. Kích thích đầu tư ngành du lịch được tạo nên bởi rất nhiều doanh nghiệp nhỏ của các loại dịch vụ khác nhau. Vì thế, sự đầu tư của nhà nước vào cơ sở hạ tầng và đôi khi cả kiến trúc thượng tầng (văn hóa dân gian, nghệ thuật,...) nhằm tạo điều kiện cho du lịch phát triển sẽ kích thích sự đầu tư rộng rãi của các tầng lớp nhân dân và các doanh nghiệp nhỏ. Sự đầu tư xuất phát từ du lịch sẽ kéo theo sự bùng nổ đầu tư ở các ngành sản xuất và dịch vụ khác như xây dựng, giao thông vận tải, tiểu thủ công nghiệp. Kích thích chính quyền địa phương có những cải thiện tốt hơn về cơ sở hạ tầng như hệ thống điện, nước, đường xá giao thông, bưu chính viễn thông, thu gom rác thải để cải thiện chất lượng cuộc sống cho cư dân cũng như du khách.

Du lịch là phương tiện tuyên truyền và quảng cáo không mất tiền cho nước chủ nhà. Sự phát triển của du lịch quốc tế còn có những ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố các mối quan hệ kinh tế quốc tế theo các hướng như là kết hợp đồng trao đổi khách giữa các nước tổ chức, các hãng lữ hành, tham gia vào các tổ chức quốc tế về du lịch.

Phát triển du lịch góp phần cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến mở cửa với bên ngoài. Du lịch phát triển có thể cải thiện nhiều mặt về môi trường đầu tư, tăng cường hợp tác và giao lưu kinh tế đối ngoại. Trên thực tế, để tạo môi trường đầu tư tốt, thu hút du khách đến tham quan, những nơi có ngành du lịch phát triển đều coi trọng cải tiến, xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Ngoài ra, để có thể bảo đảm phát triển liên tục ngành du lịch, thu hút đầu tư bên ngoài, cần coi trọng công tác bảo vệ môi trường, coi trọng lễ phép văn minh, giáo dục đạo đức, nghề nghiệp của dân cư, coi trọng xây dựng pháp chế để tạo môi trường đầu tư tốt. Cải thiện về mặt xã hội, các dịch vụ và công trình công cộng, từ đó nảy sinh thêm nhiều hoạt động xã hội bổ ích. Cải thiện y tế: dịch vụ y tế và các tiêu chuẩn vệ sinh được nâng cao. Xử lý rác và nước thải được cải thiện, dịch vụ môi trường được nâng cấp hơn. Cải thiện về mặt xã hội: cải thiện các dịch vụ và các công trình công cộng. Giáo dục và bảo tồn thiên nhiên: giáo dục và kiến thức được nâng lên. Cơ hội đào tạo được mở rộng, khuyến khích việc quản lý và bảo vệ các di sản và môi trường thiên nhiên.

Phát triển du lịch có lợi cho việc giao lưu và phát triển khoa học – kỹ thuật. Du lịch là hình thức quan trọng của việc truyền bá kỹ thuật và giao lưu nghiên cứu khoa học. Hoạt động thăm viếng nhau của đồng nghiệp trong du lịch thương mại

hiện đại, du lịch hội nghị chuyên ngành, du lịch du học tạo điều kiện cho phát triển khoa học kỹ thuật du lịch.

1.4.2.2. Tác động tiêu cực

- Du lịch có thể mang lại những tác động xấu lên nền văn hóa:

Do có sự vượt trội trong một số mặt của các đặc trưng văn hóa nước ngoài được khách du lịch mang đến so với các nền văn hóa bản địa, cho nên trong một số trường hợp có thể làm suy giảm, thậm chí làm lãng quên nhiều nét văn hóa địa phương.

Các khác biệt về văn hóa có thể gây ra những hiểu lầm, những xung đột giữa khách du lịch và người dân địa phương. Những khác biệt về ngôn ngữ, thói quen, cách ứng xử, tín ngưỡng,... có thể dẫn đến những mâu thuẫn, có khi trở nên gay gắt. Nhiều trường hợp khách du lịch trở thành đối tượng tấn công của những nhóm cực đoan.

Một số tác phong, ứng xử quá tự do, quá thiên về dục vọng thể xác có thể làm ảnh hưởng đến thuần phong, mỹ tục của nhân dân địa phương.

- Hoạt động du lịch có thể dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội.

Khách du lịch có thể là nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển của tệ nạn mại dâm, ma túy, cờ bạc, mất trật tự công cộng ở nhiều địa phương.

Nhiều khách du lịch có thể mang theo hàng cấm, hàng lậu thuế vào trong nước. Một số khách du lịch có các hoạt động rửa tiền, sử dụng hồ sơ giả.

- Khách du lịch có thể mang theo dịch bệnh.

Một số loại dịch bệnh nguy hiểm có thể xâm nhập vào trong nước cùng với khách du lịch như Virus HIV và bệnh AIDS, bệnh viêm đường hô hấp cấp SARS, bệnh cúm gia cầm,...

Khách du lịch có thể mang theo nhiều loại bệnh thông thường nhưng nguy hiểm như: thương hàn, tả, lỵ, viêm ruột, viêm gan, giun sán ký sinh. Đặc biệt dễ lan truyền là các loại bệnh ngoài da, bệnh lây lan qua đường tình dục.

Khách du lịch cũng có thể là nguyên nhân thúc đẩy các trận dịch bệnh lan truyền thuận lợi do đông người như: bệnh hô hấp, bệnh lao, cúm,...

- Khách du lịch có thể là nguyên nhân gây quá tải dân số cục bộ.

Sự quá tải dân số cục bộ có thể làm giảm khả năng hưởng thụ và làm mất các tiện nghi môi trường dành cho cư dân địa phương.

Khách du lịch quá đông, dân cư địa phương bị đẩy vào tình trạng tranh giành phương tiện giao thông, nhà hàng, chợ búa, nguồn nước,... Tình trạng này làm nảy sinh cảm giác bức bối, khó chịu và làm xuất hiện cảm giác bị xâm phạm chủ quyền.

- Các hoạt động du lịch gây suy giảm các nguồn lợi kinh tế của địa phương.

Các hoạt động du lịch có thể được đầu tư và điều hành do các chủ doanh nghiệp ở trung ương hoặc ở các địa phương khác tạo nên sự cạnh tranh trong việc sử dụng các nguồn lợi tự nhiên với cư dân địa phương.

Nhiều nhà kinh tế cho rằng các doanh nghiệp ở các nước có nền kinh tế phát triển thu khoảng trên 50% doanh thu du lịch trong tổng doanh thu từ du lịch được tiến hành tại các nước đang phát triển.

Một lượng ngoại tệ không ít của các nước đang phát triển cũng chạy ra nước ngoài trong quá trình phát triển du lịch, để nhập phương tiện, tiện nghi, hàng hóa và sử dụng các dịch vụ nước ngoài.

Nhiều địa phương phải dùng nguồn vốn lớn để nhập lương thực, thực phẩm từ các nơi khác phục vụ cho khách du lịch và đảm bảo an toàn lương thực cho cư dân địa phương, do các hoạt động du lịch làm ảnh hưởng đến sản xuất lương thực tại chỗ.

- Các hoạt động du lịch gây nên những biến động kinh tế.

Đối với những địa phương ưu tiên tập trung phát triển du lịch, khi gặp những trường hợp có những biến động lớn về kinh tế và xã hội ở nước ngoài có thể gặp rối loạn trong các hoạt động kinh tế do những tác động từ bên ngoài. Nhiều trường hợp một số khu vực du lịch được tập trung đầu tư phát triển một cách biệt lập với các khu vực khác trong cả nước, làm xuất hiện những chênh lệch về kinh tế và trình độ phát triển giữa các vùng. Tình trạng này có thể dẫn đến việc hình thành những bất bình trong cư dân ở những vùng chậm phát triển.

Sự bùng nổ về tăng giá đất đai, giá hàng hóa, dịch vụ ở các khu du lịch có thể dẫn tới làm mất giá đồng tiền, gây sức ép tài chính lên cư dân trong vùng.

Cư dân địa phương ở nhiều trung tâm du lịch, do không được đào tạo và bồi dưỡng, trong khi đất đai của họ bị mất dần do sự phát triển của các hoạt động du lịch, có thể biến thành những người lao động giản đơn với tiền công rẻ mạt, với các loại lao động tạm bợ theo mùa.

1.5. TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

1.5.1. Tác động của môi trường tự nhiên đến hoạt động du lịch

Nước ta “Rừng vàng, biển bạc, đất phì nhiêu” là một câu được sách báo nhắc tới trong nhiều năm. Đây chính là những tài nguyên du lịch tự nhiên đa dạng và phong phú cho sự phát triển du lịch. Nhưng trong thực tế, ngành du lịch của Việt Nam chưa khai thác được hiệu quả vì những nguyên nhân sau:

- “Rừng vàng” đang bị tàn phá qua việc khai thác gỗ, săn bắt các loài thú, phá vỡ hệ sinh thái của rừng nhiệt đới, đặc biệt vấn đề khai thác các khoáng sản quý, làm thủy điện đã ảnh hưởng rất lớn đến các khu du lịch vùng núi. Những con thác nước lớn đẹp tuyệt vời nay đã khô cạn vì các đập chắn giữ nước làm thủy điện. Các dòng suối, con sông thơ mộng với làn nước trong xanh, nay đã đỏ ngầu

vì khai khoáng. Thú rừng bị săn bắt, cài bẫy để trở thành các món ăn đặc sản. Đường xá bị cây xói do vận chuyển gỗ từ rừng về. Những yếu tố trên không chỉ ảnh hưởng lớn đến sự biến đổi khí hậu, đã tạo ra lũ, lụt, ô nhiễm môi trường, phá hoại các hệ sinh thái ở miền xuôi và vùng biển mà còn ảnh hưởng lớn đến hoạt động du lịch của các vùng này. Điển hình là các khu du lịch ở Sapa, Đắc Lắc... Các vườn Quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên quý giá đã, đang bị thiên nhiên và con người từng bước phá hủy do nhận thức, do đời sống kinh tế còn nghèo đói và do làm du lịch chưa có tính chuyên nghiệp.

- Ở nước ta có trên 3.260km đường bờ biển với hàng trăm bãi tắm, có những bãi tắm có chiều dài từ 15-18km đủ điều kiện để phát triển du lịch. Có những bãi biển đã nổi tiếng trong nước từ xa xưa như: Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò, Cửa Tùng, Lăng Cô, Mỹ Khê, Đại Lãnh, Nha Trang, Ninh Chữ, Mũi Né, Vũng Tàu, Côn Đảo, Phú Quốc...v.v Thế nhưng, so với du lịch biển của các nước trong khu vực trong cuộc đấu tranh cạnh tranh giành nguồn khách du lịch quốc tế vẫn còn nhiều hạn chế và yếu, kém. Nói đến du lịch của Ấn Độ, người thường nghĩ ngay đến khu du lịch nghỉ biển Bali, một trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, trung tâm du lịch hội nghị của thế giới và khu vực. Hàng năm Bali đón tiếp và phục vụ trên 2 triệu lượt khách quốc tế. Hoặc bất cứ khách du lịch nước ngoài nào đến Thái Lan đều mong muốn đến Pattaya một khu du lịch nghỉ biển nổi tiếng không chỉ đối với khách từ châu Âu, châu Mỹ mà cả khách trong khu vực. Mỗi năm khu du lịch biển này đón tiếp và phục vụ trên 4 triệu lượt khách du lịch quốc tế. Ngày nay, du lịch Trung Quốc đã và đang tìm mọi cách xây dựng thương hiệu du lịch biển đảo Hải Nam để cạnh tranh nguồn khách du lịch trên thị trường quốc tế và khu vực.

Mặt khác, ô nhiễm môi trường tại các bãi biển này còn rất nhiều vấn đề cần quan tâm. Đó là sự tàn phá rừng đầu nguồn, các công trình thủy điện, các mỏ khoáng sản đang khai thác, các ngành sản xuất tác động đến môi trường đất, nước và không khí. Ngay tại mỗi khu du lịch biển, ý thức bảo vệ môi trường còn thấp không chỉ đối với cộng đồng dân cư xung quanh mà cả các nhà kinh doanh tại bãi biển. Việc ứng dụng công nghệ trong xử lý nước thải, chất thải còn rất hiếm.

Việc đánh bắt hải sản và khai thác nguồn lợi từ biển của cộng đồng dân cư vùng biển cộng với sự ô nhiễm môi trường đã tác động đến hệ sinh thái biển. Do công tác nghiên cứu thị trường để quy hoạch xây dựng và phát triển các khu du lịch biển trọng tâm, trọng điểm vẫn còn manh mún, từ đó dẫn đến các vấn đề như: lượng khách không tập trung còn mang nặng tính thời vụ trong kinh doanh, chưa tạo thành tâm điểm hút khách để từ đó lan tỏa ra các vùng, chưa có các dịch vụ đồng bộ dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp. Vấn đề cảnh báo sự biến đổi khí hậu, sự cố nước biển dâng cao cho các nhà đầu tư và kinh doanh ở các khu du lịch biển hạn chế...v.v.

- Nếu so mật độ dân số trên km², thì nước ta có mật độ cao trên thế giới và khu vực. Người đông đất chật, đặc biệt là ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh,..v.v, đang bị ô nhiễm về tiếng ồn, không khí, rác thải, nước thải, sự ùn tắc giao thông đã và đang tạo ra những khó khăn cho các hoạt động du lịch. Người ta thường nói” Du lịch là ngành xuất khẩu tại chỗ”, thế nhưng các mặt hàng lương thực, thực phẩm chưa cung ứng một lượng lớn cho khách sạn, nhà hàng phục vụ khách du lịch quốc tế để thu ngoại tệ tại chỗ. Nguyên nhân của vấn đề này là ô nhiễm môi trường, vì thế các tiêu chuẩn về vệ sinh, an toàn thực phẩm chưa đảm bảo. Tình trạng dịch bệnh của gia súc, gia cầm chưa được ngăn chặn, rau,củ, quả chăm bón chưa đúng quy định gây ra tai tiếng đối với người tiêu dùng. Tất cả những yếu tố trên không những hạn chế việc thu hút một lượng lớn khách du lịch quốc tế mà còn hạn chế đến hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch.

Tất cả những tác động của ô nhiễm môi trường tự nhiên không những ảnh hưởng đến đời sống kinh tế-xã hội mà còn tác động mạnh mẽ đến sự phát triển du lịch của đất nước.

1.5.2. Tác động của môi trường nhân văn đến hoạt động du lịch

- Theo thống kê, cả nước có trên 4 vạn di tích, trong đó có 2.873 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, 11 di tích, thắng cảnh được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Có 115 viện bảo tàng, 2.971 làng nghề truyền thống, 8.902 lễ hội và nhiều loại hình văn hóa phi vật thể có giá trị, trong đó có 9 loại hình văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận là di sản thế giới.

Xuất phát từ những lợi thế trên, Đảng và nhà nước đã xác định:“ Phát triển du lịch thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa, lịch sử đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước, phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực”, trong đó phát triển mạnh du lịch văn hóa truyền thống lịch sử.

Có nhiều quan điểm khác nhau về tài nguyên du lịch, nhưng một quan điểm thực tiễn là “tất cả các nhân tố có thể kích thích được động cơ du lịch của con người được ngành du lịch tận dụng kinh doanh để sinh ra lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội đều gọi là tài nguyên du lịch”. Hoặc “ Bất kỳ nhân tố thiên nhiên, nhân văn và xã hội có thể thu hút được khách du lịch đều gọi là tài nguyên du lịch”. Điều này có nghĩa rằng không chỉ những tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn mà cả các sự kiện xã hội như: kinh tế, chính trị, văn hoá, thể thao..v.v được tổ chức có khả năng thu hút khách du lịch được gọi là tài nguyên du lịch.

Mặt khác, có những nước, những vùng đất không có nhiều tài nguyên du lịch nhân văn, nhưng với trí tuệ và sức sáng tạo của con người muốn làm du lịch, họ có thể xây dựng những vùng đất đó trở thành điểm đến du lịch nổi tiếng thế giới và

khu vực, hàng năm thu hút hàng chục triệu khách du lịch quốc tế mà điển hình là Singapore và Las Vegas.

Thực tế ở nước ta, mặc dù có nhiều tài nguyên du lịch nhân văn, nhưng những tài nguyên này nằm rải rác, tản mạn và chưa có quy hoạch và đầu tư mang tính chuyên nghiệp để phục vụ du lịch, vì thế ở các điểm tham quan du lịch môi trường tự nhiên và môi trường xã hội còn nhiều bất cập. Cảnh quan thiên nhiên bị phá vỡ, vệ sinh môi trường không sạch sẽ, nạn bán hàng rong chèo kéo khách xảy ra thường xuyên, nhà vệ sinh phục vụ khách tham quan không có.

Năm 2010, Bộ Văn hóa – Thể thao – Du lịch đưa ra khẩu hiệu “Ở đâu có du lịch ở đó có nhà vệ sinh đạt chuẩn”, trong thực tiễn khẩu hiệu này rất khó thực hiện. Nguyên nhân chính là chưa xây dựng được các điểm đến du lịch có trọng tâm, trọng điểm, có tính chuyên nghiệp cao, có khả năng thu hút một lượng lớn khách du lịch thường xuyên và đều đặn trong năm. Cả nước có tới hàng vạn di tích văn hóa, lịch sử, tâm linh, tất cả các nơi này đều trở thành một điểm tham quan du lịch, nhưng lượng khách đến hạn chế và không thường xuyên thì làm sao có thể xây dựng và duy trì được “Nhà vệ sinh đạt chuẩn”.

- Khi nói về môi trường xã hội trong du lịch, trước hết cần xem xét về văn hóa du lịch. Văn hóa du lịch là tổng thể của cái vật chất và của cái tinh thần có liên quan đến du lịch. Văn hóa du lịch là sự kết hợp của văn minh tinh thần và văn minh vật chất có liên quan mật thiết đến hoạt động du lịch. Văn hoá du lịch nằm trong mối quan hệ biện chứng giữa khách du lịch, tài nguyên du lịch và ngành du lịch (nhà nước, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng dân cư, hiệp hội..v.v). Văn hoá du lịch là một loại hình thái văn hoá đặc thù lấy giá trị nội tại của văn hoá làm chỗ dựa, lấy các yếu tố du lịch làm căn cứ, thúc đẩy quá trình hoạt động du lịch. Văn hoá du lịch cũng có nghĩa là nội dung văn hoá do du lịch thể hiện, là văn hoá giữa khách du lịch và người làm du lịch tích lũy và sáng tạo trong quá trình hoạt động du lịch.

Khách du lịch thường phàn nàn về thái độ phục vụ của người làm du lịch từ những người trực tiếp phục vụ đến những người gián tiếp phục vụ. Du lịch là hoạt động liên quan chặt chẽ đến con người (bao gồm cả khách và những nhà quản lý cũng như người phục vụ khách du lịch), “Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”, vì thế muốn phát triển du lịch trước hết phải hiểu con người. Con người là khách du lịch phải “cung cấp cho họ những gì họ cần, không phải phục vụ họ những gì mình có”. Khách du lịch là những người có nguồn gốc dân tộc, giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt và tiêu dùng khác nhau, nên cái mà khách cần là rất khác nhau, điều này đòi hỏi người phục vụ du lịch phải nắm bắt được những cái họ cần để phục vụ họ. Thái độ phục vụ khách phải văn minh lịch sự, nội dung phục vụ phải cụ thể và chi tiết với tính văn hóa cao. Phải công khai, minh mạch các loại dịch vụ và hàng hóa cũng như giá cả, chất

lượng phục vụ để cho khách lựa chọn theo khả năng, sở thích và thói quen tiêu dùng của họ. Nhưng thực tế hiện nay, những vấn đề này vẫn còn nhiều nơi chưa thực hiện được, nhất là tại các điểm tham quan du lịch tình trạng bán hàng không đúng chất lượng, lừa dối khách về giá cả, ép khách phải mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ của mình vẫn thường xảy ra.

- Du lịch được xếp trong khối dịch vụ. Theo từ điển Việt-Việt: “Dịch vụ là sự trợ giúp giữa con người với con người, nhưng phải trả tiền”. Thời kinh tế tập trung bao cấp, sự giúp đỡ giữa con người với con người là vô tư, trong sáng, không cần phải trả tiền, nhưng khi chuyển sang kinh tế thị trường nhiều dịch vụ phải trả tiền bị lên án và coi như một việc làm xấu xa hoặc bị gắn tên “thương mại hóa”. Mặt khác, giá cả của nhiều loại dịch vụ hiện nay quá cao, thậm chí còn mang tính chất lừa lọc khách. Tất nhiên, rất khó xác định, nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: thời gian thực hiện dịch vụ, trí thức và khả năng của người làm dịch vụ, công sức và tiêu hao vật chất của việc thực hiện dịch vụ..v.v. Việc xác định giá cả này chủ yếu phụ thuộc vào người làm dịch vụ, nhưng để làm được dịch vụ đòi hỏi phải có uy tín và danh tiếng, vì thế cần những người làm du lịch có văn hóa.

Tất cả những vấn đề cơ bản trên đã và đang là những trở ngại cho sự phát triển du lịch nước nhà.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Hãy phân tích khái niệm về môi trường và môi trường du lịch?

Câu 2: Phân tích vai trò của môi trường đến hoạt động du lịch?

Câu 3: Phân tích những tác động cơ bản của hoạt động du lịch đến môi trường?

Câu 4: Bạn đánh giá như thế nào về chất lượng môi trường du lịch tại thành phố Vũng Tàu hiện nay?

CHƯƠNG 2

DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu: Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

- Giải thích khái niệm phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững.
- Nhận thức tầm quan trọng của môi trường với phát triển du lịch bền vững.
- Liệt kê những nguyên tắc phát triển du lịch bền vững.
- Xác định những vấn đề cơ bản của các loại hình du lịch bền vững.

2.1. KHÁI NIỆM

2.1.1. Phát triển bền vững

Trong khuôn khổ nội dung của Hội nghị Thượng đỉnh Rio de Janeiro (năm 1992 tại Brasil), Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển thế giới (WCED) đã đưa ra định nghĩa về phát triển bền vững: *“Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai đáp ứng những nhu cầu của chính họ”*. Đáp ứng nhu cầu ở đây là đáp ứng nhu cầu về môi trường và tài nguyên cho con người và còn có nghĩa là đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về kinh tế cho sự phát triển. Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển còn cho rằng có thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững bằng cách chuyển giao một cách hợp lý các công nghệ, xây dựng năng lực về khoa học quản lý, đồng thời với việc sử dụng một cách đúng đắn các nguồn tài nguyên; các quốc gia khi sử dụng tài nguyên và các nguồn lực để phát triển thì cần phải tính đến việc duy trì hay đồng thời tạo ra một nguồn tài nguyên mới để đảm bảo nhu cầu cho các thế hệ tương lai cũng có nghĩa là cải thiện cuộc sống của con người trong phạm vi khả năng chịu đựng được của các hệ sinh thái trên trái đất. Phát triển bền vững sẽ tạo nên môi trường bền vững và nền kinh tế phát triển bền vững. Phát triển lấy kinh tế làm mục tiêu, bền vững lấy bảo vệ môi trường làm mục tiêu. Hiểu một cách ngắn gọn: Phát triển bền vững là kinh tế - xã hội phát triển và môi trường bền vững.

Sau hội nghị thượng đỉnh Rio de Janeiro, Viện Quốc tế và Môi trường đã đưa ra quan niệm: phát triển bền vững là quan hệ tổng hợp giữa kinh tế, xã hội và tự nhiên (môi trường). Đó là ba hệ thống lồng ghép hài hòa với nhau: kinh tế phát triển, xã hội công bằng và môi trường bền vững. Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững của Liên hợp quốc năm 2002 họp tại Johannesburg (Nam Phi) đã nhất trí với quan điểm này. Những kiến nghị trong bản ghi nhớ được đưa ra hội nghị trên cơ sở các nguyên tắc về tính bền vững sinh thái và sự công bằng mà mối quan hệ này đang có liên quan trực tiếp đến các vấn đề xóa đói nghèo.

Thật ra, kinh tế và xã hội luôn luôn gắn bó với nhau trong một phân hệ gồm có kinh tế và xã hội, mà phân hệ này có mối quan hệ tương hỗ, đối lập với phân hệ môi trường gồm có môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo. Cho nên về thực

chất chỉ có một hệ thống lớn, trong đó gồm hai phân hệ nhỏ hơn: kinh tế - xã hội và môi trường. Trong sự phát triển bền vững, phân hệ kinh tế - xã hội phải được phát triển, tức là phải bảo đảm sự phát triển về kinh tế và công bằng về xã hội và phân hệ môi trường phải được bền vững, tức là phải bảo đảm sự bền vững động của môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo. Đây là quan điểm đúng đắn và lâu dài.

2.1.2. Phát triển du lịch bền vững

Khái niệm phát triển du lịch bền vững không tách rời khái niệm về phát triển bền vững. Ngay từ những năm 1980, khi các vấn đề về phát triển bền vững bắt đầu được đề cập, tiến hành nghiên cứu thì đã có nhiều nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm đưa ra các khía cạnh ảnh hưởng của du lịch có liên quan đến phát triển bền vững. Nhiệm vụ trọng tâm của những nghiên cứu này nhằm để giải thích cho sự cần thiết phải đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường sinh thái, các giá trị văn hóa trong khi tiến hành các hoạt động khai thác tài nguyên phục vụ phát triển du lịch, góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Ở một góc độ khác có thể dễ dàng nhận thấy du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp có định hướng tài nguyên, bao gồm tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn, rõ rệt và sự phát triển của du lịch gắn liền với môi trường. Chính vì vậy bản thân sự phát triển của du lịch đòi hỏi phải có sự phát triển bền vững chung của xã hội và ngược lại.

Từ đầu thập niên 1990, các nhà khoa học trên thế giới đã đề cập nhiều đến việc phát triển du lịch với mục đích đơn thuần về kinh tế đang đe dọa hủy hoại môi trường sinh thái đến các nền văn hóa bản địa. Hậu quả của các tác động này sẽ ảnh hưởng đến bản thân sự phát triển lâu dài của ngành du lịch. Chính vì vậy đã xuất hiện yêu cầu nghiên cứu “Phát triển du lịch bền vững” nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đảm bảo sự phát triển lâu dài. Một số loại hình du lịch bước đầu quan tâm đến khía cạnh môi trường đã bắt đầu xuất hiện như: du lịch sinh thái, du lịch dựa vào thiên nhiên, du lịch khám phá, du lịch mạo hiểm,... đã góp phần nâng cao hình ảnh về một hướng phát triển du lịch có trách nhiệm, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Hiện nay, trong quá trình thống nhất về nhận thức, quan điểm về phát triển du lịch bền vững vẫn còn những bất đồng, đặc biệt giữa quan điểm coi phát triển du lịch bền vững cần đảm bảo nguyên tắc chính là bảo tồn tài nguyên, môi trường và văn hóa với quan điểm cho rằng nguyên tắc hàng đầu của phát triển du lịch bền vững là sự tăng trưởng về kinh tế do du lịch đem lại.

Dưới góc độ về kinh tế mà sự quan tâm chủ yếu đối với phát triển du lịch là lợi nhuận thì “du lịch bền vững là quá trình hoạt động du lịch mà ở đó có thể duy trì được sự phát triển trong một thời gian, giai đoạn không xác định”. Tuy nhiên,

quan niệm này chịu rất nhiều sự chỉ trích, phê phán của các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà nghiên cứu về môi trường và tài nguyên.

Đa số cho rằng “Du lịch bền vững được hiểu là hoạt động khai thác môi trường tự nhiên và văn hóa nhằm thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn, đồng thời tiếp tục duy trì các khoản đóng góp cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương”.

Theo định nghĩa của Tổ chức du lịch thế giới WTO đưa ra tại Hội nghị về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992 thì: “du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người”.

Như vậy có thể coi phát triển du lịch bền vững là một nhánh của phát triển bền vững đã được Hội nghị của Ủy ban thế giới về phát triển và môi trường (hay Ủy ban Brundtland) xác định năm 1987. Hoạt động phát triển du lịch bền vững là hoạt động phát triển ở một khu vực cụ thể sao cho nội dung, hình thức và quy mô là thích hợp và bền vững theo thời gian, không làm suy thoái môi trường, làm ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ các hoạt động phát triển khác. Ngược lại tính bền vững của hoạt động phát triển du lịch được xây dựng trên nền tảng sự thành công trong phát triển của các ngành khác, sự phát triển bền vững chung của khu vực.

Du lịch bền vững đứng trước một thử thách là cần phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng, có khả năng thu hút khách cao song không gây phương hại đến môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa, thậm chí còn phải có trách nhiệm bảo tồn và phát triển chúng.

Về vấn đề này, Chương trình nghị sự 21 về công nghiệp du lịch và lữ hành hướng tới sự phát triển môi trường bền vững của Tổ chức du lịch thế giới và Hội đồng thế giới đã xác định: “Các sản phẩm du lịch bền vững là các sản phẩm được xây dựng phù hợp với môi trường, cộng đồng và các nền văn hóa, nhờ đó sẽ mang lại lợi ích chắc chắn chứ không phải là hiểm họa cho phát triển du lịch”.

Trọng tâm của phát triển du lịch bền vững là đấu tranh cho sự cân bằng giữa các mục tiêu về kinh tế, xã hội và bảo tồn tài nguyên, môi trường và văn hóa cộng đồng trong khi phải tăng cường sự thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của du khách. Sự cân bằng này có thể thay đổi theo thời gian, khi có sự thay đổi về các quy tắc xã hội, các điều kiện đảm bảo môi trường sinh thái và sự phát triển của khoa học công nghệ. Mặc dù vậy phương pháp tiếp cận đảm bảo cho phát triển du

lịch bền vững phải dựa vào sự cân bằng tài nguyên môi trường với một quy hoạch thống nhất.

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế và của Tổ chức du lịch thế giới WTO thì du lịch hiện nay được coi là một trong những ngành kinh tế hàng đầu của thế giới, có đóng góp quan trọng cho việc thu hút ngoại tệ và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của du lịch gắn liền với việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn, trong nhiều trường hợp cũng có ý nghĩa đối với các hoạt động kinh tế khác. Việc khai thác các nguồn tài nguyên có thể đem lại nguồn lợi cho ngành du lịch nhưng đối với cộng đồng thì các tài nguyên này có thể mở ra cơ hội có được lợi ích lớn hơn. Chính vì vậy cần có quy hoạch sử dụng lãnh thổ hợp lý để có được sự phân phối công bằng trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên hạn hẹp của trái đất giữa ngành du lịch với các ngành kinh tế khác nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Du lịch bền vững ở Việt Nam là một khái niệm còn mới. Tuy nhiên thông qua các bài học và kinh nghiệm thực tế về phát triển du lịch tại nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới, nhận thức về một phương thức phát triển du lịch có trách nhiệm với môi trường, có tác dụng giáo dục, nâng cao hiểu biết cho cộng đồng đã xuất hiện ở Việt Nam dưới hình thức các loại hình du lịch tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu,... với tên gọi là “Du lịch tự nhiên” hay “Du lịch sinh thái”.

Mặc dù còn những quan điểm chưa thật sự thống nhất về khái niệm Phát triển du lịch bền vững, tuy nhiên cho đến nay đa số ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực có liên quan khác ở Việt Nam đều cho rằng: *“Phát triển du lịch bền vững là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tự nhiên và nhân văn nhằm thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai; cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương”*.

2.2. VAI TRÒ CỦA MÔI TRƯỜNG VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

Từ những phân tích trên đây về phát triển bền vững nói chung và phát triển du lịch bền vững nói riêng, có thể thấy vai trò hết sức quan trọng của môi trường đối với phát triển du lịch bền vững. Điều này còn đặc biệt có ý nghĩa với phát triển du lịch khi môi trường được xem là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng sản phẩm du lịch nói riêng và sự tồn tại của du lịch nói chung. Nói một cách khác, hoạt động phát triển du lịch có bền vững hay không phụ thuộc một phần rất quan trọng vào tình trạng môi trường.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, môi trường tự nhiên nói chung và môi trường du lịch tự nhiên nói riêng luôn chịu sự tác động của nhiều yếu tố. Nếu trong quá trình phát triển đó, các tác động tiêu cực đến môi trường không được kiểm soát thông qua những biện pháp bảo vệ môi trường, giải pháp quản lý hữu hiệu thì hậu quả sẽ dẫn đến sự suy thoái môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển du lịch bền vững.

Một đặc tính quan trọng của môi trường tự nhiên là khả năng tự làm sạch. Ví dụ một dòng sông có thể trung hòa và tự làm sạch đối với một lượng khí thải ở chừng mực cho phép; các chất khí thải dần dần được bầu khí quyển làm sạch; một vịnh biển có khả năng tự làm sạch sau một thời gian bởi các dòng triều và dòng chảy khác ra, vào vịnh; một lượng khí, bụi đưa vào không khí có thể được cây xanh lọc sạch sau một thời gian;... Do vậy, ở mức độ tác động cho phép môi trường tự nhiên có thể tự tồn tại với chất lượng ban đầu của nó, hay nói một cách khác, ở một chừng mực nào đó môi trường tự nhiên có khả năng “tự vệ” đối với những tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, khả năng này không phải là vô tận và nếu thiếu các biện pháp bảo vệ môi trường hữu hiệu thì môi trường sẽ đứng trước nguy cơ suy thoái, ảnh hưởng đến phát triển bền vững nói chung, phát triển du lịch bền vững nói riêng.

2.3. NHỮNG NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

2.3.1. Sử dụng nguồn lực một cách bền vững

- Việc bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhân văn là tối cần thiết, nó bảo đảm cho hoạt động kinh doanh du lịch phát triển lâu dài.

- Phát triển bền vững chủ trương ủng hộ việc lưu lại cho các thế hệ tương lai một nguồn tài nguyên du lịch không kém hơn so với cái mà thế hệ trước được hưởng.

- Việc sử dụng bền vững, bảo tồn và bảo vệ các nguồn lực phát triển du lịch được xem là vấn đề sống còn đối với việc quản lý hợp lý mang tính chất toàn cầu và quốc gia.

2.3.2. Giảm sự tiêu thụ quá mức và giảm chất thải

Giảm sự tiêu thụ quá mức và giảm chất thải sẽ tránh được những chi phí tốn kém cho việc hồi phục tổn hại về môi trường và làm tăng chất lượng của du lịch.

- Mọi người có nhận thức rằng sự tiêu thụ quá mức sẽ dẫn đến sự hủy hoại môi trường trên toàn cầu và đi ngược lại sự phát triển bền vững.

- Các dự án được triển khai không có đánh giá tác động về môi trường hoặc không thực thi những kiến nghị về đánh giá tác động của môi trường đã dẫn đến sự tiêu dùng tài nguyên môi trường và các tài nguyên khác một cách lãng phí và không cần thiết.

- Các chất thải từ các công trình không được quan tâm xử lý đúng mức, dẫn đến sự xuống cấp về môi trường một cách lâu dài.

- Một số các dự án không được lập kế hoạch một cách nghiêm túc, đặc biệt là trong thành phần tư nhân đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng, dẫn đến các cơ quan nhà nước phải bỏ chi phí và công sức ra để phục hồi những tổn thất.

Chính vì vậy cần thiết phải có các biện pháp để giảm sự tiêu thụ quá mức và giảm chất thải:

- Các doanh nghiệp du lịch và ngành du lịch phải giảm tiêu thụ các nguồn lực du lịch.

- Ưu tiên các nguồn lực hiện có ở địa phương hơn là nhập khẩu theo xu hướng thích hợp và bền vững.

- Giảm nguồn rác thải và đảm bảo việc xử lý rác thải do du lịch thải ra một cách an toàn.

- Sử dụng công nghệ để xử lý rác thải và tái chế rác thải.

- Có trách nhiệm phục hồi những tổn thất nảy sinh từ các dự án du lịch.

- Tránh tổn thất thông qua công tác tiền hoạch định đúng đắn và theo dõi, giám sát liên tục.

2.3.3. Duy trì tính đa dạng

Việc duy trì và tăng cường tính đa dạng của thiên nhiên, văn hóa xã hội là hết sức quan trọng cho du lịch bền vững và cũng là chỗ dựa sinh tồn của ngành công nghiệp du lịch.

- Sự đa dạng của môi trường tự nhiên, văn hóa và xã hội là một thế mạnh, mang lại khả năng phục hồi cho những đột biến và đồng thời tránh việc quá phụ thuộc vào một hay một vài nguồn hỗ trợ sinh tồn.

- Môi trường tự nhiên được đặc trưng bởi tính đa dạng nhưng việc phát triển kinh tế và du lịch đã và đang phá hủy hệ sinh thái trên diện rộng.

- Phát triển du lịch bền vững phải để lại cho các thế hệ tương lai một gia tài đa dạng về thiên nhiên và nhân văn không ít hơn những gì được thừa hưởng của thế hệ trước.

- Đa dạng văn hóa là một trong những tài sản hàng đầu của ngành du lịch, do vậy nó cần phải được giữ gìn và bảo vệ. Sự đa dạng văn hóa bản địa sẽ mất đi khi nó bị xuống cấp bởi cư dân biến nó thành một món hàng hóa đem bán cho du khách.

Các biện pháp duy trì tính đa dạng:

- Trân trọng giữ gìn tính đa dạng của thiên nhiên và nhân văn.

- Đảm bảo nhịp độ, quy mô và loại hình phát triển để bảo vệ tính đa dạng của văn hóa bản địa.

- Ngăn ngừa sự phá hủy đa dạng sinh thái tự nhiên bằng cách tôn trọng sức chứa của mỗi vùng.
- Giám sát tác động của du lịch đối với hệ sinh thái đặc biệt đối với các loài động thực vật.
- Khuyến khích đa dạng kinh tế, xã hội bằng cách lồng ghép du lịch vào các hoạt động của cộng đồng địa phương.
- Ngăn ngừa sự thay thế các ngành nghề truyền thống lâu đời bằng chuyên môn phục vụ du lịch.
- Khai thác tốt các đặc trưng đặc thù của vùng hơn là áp đặt các chuẩn mực đồng nhất.
- Đảm bảo quy mô, nhịp độ và loại hình du lịch nhằm kích lệ lòng mến khách và sự hiểu biết lẫn nhau.
- Phát triển du lịch phù hợp với văn hóa bản địa, phúc lợi và nhu cầu phát triển.

2.3.4. Hợp nhất du lịch vào quá trình quy hoạch

Hợp nhất phát triển du lịch vào trong khuôn khổ hoạch định chiến lược cấp quốc gia và địa phương, tiến hành đánh giá tác động môi trường làm tăng khả năng tồn tại lâu dài của ngành du lịch.

Việc phát triển hợp nhất dựa trên hai nguyên tắc sau:

- Du lịch và hoạch định chiến lược phát triển: Khi sự phát triển du lịch là một bộ phận hợp nhất của một kế hoạch cấp quốc gia, nó xem việc phát triển và quản lý môi trường là một tổng thể thì sẽ mang lại lợi ích tối đa và dài hạn cho nền kinh tế quốc gia và địa phương.

- Du lịch và đánh giá tác động môi trường: Trong việc thiết kế các sơ đồ dự án quy hoạch du lịch, đánh giá tác động môi trường là bắt buộc để đánh giá xem quy mô hay loại hình phát triển du lịch đó có thích hợp hay không và cần nhắc xem nó có đem lại lợi ích thật sự cho khu vực, cho vùng hay cho quốc gia hay không.

Các biện pháp cụ thể:

- Phải tính tới các nhu cầu trước mắt của cả cư dân địa phương và cả du khách.

- Hợp nhất tất cả các mặt kinh tế, môi trường, xã hội và văn hóa của địa phương vào trong việc quy hoạch.

- Tôn trọng chính sách địa phương, khu vực và quốc gia về các ngành công nghiệp, nông nghiệp, sử dụng đất đai, nhà cửa và phúc lợi.

- Giảm thiểu các tổn hại về môi trường, xã hội và văn hóa với cộng đồng địa phương bằng cách thực hiện đánh giá tác động môi trường toàn diện có sự tham gia của cư dân địa phương và tất cả các cấp chính quyền có liên quan.

- Tiếp tục giám sát những tác động môi trường tích cực cũng như tiêu cực của hoạt động du lịch trước, trong và sau khi phát triển.

2.3.5. Hỗ trợ kinh tế địa phương

Ngành du lịch hỗ trợ tích cực các hoạt động kinh tế địa phương và có tính đến các giá trị và chi phí về mặt môi trường thì mới bảo vệ được các nền kinh tế địa phương.

Các biện pháp nhằm gia tăng sự hỗ trợ của ngành du lịch đối với nền kinh tế địa phương:

- Đảm bảo rằng các chi phí về môi trường được tính đến trong tất cả các dự án du lịch.

- Hợp nhất những cân nhắc về môi trường vào tất cả các quyết định kinh tế.

- Hoạt động du lịch được tổ chức trong giới hạn cho phép của sức chứa và hạ tầng cơ sở sẵn có của địa phương.

- Thực hiện đa dạng kinh tế bằng cách phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, mang lợi ích đến cho nhiều thành phần hơn.

- Đảm bảo các loại hình và quy mô hoạt động du lịch phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tránh khai thác quá mức các điểm du lịch.

- Hỗ trợ tạo thu nhập cho địa phương và các doanh nghiệp nhỏ, đồng thời trích một tỷ lệ thỏa đáng từ thu nhập du lịch cho nền kinh tế địa phương nơi diễn ra các hoạt động du lịch.

2.3.6. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch

- Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch sẽ không chỉ mang lại lợi ích cho họ và môi trường mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.

- Khi cộng đồng được tham gia vào quá trình phát triển du lịch thì họ trở thành đối tác tích cực, có vị trí đặc biệt trong khu vực và vùng. Khả năng bền vững của du lịch phụ thuộc rất lớn vào sự ủng hộ và tham gia của cộng đồng địa phương.

- Thông qua việc khuyến khích cộng đồng địa phương làm chủ các ngành thủ công nghiệp và nhà tranh, dịch vụ hướng dẫn, vận chuyển và khách sạn, nhà hàng, tiệm ăn thì sự tham gia của cộng đồng địa phương sẽ tạo điều kiện ngăn chặn sự thất thoát ngoại tệ và có lợi cho cộng đồng địa phương và du khách.

Các biện pháp để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch:

- Tôn trọng nhu cầu và nguyện vọng của cư dân địa phương.

- Tạo điều kiện cho cư dân địa phương phải quyết định sự phát triển của chính họ.
- Khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương vào các dự án du lịch.
- Ủng hộ tích cực các xí nghiệp và hợp tác xã địa phương cung cấp dịch vụ, hàng hóa và hàng thủ công.
- Ủng hộ các cửa hiệu, quán ăn và hướng dẫn viên du lịch do người dân địa phương làm chủ.
- Ngăn ngừa sự chia rẽ và di dân địa phương.

2.3.7. Lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng có liên quan

Việc tư vấn giữa công nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan khác nhau là rất cần thiết nếu như những tổ chức này cùng nhau làm việc và cùng giải tỏa những mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền lợi.

Tham khảo ý kiến giữa chính phủ, ngành du lịch và cư dân địa phương là hết sức cần thiết để đánh giá các dự án phát triển, các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực và tối đa hóa sự đóng góp tích cực của họ. Đồng thời các tổ chức du lịch thông báo cho cư dân địa phương về những thay đổi trong kinh tế do sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành du lịch và những rủi ro có liên quan của ngành đưa lại.

Các biện pháp cụ thể:

- Tham khảo ý kiến và thông báo rộng rãi cho cư dân địa phương về những biến động, thay đổi trong phát triển du lịch.
- Tham khảo và thông báo cho họ về các lợi ích do du lịch đưa lại.
- Giới thiệu các giải pháp ngay từ bước lập sơ đồ quy hoạch để xin ý kiến đóng góp của quần chúng.
- Tổ chức hội thảo để tham khảo ý kiến.
- Thông báo và tham khảo ý kiến đầy đủ với các chính quyền địa phương và các cơ quan chính phủ trước và trong quá trình tiến hành các dự án du lịch.

2.3.8. Đào tạo nhân viên

Việc đào tạo nhân viên trong đó có lồng ghép vấn đề du lịch bền vững vào thực tiễn công việc, cùng với việc tuyển dụng lao động địa phương vào mọi cấp sẽ làm tăng chất lượng sản phẩm du lịch.

Một lực lượng lao động du lịch được đào tạo và có kỹ năng thành thạo không những đem lại lợi ích kinh tế cho ngành mà còn nâng cao chất lượng của sản phẩm du lịch, tính hiệu quả của tất cả các cấp và lòng tin tưởng, tự tin và tự nguyện công tác của nhân viên.

Sự phát triển bền vững nhấn mạnh đến nhu cầu tăng cường giáo dục nhằm mục đích nâng cao sự phồn vinh về kinh tế, xã hội, giáo dục và đào tạo nhận thức về quản lý môi trường là then chốt cho sự phát triển tổng hợp bền vững.

Các biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo nhân viên:

- Đưa những vấn đề giáo dục về môi trường, văn hóa và xã hội vào chương trình đào tạo.
- Nâng cao vị trí của cán bộ địa phương các cấp.
- Đề cao ý thức tự hào trong công việc và sự chăm lo đến cộng đồng địa phương.
- Đào tạo nhân viên hiểu biết bản chất phức tạp của ngành du lịch.
- Khuyến khích việc giáo dục đa văn hóa và các chương trình giao lưu văn hóa.
- Đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý là người dân địa phương.

2.3.9. Tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm

Việc cung cấp cho du khách những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm sẽ nâng cao sự tôn trọng của du khách đối với môi trường tự nhiên, văn hóa và xã hội của nơi tham quan, đồng thời làm tăng thêm sự thỏa mãn của du khách.

Các biện pháp để nâng cao hiệu quả của công tác tiếp thị du lịch:

- Giáo dục du khách trước khi đến điểm du lịch và hướng dẫn cho họ những điều cần làm và những điều không nên làm về phương diện môi trường.
- Sử dụng chiến lược tiếp thị tôn trọng các dân tộc, cộng đồng và môi trường các địa phương.
- Làm cho du khách nhận thức được trách nhiệm của họ đối với địa phương du lịch.
- Tiếp thị du lịch phải trung thực, tương ứng với sản phẩm và chất lượng tour du lịch đã chào bán.
- Cung cấp thông tin cho du khách về việc tôn trọng các di sản văn hóa và thiên nhiên của các địa phương.
- Khuyến bảo những cách xử sự đúng đắn như ăn mặc, tập quán tôn giáo, thức ăn đồ uống, đi lại, lịch sử và chính trị.

2.3.10. Tiến hành nghiên cứu

Tiếp tục giám sát và nghiên cứu sự phát triển du lịch thông qua việc sử dụng và phân tích có hiệu quả các số liệu là cần thiết để giúp việc giải quyết những tồn tại và mang đến lợi ích cho các điểm tham quan, cho ngành du lịch và cho du khách.

Các biện pháp cụ thể:

- Khuyến khích và hỗ trợ việc nghiên cứu đánh giá trước khi thực hiện dự án và các biện pháp giám sát đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường.
- Tiến hành và hỗ trợ nghiên cứu các biện pháp dự báo ảnh hưởng của du lịch cũng như các kỹ thuật giải quyết vấn đề.
- Đảm bảo các kết quả nghiên cứu và bất cứ thông tin có liên quan sẽ được chuyển tới các cơ quan và các cá nhân có trách nhiệm trong việc ra các quyết định về phát triển du lịch.
- Phổ biến các kết quả nghiên cứu và điều tra đến các cơ quan trung ương, địa phương, đội ngũ nhân viên du lịch và công chúng.

2.4. PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH BỀN VỮNG

Để thực hiện những nguyên tắc phát triển du lịch bền vững, những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng đã và đang được các nước ưu tiên phát triển và coi như một công cụ bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

2.4.1. Du lịch sinh thái

2.4.1.1. Khái niệm

Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy hai thành tố trong cụm từ Du lịch sinh thái, đó là: Du lịch và Sinh thái. Do vậy, nếu hiểu nôm na thì có thể coi du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào hệ sinh thái, hay du lịch khai thác hệ sinh thái. Mà hệ sinh thái thì bao gồm hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân văn. Rõ ràng nếu theo cách hiểu trên thì du lịch sinh thái là một phạm trù quá rộng, gần như đồng nghĩa với du lịch nói chung. Bởi vì du lịch nói chung phát triển dựa trên những nguồn tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn. Du lịch sinh thái trên thực tế không thể đồng nghĩa với du lịch nói chung. Quan điểm hiện nay là chỉ giới hạn du lịch sinh thái chủ yếu trong phạm trù là du lịch dựa vào tự nhiên là chính. Sản phẩm tour du lịch sinh thái chủ yếu là nơi có hệ sinh thái tự nhiên là hấp dẫn chính.

Cụm từ “du lịch sinh thái” với hàm nghĩa là du lịch tự nhiên lần đầu tiên được sử dụng vào những năm đầu của thế kỷ XIX để chỉ những loại hình du lịch gắn liền với thiên nhiên như tắm biển, nghỉ núi,... Do vậy, lúc đầu nhiều người đã gọi du lịch sinh thái cũng là du lịch tự nhiên. Tuy nhiên, tự nhiên cũng là một khái niệm khá rộng. Rõ ràng du lịch sinh thái phải có gì đó khác với tự nhiên nói chung như khi ta phân biệt một bãi tắm với một khu bảo tồn biển, hay một khu nghỉ dưỡng núi với một vườn quốc gia hoặc với một khu đa dạng sinh học. Do vậy, ngày nay hầu như đa số các nhà nghiên cứu đều giới hạn ý nghĩa của cụm từ du lịch sinh thái chỉ dành cho loại hình du lịch tới những điểm có hệ sinh thái tự nhiên đặc sắc, có đa dạng sinh học cao hấp dẫn du khách, và như vậy mặc dù vẫn là dựa

vào thiên nhiên song du lịch sinh thái không hoàn toàn đồng nhất với du lịch tự nhiên. Sự khác biệt ở đây do bản thân hoạt động tại điểm đến quy định. Khác với các hoạt động du lịch thông thường, những hoạt động du lịch diễn ra trên phạm vi điểm du lịch sinh thái có những đặc thù riêng, đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ càng cả từ phía người quản lý, điều hành lẫn du khách và cả cộng đồng. Để hình thành một điểm du lịch sinh thái đúng nghĩa của nó, trước hết cần chuẩn bị kiến thức về môi trường sinh thái của điểm đến bao gồm cả sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn; những kiến thức này sẽ được truyền đạt cho du khách vì đây là nội dung chính của sản phẩm du lịch sinh thái. Mặt khác, trong quá trình chuẩn bị cần thiết phải làm tốt công tác tuyên truyền tới cộng đồng, thu hút chính cộng đồng tham gia vào các hoạt động từ khâu chuẩn bị đến quản lý vận hành. Kết quả đạt được là việc hình thành nhận thức cho cộng đồng và du khách, tạo điều kiện để họ cùng tham gia vào quá trình hoạt động du lịch và hưởng lợi từ chính những hoạt động đó.

Chính vì lẽ đó mà du lịch sinh thái còn được gọi là du lịch trách nhiệm với ý nghĩa du lịch sinh thái góp phần giáo dục môi trường sinh thái đối với du khách và cộng đồng, mang lại lợi ích cho chính cộng đồng nơi du lịch. Hoặc du lịch sinh thái còn được gọi là du lịch nhạy cảm với ý nghĩa những điểm du lịch này có hệ sinh thái rất dễ bị biến đổi trước những tác động bên ngoài. Với nội dung như trên, có thể hiểu tại sao du lịch sinh thái còn được gọi là loại hình du lịch bền vững hoặc là thành tố của phát triển du lịch bền vững, vì nó góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên bền vững.

Ronnakorn Triraganon, nhà nghiên cứu Thái Lan còn dùng một khái niệm khác để chỉ du lịch sinh thái: du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (Community based Ecotourism), xuất phát từ một thực tế là hiến pháp mới của Thái Lan đã thừa nhận vai trò của người dân trong việc bảo tồn các nguồn lực tự nhiên và trực tiếp khuyến khích người dân tìm cách tự quản lý nguồn lực tự nhiên của mình vì chính lợi ích của bản thân họ. Sự tham gia của cộng đồng dân cư vào việc quản lý nguồn lực tự nhiên đã góp phần tích cực vào việc quản lý bền vững. Thực chất quan điểm trên cũng không mâu thuẫn với các quan điểm về du lịch sinh thái hiện nay.

Năm 1994, nhà nghiên cứu Buckley đã viết: “Chỉ có du lịch dựa vào thiên nhiên, được quản lý bền vững, hỗ trợ bảo tồn và có giáo dục môi trường mới được xem là du lịch sinh thái”.

Cũng có quan điểm cho rằng, du lịch sinh thái không phải là một loại hình du lịch mà là một quan điểm phát triển du lịch. Theo tác giả thì không có loại hình du lịch sinh thái mà chỉ có thuật ngữ du lịch sinh thái được dùng khi nói đến quan điểm phát triển du lịch. Tuy nhiên, du lịch sinh thái có nguồn tài nguyên xác định, có những yêu cầu cụ thể riêng trong quy hoạch phát triển, có sản phẩm riêng. Do vậy, du lịch sinh thái không chỉ đơn thuần là quan điểm về du lịch.

Như vậy có thể thấy có nhiều cách hiểu khác nhau hay đúng hơn là có nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với du lịch sinh thái. Thậm chí, bà Annalisa Koeman – nguyên cố vấn của tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới IUCN, còn cho rằng thuật ngữ du lịch sinh thái càng được trao đổi thì càng trở nên mơ hồ. Song cũng có thể coi định nghĩa được đề xuất tại Hội thảo về du lịch sinh thái năm 1998 tại Hà Nội đã phản ánh được tương đối đầy đủ các đặc điểm chính của du lịch sinh thái: “*Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương*”.

Trong khái niệm trên, du lịch sinh thái chỉ được chấp nhận khi hàm chứa những yếu tố sau đây:

- Bảo tồn được môi trường tự nhiên.
- Giáo dục du khách về những đặc điểm của môi trường tự nhiên.
- Thu hút được sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quản lý bảo vệ và phát triển du lịch sinh thái mang lại lợi ích cho chính cộng đồng địa phương.

2.4.1.2. Đặc điểm của du lịch sinh thái

Du lịch sinh thái là một dạng của hoạt động du lịch, vì vậy nó cũng bao gồm tất cả những đặc điểm cơ bản của hoạt động du lịch nói chung. Bên cạnh đó, du lịch sinh thái cũng hàm chứa những đặc điểm riêng sau đây:

- Du lịch sinh thái có tính giáo dục cao về môi trường.

Du lịch sinh thái cung cấp cho con người những kiến thức đa dạng về các vùng tự nhiên và các khu bảo tồn, nơi có giá trị cao về đa dạng sinh học và rất nhạy cảm về mặt môi trường. Hoạt động du lịch mang lại những nhận thức mới của con người đối với môi trường và du lịch sinh thái được coi là chìa khóa nhằm cân bằng giữa mục tiêu phát triển du lịch với việc bảo vệ môi trường.

Như chúng ta đã biết, du lịch sinh thái được coi là cầu nối giữa con người với thiên nhiên. Để có thể hấp dẫn, thu hút được càng nhiều du khách tới tham quan thì càng cần nâng cao nhận thức cho du khách và cộng đồng về ý nghĩa bảo vệ môi trường thông qua những kiến thức được truyền đạt cho du khách và cả bản thân cộng đồng dân cư bản địa, giúp việc kiểm soát chất lượng không khí, đất, nước, tiếng ồn, rác thải,... giám sát quy hoạch cảnh quan, xây dựng, duy tu các công trình kiến trúc, thực hiện phủ xanh đất trống đồi núi trọc, thực hiện tốt khẩu hiệu “*xanh – sạch – đẹp*” tại các khu du lịch sinh thái.

- Du lịch sinh thái có thị trường khách lựa chọn.

Khác với các loại hình du lịch khác có đối tượng khách đa dạng, thị trường khách của du lịch sinh thái là những du khách có ham muốn hiểu biết và có mục đích rõ ràng cho chuyến đi nhằm tìm hiểu thiên nhiên, văn hóa bản địa. Đa phần khách du lịch sinh thái là những người có trình độ nhận thức tốt về môi trường sinh

thái. Như vậy, một trong những công việc quan trọng trong phát triển du lịch sinh thái chính là làm tốt công tác marketing, nghiên cứu thị trường.

- Du lịch sinh thái có những yêu cầu riêng trong quản lý, phát triển và điều hành.

Ngoài việc đảm bảo những yêu cầu chung trong phát triển du lịch, du lịch sinh thái còn cần có những yêu cầu riêng trong quy hoạch phát triển và trong quản lý vận hành.

Ví dụ, trong quy hoạch cần nhất thiết có sự tham gia của cộng đồng địa phương. Cộng đồng địa phương chính là những người chủ sở hữu các nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa tại địa phương mình. Sự tham gia của cộng đồng địa phương có tác dụng to lớn trong việc bảo vệ các nguồn tài nguyên và môi trường bằng việc nâng cao hơn nữa nhận thức cho cộng đồng, tăng các nguồn thu nhập cho cộng đồng.

2.4.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động du lịch sinh thái

Để phát triển loại hình du lịch sinh thái theo đúng hướng, tức là khai thác các tài nguyên cho phát triển du lịch sinh thái nhưng vẫn phải giữ được hệ sinh thái bền vững, đòi hỏi những nhà quản lý du lịch phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

- Có hoạt động giáo dục và diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường, qua đó tạo ý thức tham gia vào các nỗ lực bảo tồn.

Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động du lịch sinh thái tạo sự khác biệt rõ ràng giữa du lịch sinh thái với các loại hình du lịch dựa với tự nhiên khác. Du khách khi rời khỏi nơi mình đến tham quan sẽ phải có được sự hiểu biết cao hơn về các giá trị của môi trường tự nhiên, về những đặc điểm sinh thái khu vực và văn hóa bản địa. Từ những hiểu biết đó, du khách có những thái độ và hành động tích cực hơn trong việc bảo tồn và phát triển những giá trị về tự nhiên, sinh thái và nhân văn.

- Tránh đến mức tối đa sự can thiệp nhân tạo vào môi trường sinh thái tự nhiên.

Đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng một điểm du lịch sinh thái. Nguyên tắc này cần được quán triệt trong quá trình quy hoạch phát triển điểm du lịch.

- Phải nghiên cứu xây dựng quy hoạch.

Đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng. Cần phải quy hoạch phù hợp với chức năng bảo tồn quốc gia, phát triển khu vực, phát triển du lịch sinh thái và kinh tế nói chung. Đảm bảo hoạt động du lịch đi đúng hướng, bài bản có kiến thức chuyên môn về du lịch sinh thái. Mặt khác, quy hoạch tạo nên tính pháp lý là yếu tố quan trọng đảm bảo cho công tác bảo tồn và phát triển của khu du lịch.

Điều đặc biệt quan tâm là vai trò của cộng đồng địa phương trong quá trình nghiên cứu quy hoạch và tổ chức quản lý thực hiện quy hoạch. Cộng đồng địa phương cần được tham gia vào quá trình này bởi họ là chủ nhân của hệ sinh thái và có vai trò quan trọng đối với việc bảo tồn.

- Nghiên cứu xác định sức chứa

Tính bảo tồn của du lịch sinh thái liên quan chặt chẽ tới sức chứa của nó. Du lịch sinh thái cần được tổ chức với sự tuân thủ chặt chẽ các quy định về sức chứa, vì nếu những hoạt động du lịch diễn ra vượt quá ngưỡng cần thiết để bảo tồn chính hệ sinh thái thì sẽ dẫn đến sự thay đổi ảnh hưởng đến môi trường, làm mất cân bằng sinh thái, suy giảm đa dạng sinh học. Từ đó làm giảm chính sự hấp dẫn của điểm du lịch.

- Phải quan tâm đến phát triển cộng đồng

Đây vừa là nguyên tắc vừa là mục tiêu hướng tới của du lịch sinh thái. Nguyên tắc này phải được tuân thủ và thực hiện nghiêm túc từ khâu quy hoạch cho đến quản lý vận hành sau quy hoạch. Du lịch sinh thái phải hướng tới việc huy động tối đa sự tham gia của người dân địa phương, như tham khảo ý kiến của cộng đồng khi thiết kế quy hoạch, tạo điều kiện để cộng đồng góp phần tham gia đảm nhiệm vai trò hướng dẫn viên, đáp ứng chỗ nghỉ cho khách, cung ứng các nhu cầu về thực phẩm, hàng lưu niệm cho khách,... Thông qua đó sẽ tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương. Kết quả là cuộc sống của người dân địa phương sẽ ít bị phụ thuộc hơn vào việc khai thác tự nhiên, đồng thời họ sẽ nhận thấy lợi ích của việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển du lịch sinh thái.

2.4.1.4. Các yếu tố cần thiết để phát triển du lịch sinh thái

- Tài nguyên du lịch

Muốn phát triển được du lịch nói chung phải có tài nguyên du lịch. Du lịch sinh thái là loại hình du lịch phát triển dựa vào thiên nhiên với những vùng sinh thái đặc thù và văn hóa bản địa. Do vậy tài nguyên du lịch sinh thái là một bộ phận quan trọng của tài nguyên du lịch bao gồm các giá trị tự nhiên thể hiện trong một hệ sinh thái cụ thể và các giá trị văn hóa bản địa tồn tại và phát triển không tách rời hệ sinh thái tự nhiên đó.

Tuy nhiên, không phải mọi giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa đều được coi là tài nguyên du lịch sinh thái mà chỉ có các thành phần và các thể tổng hợp tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa gắn liền với một hệ sinh thái cụ thể được khai thác, sử dụng để tạo ra các sản phẩm du lịch sinh thái, phục vụ cho mục đích phát triển du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng mới được xem là tài nguyên du lịch sinh thái.

Tài nguyên du lịch sinh thái rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, một số loại tài nguyên du lịch sinh thái chủ yếu thường được nghiên cứu khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch bao gồm:

- + Các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù, đặc biệt là nơi có tính đa dạng sinh học cao với nhiều loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm (các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, các vườn chim,...)

- + Các hệ sinh thái nông nghiệp như vườn cây ăn trái, trang trại, làng hoa cây cảnh,...

- + Các giá trị văn hóa bản địa hình thành và phát triển gắn liền với sự tồn tại của hệ sinh thái tự nhiên như phương thức canh tác, các giá trị lịch sử, văn hóa, các lễ hội, sinh hoạt truyền thống gắn liền với các truyền thuyết của cộng đồng.

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm các yếu tố: mạng và phương tiện giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp điện và cấp thoát nước, cơ sở lưu trú, cơ sở phục vụ ăn uống, khu vui chơi giải trí, cơ sở y tế, hội trường, phòng họp. Tất cả những yếu tố trên cần thiết đối với phát triển du lịch nói chung, tuy nhiên đối với du lịch sinh thái thì yêu cầu càng cao hơn vì đa số các điểm du lịch sinh thái đều phân bố ở những vùng sâu, vùng xa, do vậy càng cần có những điều kiện tốt về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo những điều kiện cần thiết phục vụ du khách. Tuy nhiên, phát triển hạ tầng trong các khu vực sinh thái cũng là vấn đề nhạy cảm. Cần luôn nhớ rằng du lịch sinh thái có yêu cầu nghiêm ngặt trong việc hạn chế tối đa sự can thiệp nhân tạo vào môi trường tự nhiên. Ngay cả những cơ sở vật chất cũng chỉ cần đáp ứng một cách thuận tiện vừa đủ. Philip Dearden – giảng viên Đại học Victoria, Canada đã viết: “Những người khách không yêu cầu đất đỏ, hay cơ sở hạ tầng tỷ mỹ, công phu; những người nông dân là một phần trong tổng thể những quyến rũ lạ thường cho sự trải nghiệm một lần trong đời của họ, hoặc những cái lều vô cùng đơn sơ mà du khách sẵn sàng trả 500 USD để có được đặc quyền một ngày”.

Từ những phân trên có thể thấy phần nào vai trò của du lịch sinh thái đối với phát triển du lịch bền vững. Du lịch sinh thái đã đáp ứng được những yêu cầu của phát triển du lịch bền vững thể hiện trong các mục tiêu bền vững về môi trường, bền vững về văn hóa, bền vững về kinh tế góp phần phát triển cộng đồng, qua đó cũng đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2.4.2. Du lịch văn hóa

2.4.2.1. Khái niệm

Cũng như cách hiểu nôm na về du lịch sinh thái, du lịch văn hóa có thể được coi là loại hình du lịch dựa vào văn hóa hoặc du lịch dựa trên cơ sở khai thác các giá trị di sản văn hóa. Mặc dù vậy cũng không ít người hiểu chưa chính xác về vấn

đề này. Có người còn đồng nhất du lịch văn hóa và văn hóa du lịch. Thực ra đây là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Khi nói đến du lịch văn hóa là ta nói đến việc khai thác các giá trị văn hóa vào phát triển du lịch như một nguồn tài nguyên du lịch. Điều đó khác căn bản với việc tiến hành các hoạt động du lịch một cách văn hóa, hay ta còn nói là văn hóa du lịch. Điều này cũng không khác khi ta nói về văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp hay văn hóa công sở,... Như vậy, một bên là nội dung và bên kia là tính chất. Văn hóa du lịch không chỉ cần thiết khi tiến hành du lịch nói chung mà cả khi tiến hành các hoạt động du lịch văn hóa. Thậm chí trong hoạt động du lịch văn hóa càng cần coi trọng tính văn hóa. Bởi nếu du lịch văn hóa mà được tiến hành một cách thiếu văn hóa thì những ảnh hưởng tiêu cực đến du khách sẽ nặng nề hơn nhiều so với yêu cầu này trong các hoạt động du lịch khác. Điều đó cũng có nghĩa là tuy phân biệt song hai phạm trù này luôn gắn kết với nhau. Nếu như du lịch văn hóa là nội dung thì hình thức thể hiện của nó cũng cần phải văn hóa. Như vậy, thực chất du lịch văn hóa và văn hóa du lịch là một cặp phạm trù không thể tách rời.

Thực ra mọi khái niệm chỉ là tương đối, bởi vì không chỉ có du lịch văn hóa mới sử dụng nguồn tài nguyên du lịch văn hóa. Du lịch văn hóa là khái niệm để chỉ xu hướng chung của du lịch ngày nay là hướng vào các hoạt động tìm hiểu các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc chứ không chỉ đơn thuần là đi du ngoạn thưởng thức cảnh đẹp, nghỉ ngơi thư giãn như ngày trước nữa.

Xu hướng đi du lịch vì mục tiêu văn hóa càng ngày càng chiếm vị thế chủ đạo. Cũng có thể hiểu du lịch văn hóa như một xu hướng của một giai đoạn phát triển mới về chất của du lịch. Tuy vậy sự chuyển biến mạnh mẽ của xu hướng đã xác lập một khái niệm mới như một loại hình du lịch: *“Du lịch văn hóa là loại hình du lịch dựa trên cơ sở khai thác các giá trị di sản văn hóa dân tộc và được tổ chức một cách văn hóa”*.

2.4.2.2. Đặc điểm của du lịch văn hóa

- Du lịch văn hóa mang tính giáo dục nhận thức nhiều hơn.

Sản phẩm của du lịch văn hóa ngoài phần dịch vụ ra, còn một phần là những di sản văn hóa vật thể cũng như phi vật thể. Những di sản này hàm chứa nhiều thông tin về văn hóa, lịch sử của dân tộc cũng như những kiến thức về thẩm mỹ, nghệ thuật. Rõ ràng du lịch văn hóa giúp du khách hiểu biết hơn về lịch sử, văn hóa của điểm đến du lịch.

- Du lịch văn hóa có thị trường khách lựa chọn.

Cũng như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa cũng rất kén chọn đối tượng khách. Khách lựa chọn đi du lịch văn hóa thường cũng đã xác định mục đích chuyến đi du lịch của mình nhằm tìm hiểu về văn hóa của nơi mình đến. Thông thường những đối tượng khách này cũng có những kiến thức xã hội nhất định. Thị

trường khách du lịch văn hóa cũng phụ thuộc vào đặc thù của các thị trường khác nhau.

- Du lịch văn hóa giúp bảo tồn và phát huy giá trị nền văn hóa truyền thống.

Để phát triển loại hình du lịch văn hóa, điều quan trọng là phải bảo tồn được những giá trị di sản văn hóa mang đậm bản sắc riêng của mỗi dân tộc, chỉ có như thế mới thu hút được khách du lịch. Ở Việt Nam, từ khi du lịch phát triển, nhiều di sản văn hóa của dân tộc, di sản vật thể cũng như phi vật thể, đã được cộng đồng hết sức quan tâm chăm sóc. Hàng loạt di tích đã được nghiên cứu nhìn nhận, được bảo vệ, tôn tạo, thậm chí phục dựng, xây mới. Các giá trị di sản văn hóa phi vật thể cũng được chú ý nghiên cứu bảo vệ đưa vào khai thác giới thiệu với đông đảo nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế. Một số di sản đặc sắc của nước ta đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Như vậy phát triển du lịch văn hóa có tác động tương hỗ với bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống.

- Du lịch văn hóa là nhịp cầu trao đổi văn hóa giữa các dân tộc.

Bản chất của văn hóa là biến đổi và mang tính thời đại. Trong khi du lịch là nhịp cầu hữu nghị giữa các dân tộc. Những tri thức văn hóa thu nhận được từ các sản phẩm du lịch văn hóa sẽ góp phần làm lan tỏa những giá trị văn hóa của các quốc gia, thâm thấu vào các nền văn hóa khác. Thực tế cho thấy du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa chính là phương tiện truyền bá, trao đổi văn hóa giữa các nền văn hóa khác nhau.

2.4.2.3. Những nguyên tắc trong phát triển du lịch văn hóa

- Phát triển du lịch văn hóa phải đi đôi với bảo tồn và phát huy được giá trị nền văn hóa truyền thống.

Đây vừa là nguyên tắc vừa là yêu cầu đối với phát triển du lịch văn hóa. Một mặt phát triển du lịch văn hóa phải không để ảnh hưởng tiêu cực đến văn hóa truyền thống, ngược lại phải tôn vinh được các giá trị văn hóa truyền thống. Kinh nghiệm một số nước đã quá chú trọng đến lợi ích kinh tế mà không quan tâm đầy đủ đến việc bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống, dẫn đến tình trạng nhiều nét văn hóa truyền thống đã và đang bị mai một. Trong khi đó một số nét văn hóa xa lạ lại thâm nhập ảnh hưởng đến những giá trị văn hóa bản địa. Việc phát triển loại hình du lịch sex ở một số nước là một ví dụ về sự thiếu quan tâm đến bảo vệ giá trị văn hóa truyền thống. Còn có một xu hướng khác trong phát triển du lịch văn hóa cần được chấn chỉnh, đó là tình trạng khai thác quá mức các di sản mà không quan tâm đến đầu tư bảo vệ, tôn tạo. Do vậy, cần phải coi đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa là một nguyên tắc trong phát triển sao cho các di sản văn hóa bảo tồn được các giá trị của mình không bị xuống cấp.

- Phát triển du lịch văn hóa phải đảm bảo tính văn hóa trong phát triển, hay nói cách khác, phải phát triển du lịch văn hóa một cách văn hóa.

Đây là nguyên tắc chung trong kinh doanh du lịch và càng cần được quán triệt trong phát triển du lịch văn hóa. Văn hóa trong kinh doanh hiện nay đã trở thành nguyên tắc. Ông Engel Hardt, cố vấn văn hóa của UNESCO đã viết: “Văn hóa không phải là di tích khô cứng của quá khứ. Văn hóa nằm chính trong lòng của sự phát triển... Không có văn hóa kinh doanh vẫn hoạt động nhưng điều đó không dẫn đến sự phát triển bền vững”. Hiện nay, mối quan hệ giữa khách hàng và người cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã thay đổi. Yếu tố văn hóa càng ngày càng được quan tâm. Sự thay đổi này đã định hướng cho những hoạt động đầu tư trong tạo dựng sản phẩm, trong đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là trong đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch – những người trực tiếp phục vụ khách. Tạo dựng tính văn hóa là thể hiện sự tôn trọng khách hàng. Đây cũng là một trong những bí quyết thành công.

- Không lạm dụng và thương mại hóa văn hóa.

Du lịch là kinh doanh, nhưng không thể biến các giá trị di sản văn hóa thành hàng hóa thương mại theo nghĩa thông dụng. Hay nói đúng hơn cần ngăn cản xu hướng vì mục đích thương mại mà bất chấp những đặc thù riêng của các di sản. Có những quan niệm sai lầm cho rằng có thể khai thác các giá trị văn hóa như là hàng hóa để bán cho du khách. Đã có trường hợp cho rằng có thể đóng gói lễ hội để đưa đi phục vụ du khách. Nếu làm như vậy du khách sẽ không còn đến với lễ hội nữa. Giá trị của di sản chỉ hấp dẫn được du khách khi di sản đó nằm trong không gian lịch sử của nó.

2.4.2.4. Các điều kiện để phát triển du lịch văn hóa

- Tài nguyên du lịch.

Bất cứ quốc gia nào, cộng đồng nào cũng có văn hóa của riêng mình, cho nên tài nguyên du lịch văn hóa mang tính phổ biến. Đây là điều kiện để phát triển du lịch văn hóa. Tuy nhiên, mức độ phong phú, hấp dẫn của nguồn tài nguyên văn hóa lại khác nhau, cũng có nơi nguồn tài nguyên văn hóa nghèo nàn, ít phong phú. Điều này phụ thuộc nhiều vào điều kiện lịch sử của mỗi nước. Tùy vào điều kiện tài nguyên mà các nhà hoạch định chính sách có thể xác định ưu tiên phát triển du lịch văn hóa như là loại hình du lịch chủ đạo hay không.

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp.

Có thể coi đây là điều kiện tiên quyết để phát triển du lịch nói chung, cho nên đối với du lịch văn hóa đây cũng là điều kiện cần thiết để phát triển. Mặc dù đa số nguồn tài nguyên du lịch văn hóa phân bố khá tập trung tại các trung tâm chính trị, kinh tế xã hội, nhưng cũng có những nền văn hóa khá độc đáo đại diện cho những tộc người thiểu số, phân bố khá xa xôi. Để có thể khai thác được các di sản văn hóa trên cần phải có điều kiện về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất đáp ứng phù hợp. Việt Nam có 54 dân tộc anh em sinh sống trên suốt dải hình chữ S của lãnh

thổ quốc gia với những nền văn hóa đa dạng, đặc sắc. Tuy nhiên, đa số các dân tộc thiểu số lại sống ở những vùng miền xa xôi, điều kiện tiếp cận khó khăn. Do vậy, phát triển cơ sở hạ tầng sẽ là điều kiện để mở mang du lịch văn hóa tới các khu vực trên, góp phần phát triển kinh tế xã hội cho cộng đồng.

2.4.3. Du lịch homestay

2.4.3.1. Khái niệm

Trong từ điển tiếng Anh (Oxford), “homestay” chỉ người từ nơi khác, từ vùng khác đến ở tại nhà dân nơi mình đến, học tập, tìm hiểu văn hóa, lối sống của vùng đất mới. Thuật ngữ này xuất hiện đầu tiên trong lĩnh vực giáo dục khi việc hợp tác quốc tế về giáo dục trở nên cấp thiết và vấn đề du học trở nên phổ biến. Năm 1980, đã xuất hiện những slogan ấn tượng như:

“Open your home to the world and the world become your home”- (Hãy mở cánh cửa nhà bạn ra thế giới và thế giới sẽ trở thành ngôi nhà của bạn)

Hoặc “Become part of my family” – (Hãy là thành viên của gia đình chúng tôi nhé).

Khái niệm du lịch homestay là một khái niệm mới. Không chỉ tại Việt Nam mà trên thế giới khái niệm này vẫn đang trong quá trình tranh luận để đi đến thống nhất vì nó đã và đang được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau và nghiên cứu với nhiều tên gọi khác nhau như “du lịch nghỉ tại gia” hay “du lịch ở nhà dân”. Trong lĩnh vực du lịch, homestay không chỉ là một phương thức lưu trú mà đã phát triển trở thành một loại hình du lịch. Loại hình du lịch homestay nghĩa là mục đích chính trong chuyến đi của khách du lịch là được ở nhà dân bản địa để thông qua đó tìm hiểu, khám phá những nét văn hóa độc đáo, đặc sắc của địa phương. Nhà dân không chỉ là cơ sở lưu trú mà trở thành một tài nguyên du lịch nhân văn độc đáo và hấp dẫn.

Ở một số nước mà loại hình du lịch homestay tương đối phát triển như Thái Lan, khái niệm du lịch homestay được hiểu “*Là một loại hình du lịch cộng đồng, dành cho các đối tượng khách thích được trải nghiệm cuộc sống cùng với các hộ gia đình tại nhà của họ, nhằm tìm hiểu về cộng đồng và phong cách sống của người dân địa phương cũng như nâng cao hiểu biết về điều kiện tự nhiên và những nét đặc sắc thông qua các hộ gia đình đó*”.

Tại Việt Nam, loại hình du lịch này cũng dần được phát triển và đã có một số khái niệm của một số tác giả được đưa ra trên các tạp chí hay bài viết như:

Theo tác giả Vũ Lê Minh: “*Homestay là hình thức du lịch bền vững, quảng bá văn hóa, con người và cảnh đẹp một cách chân thật, rút ngắn khoảng cách giữa khách du lịch với cư dân bản địa. Du lịch homestay đặc biệt phù hợp với quốc gia đa văn hóa như Việt Nam*”

(Du lịch homestay hút giới trẻ - báo Vietnamnet.vn)

Theo báo Quảng Nam: “*Hiểu một cách bình dân thì Homestay là hình thức du lịch nghỉ ngơi và sinh hoạt với cư dân bản địa ngay chính trong nhà của họ, hiểu rộng hơn, homestay là cách mà nhiều du khách lựa chọn để có cơ hội trải nghiệm cuộc sống, tìm hiểu văn hóa của từng vùng, từng miền một cách cận kề nhất*”.

(Du lịch homestay tại Hội An – hoian.vn)

Theo tác giả Khánh Hải: “*Homestay là loại hình du lịch mà du khách sẽ ở chung và sinh hoạt chung nhà với người dân bản xứ như thành viên trong gia đình, thông qua hoạt động tập thể đó để trải nghiệm các giá trị sống và văn hóa của mảnh đất mà du khách đặt chân đến*”.

(Làm du lịch khó hay dễ - Vietnamtourism.gov.vn)

Các khái niệm trên tuy có sự khác nhau về ngôn từ nhưng tất cả đều thống nhất về nội dung chung, đó là: du lịch homestay là du lịch sống cùng với người dân, ở cùng với người dân và sinh hoạt cùng với người dân, để có thể hiểu thêm về văn hóa bản địa nơi mà du khách đến thăm và loại hình này rất thích hợp cho người thích trải nghiệm cuộc sống, muốn hòa mình vào thiên nhiên và muốn thử thách mình trong một môi trường sống khác nơi ở thường xuyên của mình.

2.4.3.2. Đặc điểm của du lịch homestay

Du lịch homestay đã khá phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới và ở nước ta hình thức này trong những năm gần đây cũng được chú ý hơn, thu hút được sự quan tâm của khách và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch.

Du lịch homestay phát triển dựa trên những giá trị hấp dẫn của thiên nhiên và đặc biệt là văn hóa bản địa. Tạp chí Người đưa tin Unesco (12/1989) đã viết: “*Cuộc phiêu lưu giờ đây không còn chân trời địa lý, không còn những lục địa trình bạch (...). Vậy mà, về nhiều mặt, các dân tộc vẫn còn xa lạ với nhau và những phong tục, những niềm hi vọng ẩn giấu, những xác tin sâu kín của mỗi dân tộc vẫn tiếp tục là những thứ mà các dân tộc khác chẳng mấy biết đến*”. Như vậy, bản sắc văn hóa của mỗi vùng đất luôn là những ẩn số hấp dẫn, trở thành động cơ để khách du lịch đến tìm hiểu, khám phá. Loại hình du lịch homestay ra đời nhằm phục vụ đối tượng khách thích trải nghiệm cuộc sống, thích học hỏi và giao lưu văn hóa, thích trải nghiệm chính bản thân mình tại nơi đất khách quê người.

Loại hình du lịch homestay có những đặc điểm:

- Phương thức tổ chức loại hình du lịch homestay là 3 “cùng”: cùng ăn – cùng ở - cùng sinh hoạt. Đây là đặc điểm nổi bật nhất của loại hình du lịch này.

- Hoạt động du lịch homestay thường diễn ra tại các khu vực tài nguyên hoang dã, các khu vực dân cư có tài nguyên văn hóa đa dạng, phong phú, có những

nét đặc trưng cơ bản về văn hóa tộc người, các khu vực không đủ điều kiện để xây dựng nhà nghỉ, khách sạn.

- Có sự tham gia của cộng đồng địa phương: là một phương thức hoạt động kinh doanh mà cộng đồng địa phương là người cung cấp chính các sản phẩm dịch vụ cho khách du lịch.

- Du lịch homestay chia sẻ lợi ích từ du lịch với cộng đồng địa phương đảm bảo sự phân chia công bằng cho các bên tham gia, đóng góp cho những nỗ lực bảo tồn các giá trị tài nguyên và phát triển cộng đồng.

- Homestay được bắt nguồn từ nhu cầu của du khách muốn tiếp cận gần gũi, được tìm hiểu rõ hơn về văn hóa, lịch sử, đời sống hàng ngày và con người hay ẩm thực tại nơi đến du lịch. Với homestay, qua cách tiếp cận gần gũi nhất với văn hóa địa phương giúp các thành viên có ý thức hơn trong việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa của dân tộc, trải nghiệm sâu sắc hơn về cuộc sống.

- Du lịch homestay không đòi hỏi yêu cầu quá cao đối với chất lượng dịch vụ. Bởi, khách du lịch cần hơn một không gian thật gần thiên nhiên để trải nghiệm cuộc sống, trải nghiệm những cảm xúc tự thân với những lợi thế về thiên nhiên của điểm du lịch.

- Du lịch homestay là loại hình du lịch có mức giá không quá đắt. Thay bằng phải tốn nhiều tiền ở các khách sạn, ăn ở những nhà hàng sang trọng khi đi du lịch, đặc biệt những ngày cháy phòng khách sạn, nhà hàng, du khách được ăn, ở cùng người dân bản địa với mức giá rất rẻ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích các khái niệm phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững?

Câu 2: Trình bày các nguyên tắc của phát triển du lịch bền vững?

Câu 3: Trình bày khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và các điều kiện của phát triển du lịch sinh thái?

Câu 4: Trình bày khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và các điều kiện của phát triển du lịch văn hóa?

Câu 5: Bạn hãy đưa ra các giải pháp cho phát triển du lịch sinh thái và du lịch văn hóa ở Việt Nam?

Câu 6: Bạn hãy giới thiệu một mô hình du lịch homestay tại Việt Nam?

CHƯƠNG 3

QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mục tiêu: Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

- Phân tích vai trò của quản lý nhà nước trong môi trường du lịch.
- Liệt kê các hoạt động quản lý nhà nước trong môi trường du lịch.
- Trình bày các công cụ quản lý nhà nước trong môi trường du lịch.
- Xác định vai trò của bảo vệ môi trường trong kinh doanh khách sạn.
- Liệt kê các nguyên tắc bảo vệ môi trường trong khách sạn.
- Xác định các biện pháp quản lý năng lượng, nước và chất thải trong khách sạn.
- Tầm quan trọng của hoạt động bảo vệ môi trường trong kinh doanh lữ hành.

3.1. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG MÔI TRƯỜNG DU LỊCH

3.1.1. Vai trò của quản lý nhà nước trong môi trường du lịch

Với tư cách là một tổ chức quyền lực đại diện cho xã hội và sử dụng quyền lực đó để quản lý xã hội, đảm bảo cho xã hội đạt được duy trì trong một trật tự và phát triển, Nhà nước có vai trò hết sức to lớn đối với hoạt động bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch nói riêng. Vai trò này có thể thể hiện ở một số nội dung chính sau:

- Nhà nước là chủ thể đứng ra tổ chức, điều phối các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trong một nỗ lực chung nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong hoạt động bảo vệ môi trường.

- Nhà nước thực hiện các hoạt động quản lý môi trường ở tầm vĩ mô, thực hiện đánh giá tình hình môi trường, đề ra các yêu cầu bảo vệ môi trường, xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Nhà nước xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường chung cho từng giai đoạn cụ thể làm cơ sở định hướng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong phạm vi hoạt động của mình.

- Nhà nước đầu tư cho các công trình bảo vệ môi trường có tầm quan trọng đối với quốc gia và vùng, đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học về môi trường, đầu tư khắc phục các hiện tượng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường có khả năng gây ảnh hưởng lớn tới môi trường chung của quốc gia hoặc vùng.

- Nhà nước thực hiện việc tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo vệ môi trường.

- Nhà nước ban hành và thực hiện các chính sách về môi trường nhằm đạt được những mục tiêu về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn cụ thể.

- Nhà nước thực hiện công tác quy hoạch, đảm bảo phân bố không gian phát triển kinh tế - xã hội hợp lý để theo yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Nhà nước thực hiện hợp tác quốc tế về môi trường: hoạt động này cho phép phối hợp nỗ lực chung của các quốc gia theo yêu cầu bảo vệ môi trường và tranh thủ sự hỗ trợ của các nước đối với Việt Nam trong hoạt động bảo vệ môi trường.

- Nhà nước ban hành hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc bảo vệ môi trường, quy định các hình thức, biện pháp xử lý trong trường hợp các tổ chức, cá nhân không tuân thủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Nhà nước cũng thiết lập các cơ quan Nhà nước để tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra và áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với các tổ chức, cá nhân không tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Việc ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật chính là yếu tố thể hiện đặc trưng nhất vai trò của Nhà nước đối với hoạt động bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch nói riêng.

3.1.2. Các hoạt động quản lý nhà nước trong môi trường du lịch

3.1.2.1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu môi trường

Hiện nay, Việt Nam có 4 hệ thống chỉ tiêu về môi trường, bao gồm các chỉ tiêu môi trường trong văn kiện Đại hội Đảng, chỉ tiêu môi trường do Quốc hội đặt ra, các chỉ tiêu thống kê môi trường do chính phủ ban hành và Bộ chỉ thị môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Năm 2005, thủ tướng chính phủ đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, trong đó có nhóm chỉ tiêu về môi trường. Năm 2010, thủ tướng chính phủ đã ra Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới, thay thế cho hệ thống chỉ tiêu đã ban hành năm 2005. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia năm 2010 đã được đổi mới, bổ sung và hoàn thiện theo hướng tăng cường hơn nữa các chỉ tiêu thống kê phản ánh chất lượng, hiệu quả của sự phát triển, sức cạnh tranh của nền kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và các chỉ tiêu bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Hệ thống chỉ tiêu này gồm 250 chỉ tiêu, chia thành 21 nhóm nội dung, trong đó, nhóm nội dung về “Bảo vệ môi trường” có 24 chỉ tiêu.

Trong số 24 chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, có 13 chỉ tiêu được giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện; 7 chỉ tiêu được giao cho Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; 3 chỉ tiêu do Bộ xây dựng chủ trì thực hiện, 1 chỉ tiêu do Tổng cục thống kê thực hiện. Ngoài ra, còn có các Bộ, ngành khác tham gia phối hợp như Bộ công thương, Bộ y tế, Bộ Tài chính,...

Đến năm 2011, trên cơ sở Hệ thống chỉ tiêu thống kê đã ban hành, Bộ kế hoạch và đầu tư đã ban hành Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT quy định nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia. Kèm theo đó, Thông tư cũng ban hành danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, trong đó có nhóm

chỉ tiêu thông kê môi trường. Các chỉ tiêu này được giao cho các Sở, ban ngành tại các địa phương chủ trì thực hiện.

3.1.2.2. Các chính sách, chiến lược

Hiện nay, Nhà nước ban hành nhiều chính sách môi trường chung trong đó có môi trường du lịch:

- Chính sách ngăn ngừa ô nhiễm trong các ngành.
- Chính sách bảo tồn đa dạng sinh học.
- Chính sách xóa đói giảm nghèo.
- Chính sách cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.
- Chính sách quản lý chất thải rắn.

3.1.2.3. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là một công tác quan trọng nhằm ngăn ngừa các sự cố về môi trường, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm làm giảm tối thiểu tác động đến môi trường trước khi triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động du lịch cần phải đánh giá tác động trên các lĩnh vực: các dự án đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật như khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí và các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển du lịch tại các điểm, khu du lịch nhạy cảm.

Thông qua việc thẩm định và báo cáo đánh giá tác động môi trường do hoạt động du lịch hoặc tác động môi trường du lịch do các ngành khác gây nên cho thấy các phương án xử lý chất thải, khí thải của các hoạt động du lịch và các ngành khác, đồng thời thấy được khả năng tài chính nhằm đáp ứng các sự cố về môi trường của các dự án.

3.1.2.4. Công tác giám sát và kiểm soát ô nhiễm môi trường du lịch và môi trường tại các khu, điểm du lịch

Vấn đề ô nhiễm tại khu du lịch và ô nhiễm do hoạt động du lịch như hoạt động của các dịch vụ khách sạn, nhà hàng, các điểm vui chơi giải trí thải ra môi trường nước thải, chất thải và khí thải, do các hoạt động của khách du lịch và phương tiện vận chuyển khách du lịch như ô tô, tàu thuyền,...

Công tác giám sát và kiểm soát từ vấn đề công cụ thực hiện sản xuất kinh doanh có được trang bị các công nghệ làm sạch nước thải và chất thải không, từ công tác thu gom và công tác xử lý đảm bảo khoa học kỹ thuật.

Công tác giám sát môi trường du lịch tự nhiên như: nước mặt, nước ngầm, nước sinh hoạt, hệ sinh thái.

Công tác kiểm soát ô nhiễm do các chất thải lỏng, chất thải rắn, và khí thải độc hại ra môi trường du lịch và từ hoạt động du lịch đến môi trường tại các khu, điểm du lịch.

3.1.2.5. Công tác thanh tra về môi trường du lịch

Công tác thanh tra đảm bảo duy trì được môi trường du lịch. Thanh tra môi trường là biện pháp cưỡng chế tuân thủ pháp luật, các quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường trong du lịch đối với mọi tổ chức cơ quan tập thể và các cá nhân trong xã hội, đồng thời là biện pháp bảo đảm quyền tự do, dân chủ của mọi người khiếu nại, khiếu tố về mặt môi trường du lịch và môi trường tại khu du lịch.

3.1.3. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG NGÀNH DU LỊCH

3.1.3.1. Công cụ kinh tế

Du lịch nước ta đang trong giai đoạn phát triển nên vấn đề quản lý môi trường du lịch đang còn mới. Vì vậy sử dụng các phương pháp quản lý môi trường du lịch bằng các công cụ kinh tế đang ở giai đoạn khởi đầu nghiên cứu ứng dụng, chưa có kinh nghiệm thực tế.

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã vận dụng các công cụ kinh tế khác nhau (các loại phí, giấy thải có thể bán được, hệ thống ký quỹ và hoàn trả, khuyến khích thực thi, các chính sách thuế môi trường chung, quy định đền bù thiệt hại do ô nhiễm,...) nhằm đem lại sự mềm dẻo, hiệu quả, chi phí cho các giải pháp kiểm soát môi trường.

Sử dụng các công cụ kinh tế có những ưu điểm sau:

- Khuyến khích sự phát triển công nghệ và tri thức chuyên nghiệp về kiểm soát ô nhiễm.
- Cung cấp lại một nguồn kinh phí cho các khu du lịch đã bị ô nhiễm để phục hồi môi trường.
- Cung cấp linh động trong các công nghệ kiểm soát ô nhiễm.
- Giảm bớt các yêu cầu của cơ quan quản lý về lượng thông tin.

Các công cụ kinh tế áp dụng cho môi trường du lịch:

A. Phí môi trường

Phí môi trường là khoản thu của nhà nước nhằm bù đắp một phần chi phí thường xuyên và không thường xuyên để xây dựng, bảo dưỡng môi trường và tổ chức quản lý hành chính của nhà nước đối với hoạt động của người nộp thuế. Mục đích của phí môi trường nhằm ngăn ngừa xả thải ra môi trường các chất ô nhiễm có thể xử lý được. Vì vậy, phí môi trường cần góp phần làm thay đổi hành vi của người gây ô nhiễm và tăng nguồn thu nhập để chi trả cho những hoạt động cải thiện môi trường.

Phí môi trường được tính dựa vào lượng chất ô nhiễm thải ra môi trường, mức tiêu thụ nguyên nhiên liệu gây ô nhiễm, tổng doanh thu hoặc tổng sản lượng hàng hóa, lợi nhuận của doanh nghiệp.

B. Thuế môi trường

Thuế môi trường là khoản thu của ngân sách nhà nước nhằm điều tiết các hoạt động có ảnh hưởng tới môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường. Đánh thuế môi trường là hình thức hạn chế một sản phẩm hay hoạt động không có lợi cho môi trường. Theo Luật thuế bảo vệ môi trường, đối tượng chịu thuế gồm 8 nhóm: Xăng, dầu, mỡ, nhờn; Than đá; Dung dịch HCFC; túi nilon; thuốc diệt cỏ (loại hạn chế sử dụng); thuốc trừ mối (hạn chế sử dụng); thuốc bảo quản lâm sản (hạn chế sử dụng); thuốc khử trùng kho (hạn chế sử dụng). Ngày 8/8/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP quy định về đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường.

Mục tiêu của thuế môi trường là tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước lấy từ người gây ô nhiễm và gây thiệt hại cho môi trường để bù đắp cho các chi phí xã hội như gây quỹ tài trợ cho các hoạt động để xử lý hoặc đền bù ô nhiễm. Thúc đẩy thay đổi mặt hàng, cách sản xuất, khuyến khích các hoạt động tích cực về môi trường.

Thuế môi trường được tính dựa trên các nguyên tắc hướng vào mục tiêu phát triển bền vững và chính sách kinh tế của Nhà nước, dựa vào kế hoạch môi trường cụ thể của quốc gia. Bên cạnh đó còn cần đảm bảo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền. Mức thuế và biểu thuế phải căn cứ vào các tiêu chuẩn môi trường của quốc gia và các thông lệ quốc tế.

Thuế môi trường có thể chia thành 2 loại: Thuế trực thu nhằm đánh vào lượng chất thải độc hại với môi trường do cơ sở sản xuất gây ra. Thuế gián thu nhằm đánh vào giá trị hàng hóa gây ô nhiễm môi trường.

Thuế Bảo vệ môi trường ở Việt Nam là thuế gián thu mà người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường, còn người chịu thuế là người tiêu dùng. Thuế Bảo vệ môi trường chỉ phải nộp một lần đối với hàng hóa sản xuất hoặc nhập khẩu.

C. Quỹ môi trường

Quỹ môi trường là một thể chế hoặc một cơ chế được thiết kế để nhận tài trợ vốn từ các nguồn khác nhau, và từ đó phân phối các nguồn này để hỗ trợ quá trình thực hiện các dự án hoặc các hoạt động cải thiện chất lượng môi trường.

Nguồn thu cho quỹ môi trường có thể được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như:

- Phí và lệ phí môi trường

- Đóng góp tự nguyện của các cá nhân và doanh nghiệp
- Tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật của các tổ chức trong nước, chính quyền địa phương và chính phủ trung ương
- Đóng góp của các tổ chức, các nhà tài trợ quốc tế
- Tiền lãi và các khoản lợi khác thu được từ hoạt động của quỹ
- Tiền xử phạt hành chính do vi phạm quy định về bảo vệ môi trường
- Tiền thu được từ các hoạt động như văn hóa, thể thao, từ thiện, xổ số,...

3.1.3.2. Công cụ thể chế, chính sách

Vấn đề kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch trong đó có bộ phận chuyên trách về quản lý môi trường gắn mô hình đổi mới tổ chức quản lý với yêu cầu bảo vệ môi trường.

Các cơ chế chính sách như:

- Cơ chế chính sách thuế: ưu tiên miễn giảm hoặc không thu thuế trong thời gian nhất định với các hình thức đầu tư thuận tụy cho việc bảo vệ môi trường du lịch hoặc đầu tư trong lĩnh vực khác của ngành với công nghệ đồng bộ về bảo vệ môi trường.

- Cơ chế chính sách đầu tư: ưu tiên các dự án đầu tư du lịch có các giải pháp cụ thể trong vấn đề giảm thiểu và giải quyết ô nhiễm để giữ môi trường trong sạch, mang lại các hiệu quả trực tiếp cho cộng đồng và lâu dài cho toàn xã hội.

- Chính sách về khoa học kỹ thuật: đảm bảo đầu tư thích đáng cho công tác nghiên cứu khoa học công nghệ du lịch đạt hiệu quả và thu hút trí tuệ cho các nhà khoa học, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

A. Chính sách bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên

Chính sách bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên bao gồm các chính sách cụ thể về bảo tồn và sử dụng hợp lý các dạng tài nguyên:

- Tài nguyên đất
- Tài nguyên rừng
- Tài nguyên nước
- Tài nguyên ven bờ
- Đa dạng sinh học và di sản thiên nhiên.

B. Các dạng chính sách hỗ trợ

Các dạng chính sách hỗ trợ là những chính sách mang tính hỗ trợ nhưng không kém phần quan trọng đối với công tác quản lý môi trường. Việt Nam hiện đang thực thi các chính sách sau:

- Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư bảo vệ môi trường.
- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường.
- Phát huy vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp, tư nhân vào công tác bảo vệ môi trường.
- Giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.
- Nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ môi trường.
- Phối hợp liên ngành, vùng, lãnh thổ trong công tác bảo vệ môi trường.
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và tham gia giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu.

3.1.3.3. Tham gia của cộng đồng

Cộng đồng chính là những người thực hiện công tác bảo vệ môi trường tốt nhất. Khi người dân có ý thức bảo vệ môi trường và sự tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường thì chắc chắn môi trường sẽ được an toàn hơn, sự ô nhiễm sẽ được khống chế, ngăn chặn vì cộng đồng có sức sáng tạo, có tính đoàn kết nên mọi khó khăn đều có thể giải quyết thông qua quá trình trao đổi, bàn bạc, thuyết phục và hành động.

A. Về chính sách

Củng cố, hoàn thiện các chính sách pháp luật, quy định của nhà nước từ trung ương đến địa phương về bảo vệ môi trường (đồng bộ, có tính hệ thống), có chính sách hợp lý, động viên, khuyến khích, khen thưởng cho các cá nhân và tập thể tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường. Cần có chính sách và thi hành chính sách xử phạt các hành vi vi phạm môi trường một cách nghiêm túc nhằm tăng cường hiệu lực của các văn bản pháp luật bảo vệ môi trường.

Trước mắt cần có chính sách xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển cho các mô hình điển hình về bảo vệ môi trường với sự tham gia của cộng đồng đã có, hoàn thiện các mô hình nhân rộng, phổ biến trên phạm vi cả nước.

B. Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mọi người dân và của cả cộng đồng. Để cộng đồng tham gia một cách tích cực thì cần tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho mọi người dân, cho cộng đồng là một biện pháp hữu hiệu.

Quan tâm đào tạo lại và đào tạo mới những nhận thức về vai trò của môi trường du lịch với sự phát triển bền vững của ngành, đảm bảo cho việc bảo vệ và gìn giữ môi trường, gắn giáo dục môi trường du lịch với các chương trình đào tạo cho mọi đối tượng tham gia vào hoạt động du lịch.

Thực hiện phổ biến kiến thức pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, thông tin môi trường, tuyên truyền, phổ cập nhận thức môi trường theo các chương trình và các phương tiện thông tin đại chúng như tivi, báo, đài,... hoặc mở lớp tập huấn

phổ biến kiến thức môi trường và bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt việc đưa nội dung học tập bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân ở tất cả các cấp học.

Đầu tư kinh phí, phương tiện hay công cụ cho cộng đồng trong bảo vệ môi trường, thành lập quỹ bảo vệ môi trường để có kinh phí thường xuyên trong giải quyết các vấn đề bất cập của công tác bảo vệ môi trường.

Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, tổ chức cho mọi tầng lớp dân cư tham gia vào các phong trào xanh – sạch – đẹp, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, gia đình văn hóa mới,... dưới các hình thức phù hợp với từng lứa tuổi, giới tính, dân tộc.

3.1.3.4 Hợp tác quốc tế

Trong đây mạnh hợp tác quốc tế lâu dài, đa phương hoặc song phương giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế và cá nhân bảo vệ môi trường du lịch trên tất cả các lĩnh vực bao gồm các nội dung chủ yếu sau: soạn thảo những chính sách, ứng dụng những công nghệ du lịch tiên tiến, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường, đảm bảo phát triển bền vững, trao đổi thông tin thường xuyên về những vấn đề liên quan, trao đổi kinh nghiệm và nâng cao trình độ quản lý môi trường trong du lịch thông qua việc trao đổi các chuyên gia hoặc tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn dưới sự tài trợ của các tổ chức quốc tế và cá nhân, tiến hành những nghiên cứu chung về các hệ sinh thái điển hình phục vụ du lịch cần được bảo vệ để có cơ sở đề ra các chính sách quản lý phù hợp.

Trong xu thế toàn cầu hóa, vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường cũng mang tính toàn cầu. Trong hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, trong đó có môi trường du lịch cho thấy cần thiết phải có một kế hoạch hành động chung giữa các quốc gia trong khu vực đảm bảo cho phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng một cách bền vững. Kế hoạch hành động này bao gồm:

- Đảm bảo sự trao đổi thông tin thường xuyên giữa các quốc gia trong khu vực về những vấn đề môi trường cấp bách thông qua các hội nghị, hội thảo và xuất bản các tạp chí chuyên đề về môi trường du lịch.

- Trao đổi kinh nghiệm và nâng cao trình độ quản lý môi trường trong du lịch thông qua việc trao đổi chuyên gia hoặc tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn dưới sự tài trợ của các tổ chức quốc tế trong khu vực như ESCAP, OPECT, NEP, WTO, PATA.

3.2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁCH SẠN

3.2.1. Vai trò của công tác bảo vệ môi trường trong kinh doanh khách sạn

3.2.1.1. Bảo vệ môi trường trong khách sạn đóng góp đáng kể vào việc bảo vệ môi trường du lịch nói chung.

Trong thời gian qua, do tình hình lượng khách du lịch đến Việt Nam gia tăng nhanh chóng nên hệ thống khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch cũng có bước phát triển vượt bậc về số lượng, chất lượng và các dịch vụ phục vụ khách. Với số lượng lớn thì các khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch đã gây tác động không nhỏ tới môi trường một cách trực tiếp và gián tiếp. Hoạt động kinh doanh được mở rộng đã làm phát sinh những vấn đề cấp bách về môi trường như: nguy cơ mất rừng và cạn kiệt tài nguyên rừng, tài nguyên biển bị suy giảm đáng kể, môi trường biển bắt đầu bị ô nhiễm, tài nguyên nước, tài nguyên sinh vật, các hệ sinh thái đang bị sử dụng không hợp lý dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; ô nhiễm môi trường, trước hết là môi trường nước và không khí đã xuất hiện ở nhiều nơi. Nếu mỗi khách sạn và các cơ sở kinh doanh du lịch trong cả nước có ý thức thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trong cơ sở của mình thì kết quả đưa lại sẽ rất đáng kể.

3.2.1.2. Bảo vệ môi trường là một trong những điều kiện kinh doanh đối với cơ sở lưu trú du lịch.

Về mặt pháp lý, khi đăng ký kinh doanh các cơ sở lưu trú du lịch đều đã phải tuân thủ các điều kiện về đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài những quy định của luật môi trường và các văn bản pháp lý liên quan, cơ sở lưu trú du lịch còn phải đảm bảo điều kiện về địa điểm như đã quy định tại khoản 1, Điều 7, Nghị định 39/2000/NĐ – CP ngày 24/8/2000 của Chính phủ về cơ sở lưu trú du lịch: “Địa điểm cơ sở lưu trú du lịch phải cách trường học, bệnh viện và những nơi có thể gây ra ô nhiễm một khoảng cách nhất định phù hợp với quy định của địa phương nơi xây dựng cơ sở lưu trú, không được nằm trong hoặc liền kề khu vực quốc phòng, an ninh và các mục tiêu cần được bảo vệ”.

3.2.1.3. Bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu của khách du lịch.

Ngày nay, nhiều khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế rất nhạy cảm đối với vấn đề bảo vệ môi trường. Hiện tượng này đã trở thành một nhu cầu khá phổ biến của khách du lịch. Chính vì vậy, một số khách sạn đã biết áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm tăng cường mức độ đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khách trên.

3.2.1.4. Bảo vệ môi trường tạo hình ảnh tốt để thu hút khách du lịch.

Với vai trò như là một điều kiện để phát triển du lịch, môi trường có tác động tích cực đến tâm lý của khách du lịch. Môi trường tốt sẽ tạo cho du khách những ấn tượng tốt đẹp về đất nước và con người nơi họ tham quan, du lịch. Môi

trường hấp dẫn, trong sạch không bị ô nhiễm là điều kiện thuận lợi để các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch quảng bá hình ảnh để thu hút khách.

3.2.1.5. Bảo vệ môi trường có tác động tích cực đến hành vi tiêu dùng của khách du lịch.

Vấn đề bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch nói chung cần có sự tham gia tích cực của khách du lịch. Không gian trong các khách sạn là điều kiện thuận lợi để tác động, tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục khách du lịch có ý thức bảo vệ môi trường khi đi du lịch. Thông qua các hoạt động bảo vệ môi trường cụ thể hoặc các ấn phẩm tuyên truyền, các khách sạn sẽ giúp khách du lịch tiếp cận với những thông tin về công tác này tại các điểm du lịch. Thời gian lưu trú tại khách sạn thường chiếm phần lớn thời gian của chuyến đi du lịch, do vậy các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch là địa điểm thuận lợi cho các hoạt động thông tin, tuyên truyền về bảo vệ môi trường.

3.2.2. Những tác động về môi trường của khách sạn

Qua điều tra thực tế, có thể thấy rằng khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch gây tác động đến môi trường chủ yếu thông qua vấn đề tiêu thụ năng lượng, nước làm phát sinh các loại rác thải, khí thải.

3.2.2.1. Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ năng lượng là một nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. Để cung cấp năng lượng cần phải sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên như than, dầu lửa, khí đốt,... Việc khai thác những nguồn tài nguyên này đã làm suy thoái môi trường tự nhiên. Do vậy, tiết kiệm năng lượng không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn là một biện pháp góp phần bảo vệ môi trường.

Trong khách sạn và các cơ sở kinh doanh du lịch, năng lượng chủ yếu được sử dụng dưới dạng điện năng hoặc nhiên liệu để thắp sáng, làm lạnh, vận hành các thiết bị đun nước nóng. Lượng năng lượng tiêu thụ trong các cơ sở này thường rất lớn, được thể hiện qua tỷ trọng chi phí cao về năng lượng trong tổng chi phí vận hành của cơ sở. Năng lượng được tiêu thụ nhiều nhất trong các hoạt động chính như: khu vực phòng ngủ, nhà hàng, chế biến món ăn và các khu vực dịch vụ bổ sung. Trong các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch, có nhiều thiết bị sử dụng năng lượng điện như: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị chiếu sáng, kho lạnh, thiết bị văn phòng, thang máy, máy giặt và sấy,... Một số trang thiết bị sử dụng nhiên liệu như lò hơi, bếp than, xe ô tô,...

Như vậy, khi du lịch phát triển, số lượng du khách tăng lên, hệ thống các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch được mở rộng thì mức độ tiêu thụ năng

lượng để phục vụ khách trở nên rất lớn. Việc tiêu thụ năng lượng trong các cơ sở này đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường.

3.2.2.2. Tiêu thụ nước

Tiêu thụ nước cũng là một nhân tố tác động đến môi trường. Sự tác động này được thể hiện trên hai khía cạnh. Thứ nhất, nước là một nguồn tài nguyên hữu hạn. Việc sử dụng nước không hiệu quả sẽ gây lãng phí tài nguyên, góp phần làm suy thoái môi trường. Thứ hai, lượng nước thải ra không được xử lý là một trong những nguyên nhân cơ bản gây ô nhiễm môi trường.

Trong các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch, lượng nước tiêu thụ là rất lớn, do vậy đã gây tác động không nhỏ trên cả hai khía cạnh: khối lượng nước sạch cần được cung cấp và vấn đề nước thải. Khu vực tiêu thụ nước nhiều nhất là khu vực phòng khách, phòng tắm, phòng vệ sinh, bể bơi, khu vực sân vườn, khu vực nhà giặt và khu vực rửa chén bát ở nhà bếp. Lượng nước thải từ các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch chứa nhiều chất có hại cho môi trường, nhất là các hóa chất dùng để tẩy rửa, giặt. Nếu không qua xử lý, lượng nước thải này có thể được xả trực tiếp ra cống thoát nước công cộng, nguồn nước ngọt hoặc nước biển. Do vậy điều quan trọng là phải hạn chế tác động gây ô nhiễm môi trường của nước thải từ các cơ sở kinh doanh này.

3.2.2.3. Rác thải

Rác thải ở đây được hiểu là các chất thải rắn. Rác thải ảnh hưởng rất lớn đến môi trường vì rác thải bao gồm nhiều loại rất khó xử lý theo cách có lợi cho môi trường. Mặt khác, việc thải ra nhiều rác còn làm lãng phí các nguồn tài nguyên để làm ra các vật liệu đó. Như vậy cũng góp phần làm suy thoái môi trường.

Trong khách sạn và các cơ sở kinh doanh du lịch, rác thải chủ yếu phát sinh từ khu vực phòng khách, văn phòng, kho, bộ phận kỹ thuật, khu vực ăn uống, bao gồm nhiều loại từ giấy đến các chất thải độc hại cho môi trường, có thể nêu một số loại sau:

- Rác thải từ các hoạt động văn phòng như: báo, tạp chí, giấy đã in, đồ dùng văn phòng đã qua sử dụng như bút bi, hộp mực in, bìa cứng, pin,...
- Rác thải bao bì từ các nhà cung cấp: hộp các – tông, chai lọ thủy tinh, hộp nhựa và kim loại, bình xịt, túi nhựa,...
- Rác thải từ khu vực phòng khách: chai lọ bằng nhựa đựng các đồ dùng đặt trong phòng, túi đựng đồ giặt là, các sản phẩm bằng nhựa, túi đựng hàng, xà phòng và cuộn giấy vệ sinh đã qua sử dụng, đồ thực phẩm, rau quả còn thừa,...

Việc phân loại để xử lý rác thải là yêu cầu cần thiết phải thực hiện nhằm góp phần bảo vệ môi trường một cách trực tiếp nhất.

3.2.2.4. Khí thải

Khí thải có chứa những chất độc hại gây tác động rất lớn đến môi trường, đặc biệt là khí CFC, một trong những nguyên nhân làm thủng tầng ozon của trái đất, gây hiệu ứng nhà kính.

Hoạt động của các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch cũng làm phát sinh một lượng đáng kể khí thải độc hại. Các loại khí thải này chủ yếu bao gồm khí CFC từ các thiết bị làm lạnh và từ các máy điều hòa nhiệt độ, khí thải từ các lò đốt bằng nhiên liệu như than, gas, dầu và khí thải từ các phương tiện vận chuyển. Ngoài ra, khu vực bếp, nhà hàng, nhà giặt cũng làm phát sinh mùi hôi gây ô nhiễm không khí và môi trường.

Giảm lượng khí thải độc hại cần được coi là mục tiêu quan trọng đối với công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn.

3.2.3. Phương pháp đánh giá tác động về môi trường của khách sạn

Để đánh giá mức độ tác động của các khách sạn đến môi trường, các nhà quản lý có thể sử dụng “phương pháp đánh giá theo khung tiêu chuẩn đã được xác định từ trước”. Khung tiêu chuẩn thực chất là các giá trị ngưỡng của các tiêu thức khác nhau về môi trường, được dùng để so sánh và đo lường. Các giá trị ngưỡng có thể trở thành tiêu chuẩn bắt buộc phải thực hiện nhưng cũng có thể là những yêu cầu khuyến khích thực hiện hoặc tùy chọn. Mức độ tác động đến môi trường của khách sạn có thể được đánh giá là tốt, trung bình hoặc kém tùy vào việc so sánh số liệu thu thập được của từng khách sạn với các giá trị ngưỡng.

Quy trình đánh giá có thể được thực hiện theo các bước sau:

- Xác định giá trị ngưỡng.
- Xây dựng phiếu điều tra.
- Kiểm tra và đánh giá.

3.2.3.1. Xác định giá trị ngưỡng.

Việc xác định giá trị ngưỡng cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Lựa chọn các tiêu thức về môi trường cần lập giá trị ngưỡng: đối với các khách sạn có thể chọn tiêu thức về năng lượng, nước sạch, chất thải rắn, nước thải.
- Giá trị ngưỡng chủ yếu được thiết lập ở dạng tỷ số như:
 - + Suất tiêu thụ năng lượng (Kwh/ngày hoặc Kwh/năm).
 - + Suất tiêu thụ nước (m^3 /ngày)
- Các giá trị ngưỡng được thiết lập phụ thuộc vào quy mô, thứ hạng của khách sạn và đặc điểm thời tiết, khí hậu của khu vực địa lý nơi khách sạn được xây dựng.

3.2.3.2. Xây dựng phiếu điều tra.

Phiếu điều tra là một công cụ rất hiệu quả để thu thập thông tin và đánh giá. Việc xây dựng phiếu điều tra cần được tổ chức một cách khoa học để có thể bao quát được toàn diện các vấn đề liên quan đến môi trường.

Các câu hỏi trong phiếu điều tra thuộc hai loại:

- Loại câu hỏi để thu thập dữ liệu định lượng.
- Loại câu hỏi để thu thập dữ liệu định tính.

Ngoài ra, để làm đơn giản việc trả lời câu hỏi, phiếu điều tra được xây dựng cho các bộ phận khác nhau trong khách sạn. Điều này sẽ tiết kiệm được thời gian, tránh trùng lặp, tăng cường độ chính xác của các thông tin được cung cấp.

3.2.3.3. Kiểm tra và đánh giá.

Công việc này được thực hiện dựa trên cơ sở thu thập và phân tích các số liệu theo phiếu điều tra. Nguồn cung cấp số liệu là các hóa đơn tiêu thụ năng lượng, nước, số liệu thống kê, con số đo lường, tính toán, quan sát,... Sau đó các số liệu được đối chiếu, so sánh với các giá trị ngưỡng đã đề ra nhằm phân tích, đánh giá mức độ tác động đến môi trường. Các kết luận đều được gắn với mục tiêu thiết lập hệ thống quản lý môi trường tổng thể, không ngừng cải thiện tác động về môi trường của các khách sạn.

3.2.4. Các nguyên tắc bảo vệ môi trường trong khách sạn

Trên cơ sở ứng dụng những nghiên cứu cơ bản về mô hình quản lý, những tiến bộ về khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện nay, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tiễn tại Việt Nam, các phần sau đây sẽ đề cập cụ thể một số nguyên tắc cơ bản nhằm quản lý tài nguyên một cách hiệu quả trong các khách sạn.

3.2.4.1. Quản lý môi trường trên cơ sở pháp lý

Để thực hiện nguyên tắc này, các cấp quản lý nhà nước nghiên cứu đề ra các quy định, các chỉ tiêu pháp lý nhằm làm căn cứ để hướng dẫn và kiểm tra các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch thực hiện quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm từ khâu thu gom, bảo quản đến xử lý chúng nhằm bảo vệ môi trường. Đặc biệt, cần quy định rõ và cụ thể quy trình quản lý các chất thải độc hại. Hướng tới việc kiểm tra, cấp chứng nhận nhãn mác môi trường cho các cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn, có nhiều sáng kiến và tích cực hoạt động quản lý chất thải nói riêng và bảo vệ môi trường nói chung.

3.2.4.2. Quản lý môi trường trên cơ sở tự nguyện

Thực hiện nguyên tắc này, các cấp quản lý nhà nước cần nghiên cứu đưa ra các tiêu chuẩn xanh về môi trường để khuyến khích các nhà quản lý, nhân viên

phục vụ tại các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch, những nhà sản xuất cung ứng cho các cơ sở lưu trú và kể cả khách du lịch tự nguyện đưa ra các sáng kiến thực hiện các biện pháp quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm. Cần phổ biến thông tin đầy đủ, giáo dục nâng cao nhận thức trong ngành về ảnh hưởng của chất thải từ các hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch tới môi trường và tới sức khỏe con người, về yêu cầu bảo vệ môi trường để phát triển bền vững ngành du lịch.

3.2.4.3. Quản lý môi trường từ cấp cơ sở

Mỗi khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch có vị trí, mức độ tiện lợi, quy mô khác nhau, có những yếu tố ảnh hưởng khác nhau. Vì vậy, từng cơ sở lưu trú du lịch phải xây dựng kế hoạch hành động cho đơn vị mình, đặt mục tiêu, phân công theo dõi và kiểm soát theo mục tiêu đã đề ra hàng năm. Chú trọng việc sử dụng tài nguyên một cách bền vững, giảm tiêu thụ quá mức, giảm xả thải, thực hiện quy trình thu gom, phân loại, bảo quản và xử lý an toàn các loại chất thải khác nhau.

3.2.4.4. Quản lý môi trường theo nguyên tắc 3R (Reuse – Reduce – Recycle).

Sử dụng các biện pháp để xử lý môi trường theo nguyên tắc:

- Tái sử dụng (Reuse): các cơ sở lưu trú du lịch có thể sử dụng lại các vật dụng để không tạo thành rác thải. Ví dụ như sử dụng hộp bằng nhựa, gốm,... để đặt xà phòng, nước gội đầu cho các buồng khách hàng ngày; sử dụng những mẫu giấy còn thừa để làm sổ ghi chép; sử dụng chất thải như thực phẩm, thức ăn dư thừa để chăn nuôi lợn, gà (nuôi tại các cơ sở lưu trú hoặc đưa về các trại chăn nuôi gia súc); nước thải đã qua xử lý để phục vụ cho việc tưới cây;...

- Giảm thiểu chất thải (Reduce): trên nguyên tắc nghiên cứu thay thế, tiết kiệm các nguyên vật liệu đầu vào, tiết kiệm năng lượng, nước,... thay đổi công nghệ, thiết bị theo hướng giảm thải. Cần đặc biệt quan tâm tới giảm chất thải độc hại, chất thải không thể phân hủy được.

- Tái chế chất thải (Recycle): phân loại các loại thủy tinh, giấy, bìa, nhựa, lon, hộp,... những loại rác thải có thể tái chế lại rồi liên hệ với nơi sản xuất, thu mua lại theo định kỳ.

3.2.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường trong khách sạn

3.2.5.1. Quản lý năng lượng

A. Mục tiêu

Mục tiêu của quản lý năng lượng là nhằm hiểu rõ năng lượng được sử dụng như thế nào trong các khách sạn để từ đó tìm các biện pháp tiết kiệm năng lượng.

Để thực hiện được những mục tiêu như trên thì các khách sạn cần tiến hành một số công việc sau:

- Thu thập số liệu thống kê về sử dụng năng lượng, chi phí và công suất sử dụng buồng tương ứng.
- Tính tỷ trọng tiêu thụ năng lượng của từng khu vực so với toàn bộ khách sạn.
- Xác định các biện pháp tiết kiệm năng lượng, chi phí đầu tư cũng như lợi ích thu được từ việc tiết kiệm năng lượng.

B. Phương hướng tiết kiệm năng lượng

- Bảo trì các thiết bị.
- Tránh tổn thất nhiệt do cửa mở, quạt hút gió,...
- Sử dụng có hiệu quả hệ thống điều hòa nhiệt độ.
- Quy định mức năng lượng sử dụng tùy theo yêu cầu công việc.
- Lắp đặt dụng cụ điều chỉnh nhiệt độ ở những nơi có sử dụng nước nóng.
- Xem xét các phương án hoặc nguồn năng lượng mới có thể được sử dụng hoặc thay thế.
- Hạn chế sử dụng năng lượng không tái sinh.

C. Đánh giá mức tiêu thụ năng lượng

* Thu thập số liệu hàng năm:

Điện	<input type="text"/>	Kwh (1)
Khí đốt	<input type="text"/>	Kwh (2)
Các loại năng lượng khác	<input type="text"/>	Kwh (3)

Tổng năng lượng tiêu thụ thực tế của khách sạn là:

$$(4) = (1) + (2) \times 0,5 + (3) \times 0,5$$

* Tính tổng diện tích bề mặt của khách sạn:

Tổng diện tích bề mặt của khách sạn: m²

(Không kể bãi đậu xe và mặt bằng kỹ thuật).

* Tính suất tiêu thụ năng lượng thực tế trên 1 m²:

$$R_1 = \frac{\text{Tổng năng lượng tiêu thụ của khách sạn}}{\text{Diện tích bề mặt khách sạn}}$$

* Tính suất tiêu thụ năng lượng lý thuyết trên 1 m²:

Tiêu thụ năng lượng lý thuyết của khách sạn được dựa trên các giá trị thể hiện đặc điểm của khách sạn:

Khu vực A: khí hậu lục địa, ôn hòa.

Khu vực B: khí hậu Địa trung hải.

C₁ : hệ số sưởi, nước nóng.

C₂ : hệ số điều hòa không khí.

C_3 : hệ số đối với thực phẩm và rau quả.

Suất tiêu thụ năng lượng lý thuyết là:

$$R_2 = C_1 + C_2 + C_3$$

* Đánh giá mức tiêu thụ năng lượng của khách sạn:

- Nếu $R_1 < (R_2 + 20\%)$: mức tiêu thụ năng lượng của khách sạn là tốt.
- Nếu $R_1 > (R_2 + 20\%)$: mức tiêu thụ năng lượng của khách sạn là quá cao.

D. Một số biện pháp tiết kiệm năng lượng

- Lắp điện kế và đồng hồ đo tại các khu vực dịch vụ tiêu thụ nhiều điện; theo dõi và tập hợp số liệu thống kê lượng điện tiêu thụ hàng tháng tại các bộ phận (thông qua các thiết bị kỹ thuật để đo và thông qua các hóa đơn tiêu thụ). Việc theo dõi các chỉ số về mức tiêu thụ điện giúp khách sạn xác định được những tình huống bất thường về tiêu thụ năng lượng và có thể tính toán xác định được các chỉ tiêu định mức tiêu thụ cho từng khu vực, từ đó có những phương án sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng.

- Thành lập Ban quản lý năng lượng nhằm tư vấn và đưa ra những giải pháp nhằm tiết kiệm năng lượng cho khách sạn.

- Sử dụng các biện pháp nhằm giảm tổn thất điện ở các khu vực chính:

+ Khu vực tiền sảnh: bố trí khách ở tầng thấp trước để giảm nhu cầu sử dụng cầu thang máy; bố trí tủ cắt điện từng phòng tại khu vực lễ tân hoặc sử dụng điều khiển cảm ứng hay bộ định thời gian thăm dò khu vực không có khách để tắt điện; tận dụng ánh sáng mặt trời; đóng cửa lại ngay sau khi khách đã ra hoặc vào khách sạn để tránh thất thoát nhiệt khi đang sử dụng điều hòa.

+ Khu vực văn phòng: sử dụng các thiết bị văn phòng có biểu tượng ngôi sao năng lượng (energy star); cài đặt hệ thống máy tính ở chế độ “ngủ” khi không sử dụng. Hoạt động này có thể giảm mức tiêu thụ điện xuống 60% so với máy đang hoạt động bình thường.

+ Bộ phận buồng: điều chỉnh nhiệt độ điều hòa trong phòng (mùa hè cài đặt nhiệt độ 25 – 26°C, mùa đông 22 – 24°C), đặt nhiệt độ nước nóng thích hợp (40 – 50°C tại buồng ngủ và 60°C trong bếp). Tận dụng ánh sáng và không khí tự nhiên khi dọn phòng. Đóng các rèm trên cửa sổ để ngăn sức nóng, giảm tải điều hòa và chi phí điện. Sử dụng rèm 2 lớp: lớp phản chiếu làm bằng nhựa tổng hợp màu sáng (thường là màu trắng bạc) và lớp cách nhiệt (thường bằng nỉ nhung hoặc vải dày). Sử dụng chìa khóa thẻ tự động bật tắt nguồn điện khi khách ra khỏi phòng.

+ Bộ phận kỹ thuật: thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy móc và trang thiết bị điện, đặc biệt là hệ thống điều hòa; định kỳ vệ sinh hệ thống phin lọc khí (để cung cấp gió tốt hơn và giảm năng lượng tiêu hao của hệ thống quạt gió) và hệ thống làm lạnh (để đảm bảo cung cấp nhiệt lượng trao đổi tốt hơn).

Đảm bảo cách nhiệt tốt các ống dẫn nước, khí lạnh và nước nóng cần để giảm thiểu tiêu hao năng lượng.

- Nhắc nhở nhân viên tuân thủ việc tắt điện sau khi hết giờ làm việc.

- Lựa chọn và sử dụng hiệu quả trang thiết bị điện:

- + Hệ thống chiếu sáng: sử dụng loại bóng đèn tuýp nhỏ vì loại bóng này có cùng độ chiếu sáng, giá thành bằng bóng đèn to nhưng tiết kiệm 4WAT/bóng hoặc 10% điện năng tiêu thụ. Sử dụng bóng đèn compact. Ví dụ, khách sạn Continental (TP.Hồ Chí Minh) đã thay toàn bộ bóng đèn dây tóc 100W trong phòng khách bằng bóng đèn compact 18W, thay đèn huỳnh quang 20W trong phòng khách bằng bóng đèn compact 8W, thay bóng đèn dây tóc khu vực công cộng, hành lang bằng bóng đèn compact 8W. Giải pháp này đã giúp khách sạn tiết kiệm được 34.164 Kwh, tương đương với 29.381.040 đồng hàng năm.

- + Hệ thống điều hòa: Có 2 loại hệ thống điều hòa không khí: hệ thống riêng lẻ và hệ thống điều hòa trung tâm.

Hệ thống điều hòa riêng lẻ: gồm một bộ phận ngưng hơi và một bộ phận bay hơi. Loại này phù hợp với khách sạn nhỏ. Kiểu điều hòa này dễ lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng nhưng hiệu suất không cao bằng máy trung tâm. Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện loại máy điều hòa kiểu đơn lẻ có tích hợp cảm biến nhận biết có người trong phòng và tự điều chỉnh chế độ hoạt động thích hợp. Ngoài ra, một số máy sản xuất gần đây cũng có chức năng tích hợp bộ biến tần, các loại máy này sẽ tự động cho chế độ tối ưu để vận hành, nhờ đó có thể tiết kiệm điện. Ví dụ, khách sạn Victory (TP.Hồ Chí Minh) đã thay mới 30% máy điều hòa sử dụng công nghệ biến tần. Loại này có thể điều chỉnh công suất để lượng điện tiêu thụ xuống mức thấp nhất. Kết quả, khách sạn đã tiết kiệm được 62% chi phí tiền điện mỗi ngày cho hệ thống điều hòa, tương đương với 230 triệu đồng/năm.

Điều hòa trung tâm: phù hợp với các khách sạn lớn. Có hai loại máy điều hòa trung tâm: dẫn lạnh bằng nước và dẫn lạnh bằng gió.

Ngoài ra, nên làm thông thoáng hành lang khu vực giải nhiệt của hệ thống lạnh bằng hai quạt hút và đẩy nhằm giảm thiểu công suất tiêu thụ điện, gắn quạt chắn gió tại các khu vực sử dụng điều hòa như sảnh lễ tân, nhà hàng và che các dàn nóng của điều hòa bị nắng chiếu. Nếu khách sạn chọn sử dụng hệ thống điều hòa trung tâm giải nhiệt bằng nước, chú ý chọn vị trí thông thoáng, có lối thoát hơi ẩm trên đỉnh cho tháp giải nhiệt; vệ sinh định kỳ và xử lý nước giải nhiệt của hệ thống tháp giải nhiệt.

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện cho hệ thống điều hòa không khí:

- + Đóng các rèm trên cửa sổ và cửa ra vào để ngăn cản nhiệt vào phòng, giảm phụ tải cho máy điều hòa không khí.

- + Cài đặt nhiệt độ phù hợp cho bộ phận điều khiển nhiệt độ.

+ Định kỳ làm vệ sinh bộ lọc gió, tháp giải nhiệt của máy điều hòa không khí để loại bỏ bụi, làm sạch bề mặt trao đổi nhiệt, tăng hiệu suất sử dụng của máy.

+ Tất cả các ống dẫn khí cần được đảm bảo độ kín và bảo ôn tốt.

+ Bố trí thiết bị đúng cách: dàn nóng đặt ở nơi thoáng mát, tránh để ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp vào thiết bị, không để dàn lạnh thổi trực tiếp vào khách, không bố trí dàn lạnh quá gần quạt hút gió.

- Giải pháp tiết kiệm điện cho hệ thống chiếu sáng:

+ Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact) vẫn đáp ứng được nhu cầu ánh sáng đồng thời mang lại hiệu quả trong tiết kiệm năng lượng.

+ Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời sử dụng các thiết bị tự động bật tắt theo thời gian. Sử dụng đèn năng lượng mặt trời.

- Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho hệ thống nước nóng:

+ Thay thế các bình nước nóng cục bộ cho từng phòng bằng các bình nước nóng trung tâm sử dụng dầu DO để gia nhiệt cho nước lạnh.

+ Gia nhiệt cho nước bằng các bình nước nóng năng lượng mặt trời trước khi đưa vào các bình nước nóng sử dụng điện.

- Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho hệ thống bơm nước thủy cục và thang máy:

+ Lắp đặt thêm bộ biến tần nhằm điều chỉnh thích hợp áp lực nước trên đường phân phối cho máy bơm nước thủy cục theo nhu cầu cấp nước thực tế.

+ Lắp biến tần cho các động cơ thang máy theo nhu cầu thực tế của tải.

- Sử dụng các thiết bị làm việc với thời gian ngắn, không quy định thời gian làm việc vào các giờ thấp điểm để giảm giá thành điện.

- Điều khiển tắt mở các thiết bị, đèn chiếu sáng từng khu vực theo các quy định cụ thể ứng với nhu cầu sử dụng.

3.2.5.2. Quản lý nước

A. Mục tiêu

Mục tiêu của quản lý nước là nhằm làm rõ nước được sử dụng như thế nào trong các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch, từ đó đề ra các biện pháp tiết kiệm nước và thực hiện tái sử dụng nước một cách tối đa.

Để thực hiện các mục tiêu này cần tiến hành một số công việc sau:

- Thu thập số liệu về tiêu thụ nước qua các hóa đơn thanh toán, thống kê công suất sử dụng phòng, các số liệu kỹ thuật của các thiết bị.

- Lắp đồng hồ nước để tính tỷ trọng lượng nước tiêu thụ của các khu vực tiêu thụ nước nhiều nhất.

- Xác định các khả năng tiết kiệm nước. Ước tính chi phí và lợi ích mà các biện pháp tiết kiệm nước mang lại.

B. Phương hướng tiết kiệm nước cơ bản

- Sửa chữa chỗ rò rỉ:
 - + Thay thế các van bị rò rỉ trên đường ống.
 - + Kiểm tra các lỗ rò rỉ trên đường ống và sửa chữa kịp thời.
- Theo dõi bồn nước và tránh để bị tràn nước.
- Đóng các van nước.
- Lắp đồng hồ nước tại các khu vực sử dụng nhiều nước.
- Tránh sử dụng nước khi không thật sự cần thiết.
- Khóa các vòi nước khi không sử dụng.
- Khóa một số van nước nhằm tránh lãng phí nước.
- Lắp đặt các thiết bị tiết kiệm nước.
- Điều chỉnh các bơm và ống nước nhằm điều chỉnh áp lực nước theo yêu cầu sử dụng.
- Tái sử dụng nước thải:
 - + Xác định số lượng, chất lượng và vị trí các nguồn nước thải có thể tái sử dụng.
 - + Đảm bảo việc tái sử dụng nước thải không gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của khách sạn.
- Tránh để nước rửa chảy liên tục:
 - + Lắp đặt các van nhằm giảm áp lực nước.
 - + Khuyến khích sử dụng bồn rửa thay vì sử dụng vòi nước chảy liên tục.
- Lắp đặt đồng hồ nước tại các khu vực tiêu thụ nhiều nước.
- Đảm bảo việc sử dụng nước có hiệu quả, đặc biệt đối với khu vực tiêu thụ nhiều nước.

C. Đánh giá mức tiêu thụ nước của khách sạn

* Thu thập số liệu hàng năm:

Tiêu thụ nước (theo hóa đơn):	C_1
Số lượt phòng có khách:	N_r
Số lượng khách phục vụ:	N_c
Diện tích vườn:	S_j
Thể tích hồ bơi:	V_p

* Tính mức tiêu thụ nước lý thuyết của khách sạn:

C_r : mức tiêu thụ nước cho một phòng có khách.

C_c : mức tiêu thụ nước cho một khách.

C_j : mức tiêu thụ nước cho 1 m² vườn.

Mức tiêu thụ nước lý thuyết của khách sạn:

$$C_2 = [(N_r \times C_r) + (N_c \times C_c) + (S_j \times C_j)] - V_p$$

* Đánh giá mức tiêu thụ nước trong khách sạn:

- Nếu $C_1 < (C_2 + 20\%)$: mức tiêu thụ nước của khách sạn là tốt.
- Nếu $C_1 > (C_2 + 20\%)$: mức tiêu thụ nước của khách sạn là quá cao.

D. Một số biện pháp tiết kiệm nước cụ thể

- Giảm áp lực nước.
- Giảm lượng nước trong bồn dội vệ sinh: cần sử dụng từ 5 đến 7 lít nước trong bồn dội vệ sinh là đủ.
 - Bơm nước lên các bể chứa trên cao vào giờ thấp điểm để có thể sử dụng nước vào các giờ khác.
 - Tuyên truyền, vận động nhân viên và khách cùng tiết kiệm nước bằng cách dán các khẩu hiệu và biểu tượng vui ở chỗ dễ thấy để nhắc nhở mọi người.
 - Hướng dẫn khách cách sử dụng các thiết bị nước nóng.
 - Sử dụng máy nước nóng có thiết bị trộn không khí, vừa tạo dòng nước có áp lực mạnh, vừa tiết kiệm lượng nước tiêu thụ.
 - Sử dụng các thiết bị đạt hiệu suất sử dụng cao:
 - + Lắp đặt các thiết bị ngắt nước tự động, vòi nước có bộ phận cảm biến hồng ngoại tại các khu vực công cộng.
 - + Lắp lưới hạn chế dòng chảy ở đầu vòi nước.
 - Xử lý nước thải một cách hợp lý:
 - + Trồng các loại cây cảnh thích hợp với khí hậu tại địa phương, như các loại cây tiêu thụ ít nước hoặc các loại cây thích hợp với vùng nước mặn.
 - + Cho nước thải thấm trực tiếp vào đất.
 - + Không thải nước thải trực tiếp ra sông, hồ, biển.
 - Giảm lượng nước tiêu thụ (đầu vào) sẽ làm giảm lượng nước thải (đầu ra).
 - Thường xuyên kiểm tra và làm vệ sinh các xi – phông.
 - Những khách sạn có sân vườn rộng có thể tái sử dụng nước thải đã qua xử lý để tưới vườn cây. Nhờ đó có thể tiết kiệm được một lượng nước sạch đáng

3.2.5.3. Quản lý chất thải

A. Mục tiêu

Mục tiêu của quản lý rác thải trong các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch nhằm giảm thiểu, tái sử dụng và đổ bỏ rác một cách có lợi cho môi trường.

Để thực hiện các mục tiêu như trên khách sạn cần thực hiện một số công việc sau:

- Xác định loại và dạng nguyên liệu được sử dụng.
- Xác định số lượng nguyên liệu tối thiểu có thể thu nhận (do hạn chế về kho chứa).
- Xác định chi phí đổ rác.
- Lập các mục tiêu giảm rác thải nhằm đạt đến hiệu quả về môi trường.

- Theo dõi, thống kê lượng rác thải hoặc thực hiện việc kiểm toán rác thải.
- Thực hiện chính sách quản lý rác thải.

B. Phương hướng quản lý chất thải theo cách có lợi cho môi trường

- Giảm thất thoát, giảm sử dụng nguyên vật liệu.
- Tránh lãng phí một cách không cần thiết.
- Tiến hành bảo trì định kỳ.
- Xây dựng các kế hoạch và thủ tục nhằm quản lý nguyên liệu có hiệu quả.
- Kiểm tra các nguồn thải rác chính. Xác định các khu vực thải nhiều rác trong quá trình hoạt động của khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch.
- Tái sử dụng, tái chế các loại rác khác nhau.
 - + Xác định các khả năng tái sử dụng và tái chế rác thải.
 - + Đổ bỏ các loại rác không thể tái sử dụng và tái chế được bằng phương pháp được nêu trong quy định hiện hành.
- Tái sử dụng, tái chế các nguyên liệu. Xác định khả năng bán các nguyên liệu để tái sử dụng.
- Quản lý rác thải một cách có trách nhiệm:
 - + Tách riêng rác thải theo các chủng loại khác nhau.
 - + Tái sử dụng, tái chế rác như một loại nguyên liệu thô.
 - + Đổ bỏ rác một cách có hiệu quả về kinh tế và môi trường.

C. Một số biện pháp quản lý chất thải cụ thể

- Đối với chất thải rắn:
 - + Chuyển rác đến nơi xử lý chuyên nghiệp tại địa phương: các khách sạn hợp đồng với công ty vệ sinh, môi trường của địa phương để chuyển rác đi.
 - + Thực hiện phân hủy rác: sử dụng các biện pháp (hóa chất, công nghệ, thiết bị,...) để phân hủy rác (thực hiện tại chỗ hoặc chuyển rác đến nơi chuyên phân hủy của địa phương).
 - + Ủ rác: các loại rác hữu cơ có thể được ủ, chôn tại cơ sở hoặc chuyển đến địa chỉ ủ rác tại địa phương để làm phân bón hoặc khí sinh học.
- Đối với chất thải lỏng: thường được xử lý bằng hai cách:
 - + Xây lắp hệ thống thiết bị xử lý nước thải trước khi đổ ra hệ thống nước thải công cộng, đổ ra biển, ao, hồ hoặc cho ngấm xuống đất.
 - + Lắp đặt thiết bị tái chế nước thải để sử dụng lại với mục đích cọ rửa, tưới cây,... nhằm tiết kiệm nước.
- Đối với khí thải: các biện pháp xử lý:
 - + Lắp đặt hệ thống hút mùi, ống khói đưa lên độ cao và vị trí không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
 - + Sử dụng các phương tiện thu gom rác có nắp đậy, điều khiển bằng chân.

- + Thay thế các bình chữa cháy có chứa helon và các tủ lạnh có chứa CFC, thay thế các hóa chất dùng trong công việc vệ sinh bằng các loại không độc.
- + Định kỳ làm vệ sinh bộ lọc bụi và vi khuẩn cho các loại điều hòa.
- + Dành nơi riêng cho người không hút thuốc.
- + Sử dụng pin sạc, pin không chứa thủy ngân.
- + Lắp đặt hệ thống khử mùi hôi để khử mùi trong phòng khách.

3.3. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KINH DOANH LỮ HÀNH

3.3.1. Những vấn đề cần chú ý về môi trường khi xây dựng các chương trình du lịch.

Chương trình du lịch là một lịch trình cụ thể của khách du lịch, trong đó nêu rõ số lượng, chất lượng và thời gian thực hiện của từng loại dịch vụ.

Một trong các hoạt động kinh doanh của công ty lữ hành là xây dựng các chương trình du lịch. Như vậy, để xây dựng các chương trình du lịch các hãng lữ hành phải dựa trên tài nguyên du lịch sẵn có và cơ sở kết cấu hạ tầng tại các khu, điểm tham quan, nghỉ dưỡng và trên đường đi.

Khi xây dựng các chương trình du lịch cần chú ý đến nhu cầu vệ sinh tự nhiên của khách du lịch. Nếu xem nhẹ vấn đề này có thể gây bất tiện, không làm hài lòng khách du lịch và góp phần đáng kể vào việc gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, khi xây dựng chương trình du lịch cần quan tâm đến mật độ, sức chứa và mức độ vệ sinh của nhà vệ sinh tại khu, điểm tham quan, nơi dừng chân để đáp ứng các nhu cầu vệ sinh tự nhiên của khách du lịch.

Cần tính toán một cách khoa học thời gian xuất phát, thời gian đến và lưu lại một điểm tham quan sao cho không trùng vào giờ cao điểm để gặp ách tắc giao thông hoặc do mật độ người quá đông, hạn chế thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch.

3.3.2. Những vấn đề về môi trường cần chú ý khi hướng dẫn du lịch

Hướng dẫn viên trong trường hợp này được hiểu theo nghĩa rộng có nghĩa là những người được hãng lữ hành cử đi theo đoàn khách để theo dõi, hướng dẫn thực hiện các chương trình du lịch đã bán cho khách. Vì là người trực tiếp đi với đoàn khách nên bản thân người hướng dẫn viên phải gương mẫu và đóng vai trò rất quan trọng trong việc nhắc nhở, hướng dẫn khách du lịch thực hiện các quy định về môi trường. Một số yêu cầu đối với hướng dẫn viên:

- Hiểu biết pháp luật liên quan đến môi trường: khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế, đến từ một đất nước khác, có nền văn hóa khác, có hệ thống pháp luật về môi trường khác, do vậy muốn hướng dẫn được khách du lịch, trả lời các câu hỏi quan tâm đến môi trường của khách du lịch, người hướng dẫn viên phải nắm được những căn cứ pháp luật cơ bản về môi trường của Việt Nam.

- Hiểu biết những đặc điểm môi trường nơi mình sẽ đưa khách đến du lịch: trước khi tham quan một địa điểm nào đó, ngoài những thông tin chung cần cung cấp, hướng dẫn cho khách những yêu cầu riêng về môi trường tùy thuộc vào loại hình du lịch.

- Có những sáng kiến để vừa đạt được mục đích bảo vệ môi trường vừa mang lại những cảm xúc phấn chấn cho khách du lịch. Đây là những nghệ thuật hướng dẫn mà mỗi hướng dẫn viên có thể thể hiện khác nhau. Ví dụ khi phát chai nước cho khách du lịch có thể kèm theo thông báo đề nghị quý vị mang vỏ chai không nộp lại sẽ được gắn một sao xanh, đến khi chương trình kết thúc tùy số lượng sao được gắn, quý khách sẽ được thưởng những món quà nhỏ.

- Tham gia giám sát việc bảo vệ môi trường: với vai trò trung gian, đại diện cho hãng lữ hành, hướng dẫn viên có thể yêu cầu các cơ sở cung cấp dịch vụ đảm bảo các quy định về môi trường hoặc góp ý cho cộng đồng dân cư địa phương trong vấn đề bảo vệ môi trường. Nhiệm vụ này tương đối nặng nề, để hoàn thành nhiệm vụ phải là người hướng dẫn viên có bản lĩnh và trách nhiệm về môi trường. Tuy vậy, ngăn ngừa việc mua bán, trao đổi, giết thịt các loài động vật quý hiếm, các loài thực vật cần được bảo vệ giữa khách du lịch và người dân địa phương. Đôi khi vì một nguồn lợi kinh tế nhỏ bé, người dân địa phương có thể đánh bắt, mua bán, trao đổi những loài động thực vật quý hiếm, khách du lịch thiếu hiểu biết về pháp luật sẵn sàng tham gia các hoạt động này. Lúc này hướng dẫn viên phải thể hiện được vai trò tư vấn và ngăn ngừa các hoạt động bất hợp pháp xảy ra.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Trình bày các hoạt động quản lý nhà nước trong môi trường du lịch?

Câu 2: Phân tích các công cụ quản lý nhà nước về môi trường? Công cụ nào hiện nay đang có hiệu quả nhất trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Câu 3: Nêu vai trò của công tác bảo vệ môi trường trong khách sạn?

Câu 4: Trình bày các nguyên tắc quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường trong khách sạn? Cho ví dụ.

Câu 5: Bạn hãy đưa ra các giải pháp quản lý năng lượng, nước và chất thải trong một khách sạn mà bạn biết?

Câu 6: Trình bày những lưu ý về bảo vệ môi trường khi xây dựng chương trình du lịch và khi hướng dẫn du lịch cho khách?

PHỤ LỤC 1

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa điểm), ngàytháng năm 20.....

Kính gửi :(1).....

Chúng tôi là:(2).....

Địa chỉ:.....

Xin gửi đến quý (1) bản cam kết bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. Cam kết của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1.1. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản dưới luật và các quy định riêng (nếu có) tại địa phương. Trong quá trình thực hiện, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

1.2. Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường được nêu dưới đây và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

1.3. Chúng tôi xin đảm bảo độ chính xác của các thông tin và nội dung điền trong bản cam kết bảo vệ môi trường này.

II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

2.1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

.....
.....
.....

2.2. Địa điểm dự kiến triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

.....
.....

2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; sản phẩm và số lượng

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2.4. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m²):

2.5. Nguyên liệu, phụ liệu, phụ gia, hóa chất, dung môi, chất bảo quản, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và các nguyên vật liệu khác sẽ được sử dụng trong quá trình sản xuất; nhu cầu sử dụng từng loại:

.....

.....

.....

.....

2.6. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu: dầu, than, củi, gas (tấn/năm); điện (kW/ tháng):

.....

.....

.....

.....

.....

Phần C. Các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công xây dựng

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Cam kết
	Có	Không		Có
Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công			Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định	
			Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm	
			Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị	
			Biện pháp khác	
Bụi			Xây dựng tường ngăn, phun nước để giảm bụi tại công trường thi công	
			Biện pháp khác	
Tiếng ồn			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị	
			Xây tường chống ồn xung quanh khu vực gây ồn	
			Biện pháp khác	

Nước thải sinh hoạt			Có biện pháp thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường	
			Có biện pháp thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định	
			Biện pháp khác	
Nước mưa chảy tràn			Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường	
			Thu gom và tái sử dụng	
Chất thải rắn xây dựng			Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng	
			Đổ thải đúng tại các địa điểm quy định của địa phương	
Chất thải rắn sinh hoạt			Thu gom, hợp đồng với cơ quan có chức năng để xử lý	
			Đốt	
			Biện pháp khác	
Các yếu tố gây mất an toàn lao động			Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động	
			Biện pháp khác	
Các yếu tố gây ảnh hưởng, gián đoạn tới hoạt động sản xuất và xã hội			Lên kế hoạch cho từng hoạt động, báo cáo với cộng đồng địa phương để được hỗ trợ về thông tin công cộng trong trường hợp gây ra ảnh hưởng	
			Biện pháp khác	

Phần D. Các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn hoạt động

Yếu tố gây tác động	Tình trạng	Biện pháp giảm thiểu	Cam kết
---------------------	------------	----------------------	---------

	Có	Không		Có	K
Khí thải			Lắp đặt ống khói với chiều cao cho phép		
			Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống		
			Tiết kiệm nhiên liệu sử dụng		
			Biện pháp khác		
Bụi			Xây dựng tường ngăn, phun nước để giảm bụi		
			Lắp đặt hệ thống hút bụi		
			Biện pháp khác		
Mùi			Lắp đặt quạt thông gió		
			Biện pháp khác		
Tiếng ồn			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Xây tường ngăn cách âm để giảm tiếng ồn		
			Biện pháp khác		
Nhiệt độ cao xung quanh khu vực sản xuất			Lắp đặt quạt thông gió		
			Biện pháp khác		
Nước thải sinh hoạt			Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung		
			Xử lý đáp ứng QCVN trước khi thải ra môi trường		
			Biện pháp khác		
Nước thải từ hệ thống			Thu gom và tái sử dụng		

làm mát			Biện pháp khác		
Nước thải từ quá trình sản xuất			Thu gom nước thải (bể, ao, hồ, kênh...)		
			Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất		
			Xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn nước		
			Biện pháp khác		
Chất thải rắn			Thu gom chất thải rắn (khu chứa rác)		
Chất thải rắn vô cơ			Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
			Hợp đồng với cơ quan chức năng để thu gom		
			Đốt		
			Biện pháp khác		
Chất thải rắn hữu cơ			Làm phân compost, biogas, tái sử dụng		
			Hợp đồng với cơ quan có chức năng để thu gom		
			Biện pháp khác		
Các yếu tố gây mất an toàn lao động			Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động		
			Biện pháp khác		
Các yếu tố gây ảnh hưởng, gián đoạn tới hoạt động sản xuất và xã hội			Lên kế hoạch cho từng hoạt động sản xuất, báo cáo với cộng đồng địa phương để được hỗ trợ về thông tin công cộng trong trường hợp gây ra ảnh hưởng		
			Biện pháp khác		
Các yếu tố gây phiền			Bố trí khu vực sản xuất cách khu vực đông		

toái và nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng			dân cư xa nhất có thể		
			Biện pháp khác		
Các yếu tố gây nguy cơ cháy, nổ			Trang bị, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy		

	CHỦ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))</i>
--	---

PHỤ LỤC 2

Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư

(theo mức âm tương đương)

Đơn vị : dB(A)

TT	Khu vực (*)	Thời gian		
		Từ 6h đến 18h	Từ 18h đến 22h	Từ 22h đến 6h
1	Khu vực cần đặc biệt yên tĩnh: Bệnh viện, thư viện, nhà điều dưỡng, nhà trẻ,	50	45	40

	trường học, nhà thờ, chùa chiền.			
2	Khu dân cư, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính.	60	55	50
3	Khu dân cư xen kẽ trong khu vực thương mại, dịch vụ, sản xuất.	75	70	

- 10-20 dB: Gió vi vu qua lá cây được xem là trạng thái yên tĩnh
- 30 dB: Thì thầm (trong phòng ngủ)
- 40 dB: Tiếng nói chuyện bình thường
- 50 dB: Tiếng máy giặt, ồn ở siêu thị, có gây phiền nhưng còn chịu được
- 55 dB -80 dB: Động cơ xe hơi, xe máy, gây khó chịu, mệt mỏi
- 80 dB - 85 dB: Máy cắt cỏ, hút bụi, cắt gỗ, làm rất khó chịu
- 90 dB - 100 dB: phát ra ở Công trường xây dựng, ồn ở mức nguy hiểm
- 120dB - 140 dB: Máy bay lúc cất cánh, ồn quá lớn gây tổn thương tâm trí

PHỤ LỤC 3

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án “...(2)...”

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ Dự án: ... (2) ...:

Dự án (báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương của dự án) sẽ do ... (4) ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến quý ... (3) ... những hồ sơ sau:

- 01 (một) bản báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương của Dự án;
- 07 (bảy) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án bằng tiếng Việt.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và theo quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định được trích lục và sử dụng là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... thẩm định và cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường cho Dự án.

... (5) ...

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án; (2) Tên đầy đủ của dự án; (3) Cơ quan tổ chức việc thẩm định hoặc Ban Quản lý được ủy quyền (đối với dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất); (4) Cơ quan phê duyệt dự án; (5) Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;

1. Tổng cục du lịch Việt Nam (2005), Hướng dẫn lồng ghép bảo vệ môi trường trong chương trình đào tạo du lịch.
2. Tổng cục du lịch Việt Nam (2005), Giáo trình tổng quan du lịch.
3. Trần Thanh Lâm (2006), Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế, NXB lao động.
4. Luật bảo vệ môi trường (2009), NXB chính trị quốc gia.
5. Phạm Thị Minh, *Phát triển loại hình du lịch homestay xã Việt Hải - Cát Bà*, Khóa luận tốt nghiệp ngành Văn hóa du lịch, trường Đại học dân lập Hải Phòng, năm 2010.
6. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch, *Tạp chí Du lịch Việt Nam (Số 12/2010)*